GIAI PHẨM

BÁCH KHOA

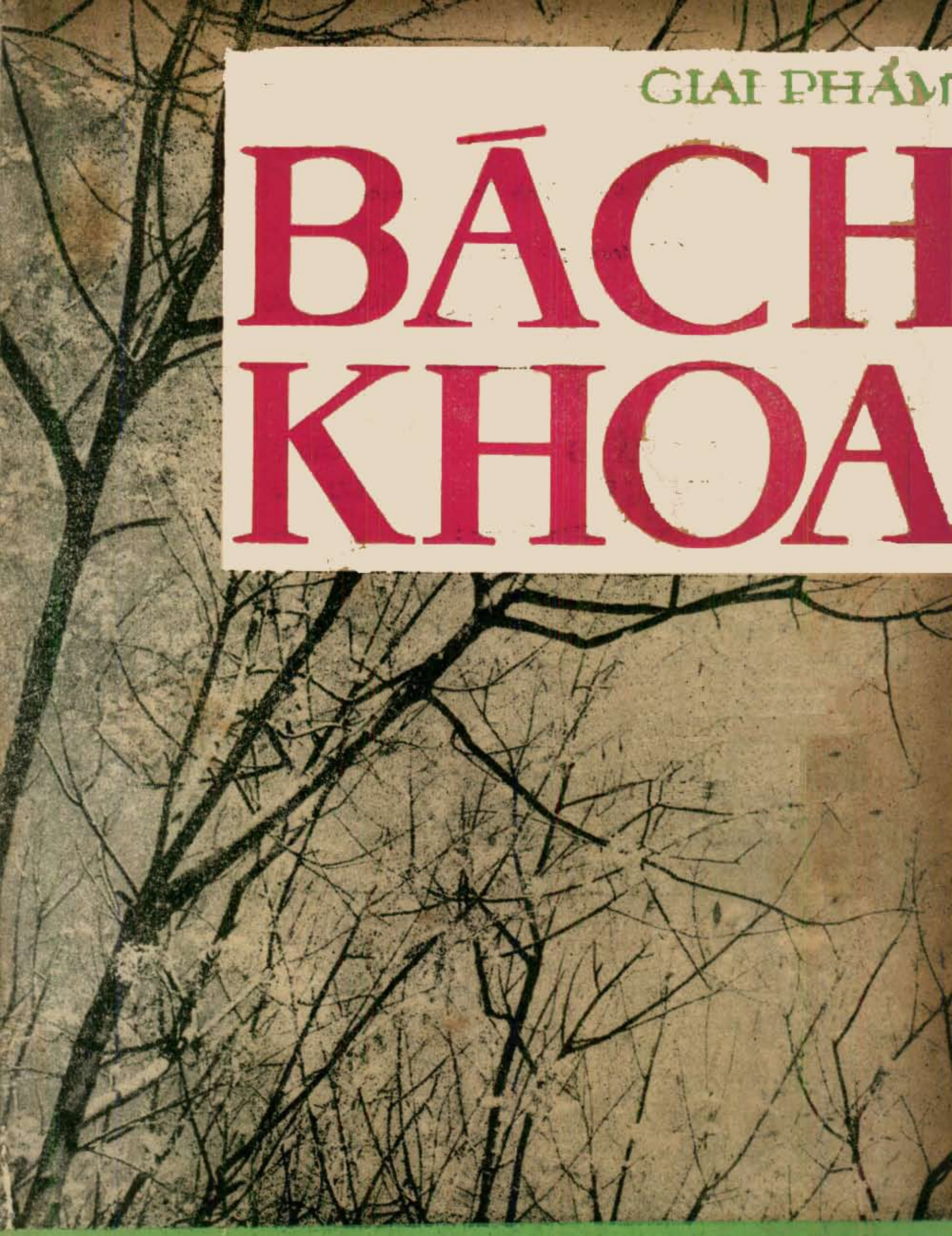

I°
III IX

TỪ MINH · VÕ PHIẾN · VÕ QUANG YẾN · VÕ HỒNG ·
NGUYỄN VĂN NHỰT · NGUYỄN VĂN XUÂN · NGUYỄN
THIẾU DŨNG · PHAN PHỤNG THẠCH · THU THỦY

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM *Tiền bạc* : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG	1.100đ.
MỘT NĂM	2.100đ.

* **Cao Nguyên và Miền Trung :** thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* **Ngoại quốc đường thủy :** thêm cước phí một năm : 500đ

* **Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :**

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai-lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 245đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mầu	:	*mỗi kỳ*	/	6000đ
1/2 trang giấy mầu	:	*mỗi kỳ*	/	4000đ
	oOo			
1 trang trong	:	*mỗi kỳ*	/	5000đ
1/2 trang trong	:	*mỗi kỳ*	/	2500đ
1/4 trang trong	:	*mỗi kỳ*	/	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

G.P.K.D. số 238/PTUDV/PHBCNT/
KSALP/GP ngày 2-4-1973

BÁCH KHOA

I**

TỪ MINH *Hội-nghị Quốc-tế Ba-lê, một bước tiến mới tới hòa bình?* 05
VÕ QUANG YẾN *học tập sanh đẻ* 15
BÁCH KHOA *đàm thoại với Giáo sư Nguyễn Xuân Nhựt về các vấn đề Du học và Giáo dục* 23
NGUYỄN XUÂN NHỰT *tiến tới một nền giáo dục thích nghi* 25
NGUYỄN THIỆU DŨNG *văn học thời Duy Tân* 33
NGUYỄN VĂN XUÂN *năm mới đi viếng nhà thờ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam* 39
VÕ PHIẾN *giọng Huế* 51
VÕ HỒNG *trát đời nhân chứng* (truyện ngắn) 55
DU LY *giã từ em vĩnh biệt* (truyện) 63
ĐỖ-CHU THĂNG *hong chút tình xưa* (thơ) 71
BÁCH KHOA *tưởng niệm Phan Phụng Thạch* 72
PHAN PHỤNG THẠCH *nắng Hạ tình phai — bài thơ làm khi say rượu — bàng bạc tình quê* (thơ) 73

SINH HOẠT 74

VŨ HOÀNG CHƯƠNG *trả lời cuộc phỏng vấn của Đài Tự Do* 75
ĐÔNG HỒ, MỘNG TUYẾT, VŨ HOÀNG CHƯƠNG *ba bài thơ xướng họa nhân dịp lễ húy nhật thứ 4 của Đông Hồ* 79
TỪ MINH *thời sự thế giới* 83
THU THỦY *thời sự văn nghệ* 85

Hình bìa của Nhiếp-ảnh-gia NGUYỄN-CAO-ĐÀM
Trình bày : Họa-sĩ VĂN-THANH

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : **100$** Công sở : **200$**
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15$ mỗi số

Sách nhận được trước 15-3-1973

Bách Khoa trân trọng cám ơn quí vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quí bạn đọc :

— **Việt-ngữ Chánh-tả tự-vị** *của Lê Ngọc Trụ, do tác giả gửi tặng. Tác phẩm được Giải thưởng Văn chương Toàn quốc — bộ môn biên-khảo — năm 1961, được Bộ Văn-hóa trợ cấp năm 1967, tái bản lần thứ 1 năm 1973 có sửa chữa và bổ túc. Sách biên khảo công phu và giá trị dày 706 trang, có phần « Hệ thống tiếng Việt và nguyên tắc chánh tả ». Bản đặc biệt.*

— **Muốn xuất cảng ?** *tài liệu « Khuếch trương xuất cảng » do Trung tâm KTXC, 16-18 Hai Bà Trưng Saigon, ấn hành nhằm « đẩy mạnh quốc sách xuất-cảng của Chính phủ VNCH », rất có ích cho những nhà xuất cảng cũng như những người muốn hành nghề xuất cảng. in ronéo khổ 20,5 × 26,5, có chỉ dẫn rõ ràng chánh sách, tình hình, thể lệ, thủ tục xuất cảng cùng các loại xuất cảng vv...*

— **Bản tango cuối cùng** *truyện dài của Lệ Hằng do Tổ hợp Gió xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 280 trang, nội dung lôi cuốn, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt.*

— **Đôi bạn chân tình** *nguyên tác của Hermann Hesse, Vũ đình Lưu dịch, Ca dao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 410 trang, in lần thứ 3, giá 500đ.*

— **Cuộc đính hôn tại Zurich** *nguyên tác của Barbara Noak, bản dịch của Triều Linh và Quỳnh Lan, Quế Sơn xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 156 trang. Giá 200đ.*

— **Trị liệu bằng dinh dưỡng** *của Đốc-tơ Nguyễn văn Thụy, Anh Minh xuất bản và tác giả gửi tặng. Luận-án Tiến-sĩ y-khoa theo phương pháp Ohsawa của tác giả trình Hội đồng Giám khảo tại Huế 1972, dày trên 170 trang, gồm 6 chương. Giá các nơi : 300đ.*

— **Vườn dĩ vãng**, *tập thơ của Trần văn Sơn do Khai Phá xuất bản và gửi tặng. Sách dày 84 trang, gồm 26 bài thơ, trình bày đẹp, phụ bản Lưu Nhữ Thụy. Bản đặc biệt.*

CÁO LỖI

— Trong Bách Khoa số trước, vì đến phút chót, Ban Chủ trương bỏ nguyên bài của Giáo sư Trần Ngọc Ninh, mà không báo trước với bạn đọc được, xin trân trọng cáo lỗi cùng quí bạn.

— Cũng từ sau Tết, do những thể thức mới, nên Bách Khoa đã không đến tay bạn đọc đúng kỳ hạn được — số trước trễ 15 ngày — xin quí bạn thông cảm những khó khăn của các giai phẩm trong lúc này mà thứ lỗi cho. Chúng tôi sẽ xin cố gắng để có thể ra được bớt chậm trễ, quí bạn đỡ trông đợi.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

● TỪ MINH

Hội-nghị quốc-tế Ba-lê

một bước tiến mới tới hòa bình ?

Theo đúng Thỏa hiệp ngưng bắn được ký kết tại Paris ngày 27-1-1973 một Hội-nghị quốc-tế về Việt-Nam phải được triệu tập trong vòng một tháng để ghi nhận và bảo đảm hòa bình ở Việt Nam. Một ngày trước khi mãn thời hạn ghi trong Hiệp-định trên, các Ngoại trưởng của cácnước được mời đã dồng đảo kéo đến Paris vào đúng lúc mà người dân Pháp đang quên lãng vấn đề Việt-Nam để chú tâm bàn cãi sôi nổi về một vấn đề nội bộ là cuộc bầu cử Quốc-hội lập pháp. 27 năm sau khi chiến tranh bùng nổ trên đất nước này và 19 năm sau khi Hội-nghị Genève về Việt Nam bế mạc, Hội-nghị Ba-lê đã được triệu tập trong một không khí hoài nghi.

Sau khi cãi vã suốt trong 5 ngày họp, Hội-nghị đã đưa ra một bản Định-ước (Acte final) gồm 9 điểm để «ghi nhận» một cách trịnh trọng Hiệp-định Paris ngày 27-1-1973 và nói lên ý chí tôn trọng và bảo vệ nền hòa-bình tại Việt-Nam.

Khi chấp nhận việc triệu-tập hội-nghị, Hoa-kỳ hy vọng cột chặt các đại cường vào vấn đề Việt Nam để nền hòa bình mỏng manh vừa được tái lập có hy vọng vững bền. Nhưng muốn bảo đảm hữu hiệu nền hòa bình ở Việt-Nam các đại cường hội-viên thường trực của Hội-đồng Bảo-an Liên-Hiệp-Quốc cần phải thống nhất quan-điểm. Sự thật thì lại khác: các đại cường chia làm nhiều phe, mỗi nước có một quan-điểm riêng nên ngay từ trước khi Hội-nghị khai mạc các sự bất đồng ý-kiến đã lộ dạng. Rút cục lại, quyết định của Hội-nghị chỉ có tính cách vá víu vì nó đã cố gắng dung hòa những tư tưởng trái ngược. Phe Cộng-sản lại còn không muốn Liên-Hiệp-Quốc dính vào nên họ đã khước từ việc ông Tổng Thư Ký LHQ chủ tọa hội nghị. Các thành viên tuy ngồi cùng một bàn nhưng không người nào nhìn nhận người nào nên một tinh thần hợp tác quốc tế thực khó có thể nảy nở.

I) NGỒI CÙNG NHAU MÀ KHÔNG NHÌN MẶT NHAU

Vì một số quốc gia thành viên của hội nghị không thừa nhận nhau nên ngay trong vấn đề triệu tập hội nghị người ta đã gặp những khó khăn. Hoa-kỳ không thừa nhận M.T.G.P và không có liên lạc ngoại giao với Trung-Cộng. Bắc Việt không có liên lạc ngoại-giao với Anh, Gia-nã-đại. Vì vậy người ta phải phân công : Hoa-kỳ mời những nước thân hữu của họ và Bắc-Việt mời những nước thân hữu với chính phủ Hà-nội.

Tuy Hội-nghị được tổ chức ở Paris vào lúc mà dân chúng Pháp đang sôi nổi theo dõi cuộc cổ động bầu cử, nhưng Chính-phủ Pháp đã tỏ ra rất

hiếu khách và đã vận dụng mọi nỗ lực để Hội-nghị có nhiều hy vọng thành công. Vì vậy mà các vấn đề tiện nghi và an ninh đã được chính phủ Pháp lo rất chu đáo.

Phòng hội nghị được đặt trong phòng khánh-tiết lớn của khách sạn Majestic. Dưới những ngọn đèn trùm băng pha lê, vàng son tráng lệ, một chiếc bàn hình vành khăn vĩ đại được kê trên một bức thảm quý, phủ kín cả sàn phòng hội. Với một đường kính là 9m5 và chu vi 29m90, bàn này có thể đủ chỗ cho 13 phái đoàn, mỗi phái đoàn được 3 chỗ. Vị Trưởng phái đoàn ngồi giữa và có 2 phụ tá cao cấp nhất ngồi hai bên. Sau lưng 3 chiếc ghế chính này còn có những hàng ghế của các đoàn viên cấp thấp hơn.

Bàn hội nghị không được trải khăn phủ bàn mầu xanh như thường lệ mà được trải khăn mầu vàng sậm để cho hợp với màn cửa mầu vàng rơm của 6 cửa sổ lớn nhìn xuống vườn cỏ.

Trong phòng trang trí theo thời Pháp-hoàng Louis 16, tuy cổ kính, nhưng thân mật dịu dàng. Bốn bức tường của phòng hội được lát gỗ trạm trổ mầu sám, với những đường lằn thếp vàng.

Để tăng thêm vẻ lịch sự xa hoa của một Trung tâm Hội nghị quốc tế, Chính phủ Pháp đã cho chở từ các Viện Bảo tàng quốc gia tới những chiếc ghế bành và những chiếc kỷ trạm trổ, vàng son, của thời Napoléon I để bầy biện trong phòng giải lao của các phái đoàn : Chính phủ Pháp hy vọng rằng những chiếc ghế cổ kiểu Napoléon trang nghiêm và huy hoàng này sẽ góp phần trang trọng cho những cuộc mạn đàm riêng rẽ giữa các phái đoàn sau những giờ phút mệt mỏi ở hội nghị.

Mỗi phái đoàn còn được quyền sử dụng 4 văn phòng trên lầu thứ nhất, một dành cho Trưởng phái đoàn, một cho các đoàn viên, một để cho ban Thư ký của phái đoàn và một để tiếp khách.

Các nhà báo cũng được đón tiếp nồng hậu. Vì biết rằng có khoảng hơn 1.000 ký giả từ khắp nơi trên hoàn cầu tới, Ban Tổ chức đã đặt một văn phòng tiếp đón ở ngay trong Trung tâm Hội nghị với 40 máy điện thoại và 15 máy viễn-ký. Một phòng làm việc có một quán ăn cũng được trù liệu sẵn. Ngoài ra người ta còn dành 2 phòng lớn để các phái đoàn họp báo. Các phương tiện văn minh nhất và tối tân nhất cũng được dành cho các hệ thống truyền thanh và truyền hình. 10 phòng được trang bị để các đài phát thanh có thể ghi âm và truyền đi khắp thế giới. 2 phòng được đặt dưới quyền sử dụng của các hệ thống truyền hình. Các hãng thông tấn ngoại quốc cũng được có văn phòng riêng và đầy đủ phương tiện phục vụ độc giả.

Vấn đề an ninh của các phái đoàn đã làm cho Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ Pháp phải một phen điên đầu. Hơn một trăm sĩ quan tình báo đã ngày đêm võ trang canh gác và kiểm soát giấy phép ra vào hội nghị.

Một đội quân đặc biệt với các máy dò mìn dò bom và chất nổ, cứ một ngày 3 lần lục soát, moi móc từng chỗ từng nơi một của tòa nhà Hội-nghị.

Để ngăn chặn phe thân Cộng biểu tình phản chiến, 1.500 cảnh sát nổi đã đặt một vòng chung quanh Hội-trường sẵn sàng can thiệp. Còn số cảnh sát chìm thì không ai biết được con số nhất định.

Khi các vị Ngoại-trưởng lục tục kéo đến lại chính là lúc mà nhân viên hàng không Pháp đình công đòi tăng lương. Cuộc đình công này đã gây ra một vài trở ngại không nhỏ cho các phái đoàn. Vì vậy mà người ta thấy Ngoại-trưởng Việt-nam Cộng-hòa dùng xe lửa từ Rome tới nhà ga Lyon và Ngoại-trưởng Cơ-Bằng-Phi của Trung-Cộng thì bị kẹt ở Genève vì máy bay không thể đáp xuống phi trường Orly được. Sau đó Chính-phủ Pháp phải để cho phi cơ của Cơ-Bằng-Phi đáp xuống phi trường quân sự Brétigny-sur-Orge.

Vấn đề chỗ ngồi của các phái đoàn cũng gặp nhiều trở ngại. Tuy người ta quyết định theo thứ tự mẫu tự Pháp nhưng người ta lại đặt Anh-quốc (tên Pháp là Royaume-Unis) ngồi giữa phái đoàn Việt-nam Cộng-hòa và phái-đoàn của MTGP « để cho nó tiện ». Nhưng phái đoàn VNCH lại ngồi ngay cạnh phái đoàn Nga-sô do Gromyko cầm đầu, vì vậy mà ngay khi vào chỗ ngồi Gromyko đã có vẻ luống cuống.

Ngay trước khi Hội nghị chính thức nhóm họp, các Ngoại trưởng đã bàn cãi rất gay go về vấn đề Chủ-tọa hội nghị. Theo thông lệ thì nước tổ chức thường được cử ra Chủ-tọa hội nghị. Nhưng trong vấn đề Việt Nam, Pháp không có một thái độ vô tư

Vì vậy mà phái đoàn Việt nam Cộng hòa đã trả đũa bằng cách khước từ không cho Ngoại trưởng Pháp Maurice Schumann làm Chủ-tịch hội nghị Schumann bị loại, người ta đi tìm một vị Chủ-tịch mà không ra. Anh và Mỹ thì đề nghị Tổng Thư ký Liên-Hiệp-Quốc Kurt Waldheim làm Chủ-tịch, nhưng cả Cộng-sản Bắc-Việt lẫn Cộng-sản Nam-Việt nhao nhao phản đối vì phe Cộng sản không muốn Liên-Hiệp-Quốc can thiệp vào vấn-đề Việt-nam. Trung-Cộng đề nghị Mỹ và Bắc-Việt là hai nước đứng lên mời thì nên làm « đồng Chủ-tịch ». Việt-nam Cộng-hòa quyết-liệt bác bỏ đề-nghị này vì như vậy không những trao cho một phe lâm chiến quyền phán-xét các vụ vi-phạm ngưng bắn, mà lại còn cho Bắc-Việt một địa vị quá lớn. Ngoài ra VNCH còn bác khước cả nguyên tắc đồng Chủ-tịch vì nguyên tắc này chỉ đưa người ta tới sự tái diễn của một Hội-nghị Genève bị tê liệt ngày trước.

Các cuộc tranh luận về vấn-đề Chủ tọa hội-nghị đã kéo dài tới nửa giờ đồng hồ trước khi Hội-nghị chính-thức khai mạc. Có lúc người ta đã

nghiêng về đề nghị đề cho 4 quốc gia thành viên của Ủy-hội Quốc-tế kiểm soát và giám-sát luân-phiên chủ-tọa. Nhưng kết quả cuối cùng là hai Ngoại-trưởng Gia-nã-đại và Ba-lan được luân-phiên chủ-tọa. Kết quả này rất có lợi cho VNCH vì Gia-nã-đại luôn luôn có một thái độ thân hữu với chúng ta. Và Ba-lan, tuy là một nước Cộng sản và dù muốn dù không cũng phải đề cho phe Cộng sản một vị chủ tọa, nhưng tương đối trong các nước Cộng sản, Ba-lan có thái độ mềm mỏng hơn cả. Và như vậy tuy chẳng ai nhìn nhận ai nhưng người ta vẫn cứ bước vào ngồi chung cùng một bàn hội nghị!

II) ĐỊNH ƯỚC CHÍN NÚT.

Vào hồi 10 giờ sáng ngày thứ hai 26-2 các phái đoàn tiến vào phòng hội nghị và ngồi vào chỗ có tên của mình, trong quang cảnh trang trọng của phòng hội với các nhà ngoại giao mặt lạnh như tiền, với những bức tường màu xám; người ta chỉ thấy có ba điểm có màu sắc là tà áo của ba người đàn bà Việt Nam, trong đó có Nguyễn thị Bình.

Đặc biệt nhất là phái đoàn Trung-Cộng tới hội nghị. Người ta thấy Cơ-Bằng Phi bước vào phòng hội đi qua mặt phái đoàn Nga và nhìn Gromyko «như thể nhìn người không quen» rồi tiến mau tới Ngoại trưởng Mỹ William Rogers tay bắt mặt mừng. Trước khi Cơ Bằng Phi tới Paris người ta đã biết rằng Trung Cộng và Nga-sô tuy là hai nước «anh em» nhưng sẽ không «bồ» với nhau lắm vì khi họ Cơ ở Bắc-kinh ra đi, ngoại giao đoàn đến tiễn đưa đầy đủ ở phi trường, mà riêng Đại sứ Nga-sô vẫn vắng mặt.

Tuy không làm Chủ tọa hội nghị, nhưng Ngoại trưởng Pháp, vì là chủ nhà, nên được Chủ tịch Sharp (Ngoại trưởng Gia-nã-đại) mời ra nói mấy lời chào mừng các phái đoàn trong 3 phút. Trong khi Schumann đọc diễn-văn thì các báo chí được thả cửa ghi âm, thu hình, biên chép. Nhưng khi Schumann vừa dứt lời thì các đại diện của đệ tứ quyền liền được nhã nhặn mời ra cửa để hội nghị họp kín...

Ngay từ lúc đầu Ngoại trưởng Sharp của Gia-nã-đại than phiền là ngưng bắn không được thi hành đúng mức và cả Ủy-ban Liên-hợp Quân-sự 4 bên lẫn Ủy-hội Quốc-tế đều không hoạt-động được hữu hiệu. Sau đó ông đòi hội nghị phải thành lập một cơ quan thường trực có thẩm quyền để nhận các phúc trình vi phạm ngưng bắn và để đốc thúc việc thực thi ngưng bắn. Gia-nã-đại dọa là sẽ rút khỏi Ủy hội Quốc tế nếu 1 tháng nữa mà hội nghị vẫn không tổ chức được cơ quan nói trên.

Sau hết, để làm thỏa mãn sự ước muốn của Việt-nam Cộng-hòa ông Sharp đã nhấn mạnh rằng ngồi cùng bàn hội nghị ở Ba-lê không có nghĩa là các nước thành viên thừa nhận nhau là hợp hiến hợp pháp. Sau Gia-nã-đại, thì Trung Cộng được quyền nói vì nước này vẫn C (Chine). Người ta ngạc nhiên là Cơ-Bằng-Phi không

đả kích VNCH như mọi người chờ đợi, trong khi Gromyko đã lớn tiếng chỉ trích VNCH.

Khi Hoa kỳ đề nghị thành lập một tổ chức quốc tế đa phương để viện trợ tái thiết cho các quốc gia Đông Dương thì Bắc Việt nhất định chỉ chịu nhận viện trợ dưới hình thức song phương. Ngoài ra Bắc Việt còn bác đề nghị thành lập một cơ quan thường trực do Gia-nã-đại đề nghị, lấy lý do là cơ quan này không được trù liệu trong Hiệp định Paris ngày 27-1-1973.

Ngày hôm thứ ba 27-2-1973 tức là ngày thứ hai của hội nghị mới tới phiên Việt-nam Cộng-hòa phát biểu ý kiến. Ngoại trưởng Trần văn Lắm kêu gọi các nước tham dự hội nghị tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của 4 nước Đông Dương là Bắc Việt, Nam Việt, Lào và Cam bốt. Ông lên tiếng ủng hộ đề nghị lập một cơ quan có thẩm quyền và thường trực của Gia-nã-đại.

Khi hội nghị bước sang ngày thứ hai, người ta có cảm tưởng rằng Bắc Việt muốn phá vỡ hội nghị. Thật vậy, cùng một lúc Chính phủ Hà nội đột ngột ngưng việc thả tù binh Mỹ và đồng thời phái đoàn Bắc Việt từ chối không đi họp Ủy ban soạn thảo Định ước.

Tổng Thống Hoa kỳ đã đánh điện sang ra lệnh cho Ngoại trưởng Rogers phải gặp Nguyễn Duy Trinh để hỏi cho ra lẽ. Sau đó Bắc Việt hứa sẽ thả nốt tù binh và hội nghị trở lại sinh hoạt bình thường.

Trong hội nghị những cuộc cãi vã kịch liệt đã xảy ra. Khi hội nghị bác việc thành lập một cơ cấu thường trực thì VNCH yêu cầu ghi những đề nghị của Gia-nã-đại và của VNCH vào tài liệu của hội nghị. Lời yêu cầu của VNCH được Hung-gia-lợi tán đồng nhưng khi ủng hộ VNCH thì Ngoại trưởng Hung đã bị « Đại ca » Gromyko đỏ mặt tía tai quở trách. Thế là ngay trong hàng ngũ Cộng sản cũng mỗi người nói một phách.

Đến ngày 1-3 thì hội nghị đã soạn thảo xong bản Tuyên ngôn chung mà người ta gọi là Định ước của hội nghị Paris về Việt Nam. Bản Định ước này được sơ thự và hôm sau thì được ký.

Trong một buổi lễ đơn giản nhưng trang nghiêm được dự trù vào 15 giờ chiều ngày 2-3-1973, các vị Ngoại-trưởng đã long trọng ký tên vào bản Định ước của Hội nghị. Vì Ngoại-trưởng Anh Douglas Home từ Luân-đôn sang trễ mất 20 phút nên buổi lễ chỉ được khai mạc vào lúc 15g20. Trong khi chờ đợi ông Douglas Home, người ta thấy không khí Hội-nghị, sau 5 ngày họp đã có vẻ cởi mở hơn trước. Ngoại trưởng Pháp Schumann khi tới, đã ra điều thân thiết chào Ngoại-trưởng Mỹ bằng câu « Hello Bill ». Cơ-Bằng-Phi thì vừa tới đã đi thẳng tới chỗ phái đoàn Mỹ để, lại một lần nữa, làm một màn chào hỏi đậm đà trong khi Ngoại trưởng Nga Gromyko trố mắt ra nhìn. Để tỏ ra lạnh nhạt rõ rệt với Nga, Cơ-Bằng-Phi còn gật đầu chào các Ngoại trưởng khác ngoại trừ Ngoại trưởng Gromyko.

Các Ngoại trưởng mỗi người ký 60 bản Định ước bọc bìa da, chữ vàng. Như vậy tất cả là 720 bản được các vị Ngoại trưởng ký. Định-ước được thảo bằng 5 thứ tiếng : Việt, Anh, Pháp, Nga và Trung hoa.

Trên nguyên tắc thì trong buổi lễ này người ta chỉ ký mà thôi, nhưng đến phút chót Ngoại trưởng Trung-Cộng Cơ-Bằng-Phi đột ngột xin nói và lên tiếng tố cáo Việt-nam Cộng-hòa phá hoại hòa bình. Khi họ Cơ vừa dứt lời thì Ngoại-trưởng Lắm, xử dụng quyền trả lời, đã tuyên bố là không thèm trả lời những lời tố cáo vu vơ và ông cũng cảm tạ Chính-phủ Pháp đã tổ-chức hội-nghị hoàn-hảo.

Buổi lễ kéo dài đúng 20 phút và các Ngoại trưởng đứng dậy ra về với những tư tưởng buồn vui lẫn lộn. Vì bản Định ước đã dung hòa quan điểm của các phe nên ngoài việc ghi nhận long trọng Hiệp-định Paris ngày 27-1 và cam kết tôn trọng ngưng bắn người ta không thấy có một cơ quan nào được thành lập để thực thi việc ngưng bắn và ngăn chặn các vụ vi phạm !

Một sự ngẫu nhiên là những văn-kiện soạn thảo ở Paris đều là « văn-kiện 9 nút », con số 9 mà người dân Việt miền Nam thường coi là số hên. Hiệp-định Paris ngày 27-1 gồm có 9 chương và Định ước của Hội-nghị Paris cũng lại có 9 điểm : Người ta hy vọng đó là điềm lành cho hòa-bình ở V.N. chăng ?

Bên lề Hội-nghị người ta thấy có những buổi tiếp tân khá ngoạn-mục. Tuy ai không nhận ai, nhưng các phe liên hệ chiến-tranh Việt Nam đã mời lẫn nhau. Ngoại trưởng VNCH đã dự lễ tiếp tân của Bắc Việt nhưng không dự tiệc của bà Bình. Rất ngoại giao, ông Lắm đã ngỏ lời tiếc là không thể đến dự tiệc của bà Bình được vì Hiến-pháp VNCH không thừa nhận chính-phủ nào khác chính-phủ hợp-hiến ở Saigon. Tuy vậy bà Bình cũng vẫn đến dự tiếp tân của ông Lắm. Có lẽ bà đã muốn « địch vận » nên dùng toàn lời lẽ ôn tồn, thắm thiết : nào là chúng ta giờ là anh em, nào là hòa giải dân tộc...

***

Về pháp lý, Hội-nghị Paris về Việt Nam sau 5 ngày họp không đem lại một điểm nào mới mẻ để tiến tới một cuộc ngưng bắn bền lâu. Tuy Hội-nghị có thể được triệu tập lại nếu Bắc Việt và Hoa-kỳ cùng yêu cầu hay 6 nước ký kết Định-ước yêu cầu. Nhưng thủ tục này hết sức khó khăn vì khi phe Cộng sản vi phạm ngưng bắn chẳng hạn thì chắc chắn Bắc Việt không khi nào đồng ý triệu tập hội nghị cả.

Tuy nhiên ít nhất thì Hội nghị cũng đã tạo nên một sự gặp gỡ để « trước lạ sau quen », các phe liên-hệ có dịp tiếp xúc mà đi tới những biện-pháp chung thiết thực và hữu ích để củng cố nền hòa-bình vẫn còn mong manh trong lúc này.

TỪ MINH

● VÕ-QUANG-YẾN

Học tập sanh đẻ

L.T.S. *Ô. Võ Quang Yến, sinh năm 1928 tại Thừa Thiên, đậu Tiến-sĩ Khoa-học tại Paris, là một cây bút về khoa học rất quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa từ trên 15 năm nay Ông là tác giả những cuốn :* Nói chuyện khoa học, Vũ trụ và không gian *đều do Cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản từ năm 1968. Nay Ô. Võ Quang Yến lại sắp cho ra mắt bạn đọc cuốn* Giáo dục tính phái *do nhà Lửa Thiêng xuất bản. Cuốn sách mới này đề cập từ tổ chức thai nghén, tính chất di truyền đến các phương pháp sinh đẻ, ngừa thai..., từ hoạt động tính phái của các sinh vật hạ đẳng đơn bào, đến những sinh vật thượng đẳng, từ cá ếch, cầm thú, đến loài người. Sách lại có rất nhiều hình vẽ thật đẹp và rõ ràng.*

Phần sau đây được trích ra từ Chương « Phương pháp sanh đẻ » để trình bày cùng bạn đọc hai phương pháp, từ Read đến Velvoski, đã tiếp nhau và bổ túc nhau thế nào để « hiến cho các bà mẹ một cuộc sanh đẻ ít đau đớn nhất, để khỏi nói là không đau đớn chút nào ». Cũng nên ghi thêm là « vấn đề đẻ không đau » cũng đã được đề cập trên Bách Khoa qua các bài điều tra, phỏng vấn, khảo sát, trong các số 1, 2, 5, 6, 9 và 14 từ năm 1957.

Người đàn bà mang nặng đẻ đau. Đấy là điều từ thuở nào người ta không những bàn tán mà còn đắm đuối tin tưởng. Sách vở, đạo giáo lắm lúc cũng không kiếm cách bài trừ mà lại làm mê hoặc thêm. Thật ra, trong thực tế, mấy ai sanh đẻ mà chẳng qua cơn đau đớn : người nhiều kẻ ít, người quằn quại suốt thời gian lâm bồn, kẻ chỉ bị đau khi đứa con đang lọt khỏi lòng mẹ.

Tính chất đau đớn không đều ấy do ba yếu tố chi phối :

— tùy sự tiến hành của cuộc sanh đẻ, nghĩa là đứa con rời khỏi tử cung, luồn qua xương hông để thoát ra ngoài, khi chậm, khi lanh, khi thuận, khi nghịch ;

— tùy bầu không khí nơi sanh đẻ : có chỗ ồn ào, có nơi yên tịnh, có khi mền chiếu mịn mà có khi phản đất khô cứng ;

— và nhất là tùy nhân cách của sản phụ : có nhiều người đàn bà vì bị bệnh hay vì mệt nhọc có thể cảm thấy đau đớn nhiều hơn người khác.

Giai đoạn trục xuất

Khi đầu thai nhi chuyển về phía cổ tử cung là lúc người mẹ sẵn sàng để cho nó ra ngoài. Như người tù muốn vượt ngục, đứa trẻ tương lai cần phải thành công vượt qua ba chướng ngại :

— Thai nhi nằm trong một cái bọng nước xung quanh có màng dày bao bọc, nay cần phải phá vỡ, thai nhi mới ra được ;

— Cổ tử cung rất nhỏ, nó cần phải chương nở, thai nhi mới lọt qua

— Xương hông có thể ví như một ổ khóa mà thai nhi là cái chìa ; toàn thai nhi phải uốn éo mềm dẻo mới khỏi bị kẹt, quan trọng nhất là cái đầu đi trước.

Tử cung là một bắp thịt rỗng, đến nay chỉ có phận sự chứa đựng thai nhi, bây giờ phải vận động để đẩy thai nhi ra ngoài: giai đoạn trục xuất. Những co thắt, do não thùy phát tiết kích tố điều động, lúc ban đầu chỉ nhẹ thôi. Thời gian co thắt cũng ngắn ngủi, khoảng mười lăm giây đồng hồ, nhưng có thể lâu đến một phút lúc chót. Thời gian giữa hai co thắt lúc đầu cũng lâu từ mười lăm, đến hai mươi phút, dần dần rút ngắn và sau cùng chỉ còn khoảng hai, ba phút thôi. Như vậy nghĩa là co thắt càng ngày càng mạnh, càng dài và càng gần nhau hơn.

Vì cấu tạo các thớ bắp thịt thêu dệt nên tử cung, những co thắt kia có kết quả là cho nở cổ tử cung và làm vỡ màng bọng nước (nếu màng không tự vỡ thì bà mụ có thể làm vỡ). Lúc bấy giờ co thắt lại càng mạnh hơn để đẩy thai nhi qua âm đạo và thường cơn đau lên đến cực điểm. Tuy nhiên, nhiều khi sản phụ phải cung cấp một xuất lực bắp thịt gắt gao nên trong một lúc, vì tập trung tinh thần vào xuất lực kia, có thể quên mất một phần đau đớn.

Trong lúc ấy, thai nhi vẫn tiếp tục con đường đã vạch sẵn: tiến đầu vào xương hông, quay đầu để đặt cái gáy ngay dưới âm phụ rồi, sau một co thắt nữa của tử cung, đẩy đầu ra ngoài. Thường bà mụ giúp sức để cho toàn cơ thể theo ra ngay. Tức khắc đứa bé hét lên để cho khí trời luồn vào phổi, đúng vào lúc hạt ánh sáng đầu tiên đánh vào mắt nó. Tiếng chào đời điểm dấu khởi hành một sinh mạng.

Thường mười, mười lăm phút sau, tất cả phần còn lại của chiếc tử cung trước kia (thai bàn, màng nhầy, sợi nhau) cũng theo ra ngoài : giai đoạn phóng thích. Bà mụ phải để ý lấy cho hết sạch không thì có thể gây ra băng huyết sau này. Trong nhiều nhà hộ sinh tân tiến, người ta chỉ lấy cắt thai bàn một giờ sau để cho nó vẫn còn tiếp tục nuôi dưỡng thai nhi với những vật liệu còn lại.

Co thắt đau đớn

Cho đến gần đây, người ta nhận thấy mỗi lần tử cung co thắt thì cơn đau nổi lên, cho nên người ta đã cho co thắt gây ra đau đớn. Hơn nữa, như tuồng co thắt càng mạnh, đau đớn càng nhiều. Vì vậy, tùy từng lúc, sản phụ cảm thấy đau đớn khác nhau.

Như đã thấy, lúc đầu co thắt chỉ nhẹ thôi như để chỉ cho bà mẹ biết là cuộc sanh đẻ sắp bắt đầu. Dần dần co thắt càng mạnh, mạnh nhất vào lúc chót cũng là lúc sản phụ đau đớn nhất. Đây ta nên biết các nhà sinh lý học đã tìm ra trong cơ thể một giới hạn đau đớn, nghĩa là mức chịu đựng được cơn đau. Giới hạn nầy nhỏ hay lớn tùy người nên trong một cuộc sanh đẻ cũng giống nhau về điều kiện, thời gian..., hai

sản phụ có thể cảm thấy đau đớn khác nhau.

Trong nhiều nhà hộ sinh, nhằm vào lúc cơn đau lên đến cực điểm, người ta đánh thuốc mê vào người đàn bà để bà ta thiếp đi và quên đau. Số là cuối thế kỷ trước, một sản y người Tô-cách-lan, bác sĩ Simpson, đã dùng clorofot trong một cuộc đỡ đẻ. Vài năm sau, hóa chất nầy được chính thức dùng trong triều Anh-quốc, do sản y Snow ứng dụng khi Hoàng hậu Victoria nằm nơi lần thứ tám để sanh Hoàng tử Leopold Lập tức sau đấy đức Tổng Giám mục Cantorbery, nhân danh Giáo hội, lên tiếng phản đối vì một người đàn bà xứng với đạo Cơ-đốc phải sanh đẻ trong đau khổ theo luật của Chúa Trời. Nhưng cũng từ đấy, phương sách dùng thuốc mê được lan rộng và nhiều loại thuốc mê khác ra đời. Người Đức có chế ra một thứ thuốc dựa lên chất mocphin rất công hiệu, làm người đàn bà quên đau, nhưng đồng thời cũng làm mất luôn trí nhớ. Có lúc vì bà mẹ bị đánh mê, đứa con không tự ra được, sản y phải dùng kềm fotxep để đem thai nhi ra ngoài.

Phương sách thuốc mê nguy hiểm, dần dần người ta xoay qua phương pháp thôi miên. Nhưng nhiều khi vì quá đau, sản phụ thức giấc và không làm sao thôi miên để cho ngủ lại được. Phương pháp nầy vì vậy không được lâu dài. Sau nầy, một loại thuốc mê khác ra đời, chỉ làm tê mê vùng hông sản phụ mà lương trí bà ta vẫn được tỉnh táo nhưng thuốc không trừ tiệt được hoàn toàn cơn đau. Hơn nữa, thuốc chỉ có thể áp dụng được vào một số ít đàn bà. Nhiều thuốc mê khác cũng còn được chế tạo nhưng rốt cuộc chẳng có thuốc nào đáp đúng hai điều kiện : vừa không độc cho bà mẹ, vừa không làm trở ngại sự tiến hành cuộc sanh đẻ.

Không sợ, không đau

Vì vậy, khi các nhà đỡ đẻ tân thời đề nghị một phương pháp không đau mà không dùng thôi miên, thuốc mê, thì người vui mừng không ít mà số người ngờ vực cũng khá nhiều. Vấn đề đẻ không đau đã làm tốn chảy biết bao bút mực. Thật ra hai người đầu tiên đưa ra phương pháp đã dùng hai danh từ thật khiêm nhượng : cách đẻ không sợ và cách đẻ tâm lý phòng ngừa. Hai ông ấy là một sản y người Anh, bác sĩ Read, và một nhà tinh thần học người Liên-xô, giáo sư Velvoski, chuyên môn về óc não.

Vào đầu thế kỷ, một buổi tối trời mưa tầm tã, bác sĩ Read đi đỡ đẻ ở Whitechapel, một xóm nghèo nhất của London. Lần đầu tiên, trong lúc hành nghề, bác sĩ gặp một sản phụ từ chối thuốc mê, bảo là không sợ đau. Lời nói của người đàn bà can đảm nầy đã làm bác sĩ suy nghĩ nhiều và sau nầy để ý thấy có nhiều người khác sanh đẻ không thuốc mê mà vẫn không thấy đau. Nhận xét nầy đưa bác sĩ đến một ánh sáng : các người đàn bà ấy đẻ không đau vì không sợ.

Đúng vậy, biết bao phụ nữ khi có

mang, nghe kể đủ chuyện ghê rợn của cuộc ở cữ ; đằng khác, nhiều người không hiểu biết chỉ lo sợ những chuyện đâu đâu. Nỗi sợ càng tăng nếu người đàn bà càng mệt mỏi, nóng nảy. Vậy muốn đánh bại cơn đau trước cần phải thắng nỗi sợ. Muốn thắng nỗi sợ, thì phải giải nghĩa cho sản phụ biết rõ vì sao thai thụ và thai nhi lớn lên trong lòng mẹ thế nào, đứa trẻ sanh ra làm sao... Đồng thời cũng phải tập cho bà mẹ tương lai học thở, học giãn các bắp thịt. Hai điểm cốt yếu trong phương pháp đẻ không sợ là giáo dục tinh thần và nới giãn cơ thể.

Nhưng mấy ai tin tưởng ở phương pháp của bác sĩ Read. Ngay sau đệ nhị thế chiến, xin đổi qua làm ở Johannesburg bên Nam Phi, ông vui mừng thấy phương pháp tưởng là mới của mình giống hẳn cách sanh đẻ của đàn bà bộ lạc Manyika. Ông tin chắc vào phương pháp của mình từ đấy. Hiện sách vở của ông được dịch ra hai mươi thứ tiếng. Bệnh viện King's College hoàn toàn áp dụng phương pháp của ông. Năm 1956, đức Giáo hoàng ban thưởng ông một năm trước lúc ông từ trần. Ông cũng được Nữ hoàng Anh quốc khen ngợi trong một bức thư : « ...Trong một thế giới đầy đau khổ và sợ hãi nầy, ông đã mang lại một thông điệp hy vọng... »

Vận động phản ứng

Nếu phương pháp của bác sĩ Read dựa lên tính chất không sợ của người đàn bà, thì giáo sư Velvoski dùng vận động phản ứng của con người mà đặt ra phương pháp sanh đẻ mới.

Vận động phản ứng là gì ?

Khi ta vô ý chạm tay vào lửa thì ta lập tức rút tay ra, hay khi con chó thấy miếng thịt thì chảy nước miếng : đấy là một phản ứng tuyệt đối, vô điều kiện. Phản ứng nầy tương ứng với một loại kích thích luôn gây ra một cử chỉ, hành động duy nhất. Chúng thuộc về gia sản di truyền của cá tính, vĩnh viễn miễn là liên quan giữa cơ thể và ngoại giới luôn luôn đồng nhất, nghĩa là ngoại giới luôn luôn gồm có những yếu tố ổn định.

Nhưng ngoại giới cũng gồm có những yếu tố tạm thời, luôn thay đổi, vì vậy hệ thống phản ứng cũng trở nên tạm thời, luôn thay đổi. Những phản ứng loại nầy do điều kiện đặc biệt của ngoại giới gây ra nên gọi là phản ứng theo điều kiện. Chúng thiết lập một liên quan tạm thời giữa một yếu tố của ngoại vật và một cử chỉ của cá thể.

Nhà bác học Pavlov đã từng vang danh với thí nghiệm sau nầy : ông cho một con chó nghe một tiếng còi nhưng đồng thời cũng cho nó thấy một miếng thịt, tất nhiên con chó chảy nước miếng. Ông lập lại nhiều lần như vậy cho con chó quen. Đến một lúc, ông chỉ thổi còi mà không cho con chó thấy miếng thịt, nó vẫn chảy nước miếng, tưởng như nó đã thấy miếng thịt khi nghe tiếng còi.

Giáo sư Pavlov đã giải nghĩa sự kiện ấy theo hoạt động của não bộ. Thật vậy, khi một kích thích theo thần kinh, tủy sống lên đến não thì lập ra ở đấy một trung tâm hoạt động chuyền vận một số tế bào thần kinh, gây ra phản ứng tuyệt đối. Khi hai kích thích cùng lúc được chuyền lên não thì hai trung tâm hoạt động được lập ra nhưng nếu lập lại nhiều lần thì có một sự giao thông giữa hai trung tâm ấy. Sự giao thông này có thể trở nên lâu bền và đến một lúc, nếu một trung tâm được kích thích (ví dụ tiếng còi trong thí nghiệm của giáo sư Pavlov) thì trung tâm kia cũng động tác mà không cần phải được kích thích (miếng thịt). Phản ứng theo điều kiện chính là sự liên quan tạm thời giữa hai trung tâm hoạt động do tình trạng gây nên.

Tâm lý phòng ngừa

Ở những người đàn bà sắp nằm nơi cũng vậy. Co thắt và đau đớn từ thuở nào đã đi đôi với nhau, khắng khít nhau như hai mối kích thích vĩnh viễn. Trong phương pháp tâm lý phòng ngừa, mục tiêu trước tiên là chia lìa hai nguồn kích thích kia, hủy bỏ liên quan giữa hai trung tâm hoạt động do chúng gây nên. Nhưng thực hiện biện pháp này không phải dễ. Khẩu truyền, nỗi sợ đã ăn sâu vào thâm tâm người đàn bà... Cần phải giải thích cặn kẽ, bài trừ sự dốt nát của họ. Hơn nữa, phải gây ra một liên quan khác để thay thế liên quan trước. Co thắt sẽ không còn là mối kích thích đưa lại đau đớn vì một trung tâm hoạt động khác đã được lập nên, chẳng hạn hoạt động hô hấp, vì người ta đã nghĩ đến một cách thở đặc biệt, không sâu nhưng rất mau trong lúc tử cung co thắt. Ngoài liên quan co thắt — hô hấp, cách thở này còn đem lại dưỡng khí cho cơ thể rất cần lúc ấy.

Phải trở lại não bộ mới hiểu được cơ chế này. Khi một trung tâm hoạt động được thiết lập, tức thì xung quanh trung tâm ấy có một tác dụng ngược lại gọi là cuộc thắng hãm để giới hạn, tập trung trung tâm, không cho nó lan tràn khắp não bộ. Như vậy, xung quanh trung tâm hoạt động là một khu vực yên tịnh, dừng đứng; não bộ từ chối đăng lục nếu có kích thích được chuyền vào đấy. Thường hễ trung tâm hoạt động càng mạnh thì cuộc thắng hãm càng lớn. Trong đời sống hằng ngày ta đã thường hay gặp hiện tượng này. Ví dụ trên tàu hỏa chẳng hạn, nếu chăm chú đọc sách ta có thể quên tiếng ồn của chiếc tàu. Như vậy là vì tiếng ồn của chiếc tàu là một kích thích được chuyền vào khu vực dừng đứng bao quanh trung tâm hoạt động do kích thích đọc sách thiết lập. Vậy mục tiêu thứ nhì của phương pháp là thiết lập cho được một cuộc thắng hãm còn lớn hơn để tràn ngập trung tâm hoạt động co thắt và từ đấy giới hạn hay làm sụt tác dụng của nó.

Các nhà chuyên môn về phương pháp tâm lý phòng ngừa tin là hoạt động hô hấp, nếu biết vận dụng, có thể thiết lập một trung tâm đủ lớn để gây ra cuộc thắng hãm cần thiết kia. Thật ra trung tâm nầy đã được soạn sửa từ lúc người đàn bà muốn tìm

hiểu, học tập để hoàn hảo cuộc sanh đẻ tương lai. Thành thử phương pháp tâm lý phòng ngừa không phải chỉ là một cử chỉ phải làm khi nằm nơi mà là toàn bộ một số hoạt động từ cuộc tìm hiểu cơ chế sanh sản cho đến phương cách học thở lúc co thắt diễn ra.

Vai trò hô hấp

Ai cũng đã biết vai trò quan trọng của cơ quan hô hấp trong cơ thể. Trong người đàn bà có mang, vai trò nầy lại còn quan trọng hơn. Trước tiên, thai nhi cần có dưỡng khí như mọi sinh vật. Đằng khác, cơ thể bà mẹ vì phải cung cấp đồ ăn cho con, đã thay đổi nhiều cuộc tác dụng biến thể các chất mỡ, calxium ngày càng tăng lên, nên dưỡng khí cần phải vào nhiều để dùng trong các cuộc đốt cháy kia. Ngoài ra, bà mẹ lên cân, thêm mỡ, các bắp thịt lại phải làm việc nhiều hơn, cơ thể không dừng đòi hỏi dưỡng khí. Đấy là ở thời gian thai nghén.

Qua đến giai đoạn sanh đẻ, vai tròhô hấp đã quan trọng lại, trở nên vô cùng cần thiết. Mỗi một lúc tử cung co thắt thì là lúc cần thêm dưỡng khí, bà mẹ phải thở nhiều nhưng thở nhẹ: nhiều để đem lại nhiều dưỡng khí, nhẹ để cho phổi đừng ép xuống tử cung. Khi tử cung co thắt để cho nở cổ tử cung thì cũng là lúc vì bị ép nén, thai nhi tiến thẳng vào cổ tử cung để kiếm cách ra ngoài, làm cho cổ tử cung nở thêm. Giai đoạn nầy có thể lâu từ ba đến sáu giờ ở một người đã từng sanh đẻ, nhưng cũng có thể kéo dài từ tám đến mười hai giờ ở những sản phụ nằm nơi lần đầu tiên. Như vậy nghĩa là người đàn bà cần phải nỗ lực nhiều để kiểm tra, dung hòa và điều khiển từng cử chỉ của mình. Khi thở, khi nghỉ, bà ta phải sắp đặt làm sao cho ít mệt, nhất là vào lúc giai đoạn chương nở chấm dứt mà giai đoạn trục xuất chưa lại, cái đầu thai nhi đã muốn luồn vào xương hông mà cổ tử cung chưa nở lớn, co thắt hết còn điều hòa mà cũng chưa phải là những co thắt trục xuất thực sự.

Khi đến giai đoạn trục xuất thì co thắt trở nên rất mạnh để cho thai nhi vượt khỏi xương hông. Nhưng một mình co thắt không đủ, sự cố gắng của bà mẹ từ đây rất cần thiết. Khi bà ta hít mạnh vào thì phổi phồng lên, ép mạnh vào phía tử cung, như vậy tử cung có chỗ dựa mình để đẩy thai nhi xuống phía dưới. Đồng thời những bắp thịt ở ngực và bụng được vận dụng để thắt chặt xung quanh, chỉ còn để lại một chỗ hở là cổ tử cung Thành thử công tác của hô hấp và các bắp thịt giúp rất nhiều những co thắt trong giai đoạn này.

Nhưng cũng là lúc sự hiện diện của bà mụ hay sản y rất cần thiết vì họ sẽ khuyên nhủ bà mẹ lúc nào nên thở, lúc nào nên nín và đẩy. Một sự cố gắng hòa hợp và đầy nhiệt hứng trong những điều kiện đầy đủ ắt phải đem lại kết quả tốt.

Học tập sanh đẻ

Từ Read qua Velvoski, hai phương pháp đã tiếp theo nhau và bổ túc nhau

để hiến cho các bà mẹ một cuộc sanh đẻ ít đau đớn nhất, để khỏi nơi là không đau đớn chút nào.

Phương pháp của Read, như đã thấy, dựa lên tính chất không sợ. Không sợ vì đã làm yên tâm sản phụ đồng thời ru ngủ lương trí của bà ta. Read cho là khi co thắt kích thích não bộ tức thì người đàn bà có phản ứng tự vệ là cho co thắt bắp thịt ở cổ tử cung, kết quả là ghép đóng cổ tử cung, gây khó cho thai nhi, vì vậy đau đớn thực sự đã xảy ra. Vậy muốn hủy bỏ co thắt bắp thịt có hại ấy, người đàn bà cần phải được buông thả, nghỉ ngơi : đấy là nguyên tắc cốt yếu của phương pháp.

Những người sáng tác và ứng dụng phương pháp tâm lý phòng ngừa còn đi sâu hơn vào lý thuyết sanh đẻ nên tìm hiểu nhiều hơn về cơ chế đau đớn. Trước hết những bà mẹ tương lai cần phải dự một lớp học lý thuyết, được nghe giảng về cơ thể học của các bộ phận sinh dục, về sinh lý học của cách thụ thai, về cách sinh sống của thai nhi từ lúc mới thành hình cho đến lúc ra ngoài và nhất là hoạt động não bộ trước sự kích thích của co thắt tử cung. Sau đấy, người ta trình bày cho họ rõ về cách nằm nơi thật sự với ba giai đoạn cổ điển : chương nở, trục xuất và phóng thích cùng thái độ cần phải có ở mỗi giai đoạn.

Qua phần thực hành, người đàn bà học cách nghỉ ngơi, những phương pháp thở, những cử động bắp thịt cần dùng lúc sanh đẻ. Sau cùng, trước ngày nằm nơi, vào khoảng tháng thứ tám, bà mẹ phải biết lặp lại tất cả những cử động đã học và sẽ làm khi ở cữ. Một bà mụ hay sản y luôn theo dõi người đàn bà có mang, khuyên nhủ khuyến khích để các vận động được theo đúng. Chính bà mụ hay sản y này, khi người đàn bà thực sự đẻ, sẽ theo dõi để điều khiển hành động của bà ta. Trong thực tế, điều kiện này hơi khó vì bà mụ hay sản y không thể theo dõi được tất cả các bà mẹ, đằng khác có khi chuyển bụng rất lâu cũng khó lòng giữ được bà mụ hay sản y luôn bên giường, Và đấy cũng là một trở ngại lớn cho phương pháp vì nếu không được chỉ dẫn, khuyến khích cho đến cùng, người đàn bà, nhất là vào lúc cuối, vì quá mệt, hết còn đủ sức tập trung tư tưởng để thi hành tất cả những điều đã học từ trước.

VÕ QUANG YẾN.

PHÂN ƯU

Thành kính chia buồn cùng nhà thơ PHAN PHỤNG THẠCH *đã từ trần vào cuối tháng 2 tại Đà-nẵng.*

Bằng hữu cũ : Vợ chồng CHU VƯƠNG MIỆN Đà-nẵng, Vợ chồng NGUYỄN VĂN ĐỆ, Vợ chồng PHẠM ĐÌNH NHIÊN Sàigòn, LAN SƠN ĐÀI Ba-xuyên, LÝ MINH TUẤN Biên-hòa, NGUYỄN HỮU LẠNG An-hòa, PHƯƠNG HOA SỬ Qui-nhơn.

Bạn không ở trong không khí Phật giáo

Bạn chưa là người Phật tử

Bạn là Phật tử

Bạn là người hết mình bênh vực cho hòa bình

Bạn đã am hiểu giáo lý Phật dạy

Bạn đã thực hành giáo lý

Các bạn đều nên đọc :

ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

THÍCH HUYỀN-QUANG

THÍCH NHẤT-HẠNH

diễn giải cương lĩnh giáo lý nhập thế của nền Phật-giáo hiện đại theo huấn chỉ của hai Viện Tăng Thống và Hóa Đạo.

Sách đã bày bán khắp các tỉnh Giáo-hội, các Chùa, các Tự viện, các nhà sách toàn quốc.

VIỆN HÓA ĐẠO xuất bản giá 200$

NHÀ SÁCH LÁ BỐI HUẾ

Đại diện phát hành sách LÁ BỐI, AN TIÊM, CA DAO, TRÍ ĐĂNG, VÕ TÁNH, LỬA THIÊNG v.v...

do Đinh-Cường trông coi

Địa chỉ : Khuôn viên Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đại Nội HUẾ

đàm thoại với

Giáo sư Nguyễn Xuân Nhựt

về các vấn đề Du-học và Giáo-dục

L.T.S. *Nguyễn Xuân Nhựt gốc người Mỹ-tho. Bắt đầu dạy môn Toán ở Trung học từ năm 56. Sang Mỹ năm 67, theo học Đại học San Francisco, đậu M.S. về Toán và M.A. về Quản trị học đường.*

Đổi sang Đại-học California, Berkeley, có lẽ Anh là người V.N. xuất sắc đầu tiên hoàn tất liên tiếp trong hai năm hai luận án Tiến sĩ tại Đại-học nổi tiếng này : một Ph. D. về Toán học (năm 71) và một Ph.D. về Giáo dục (năm 72).

Anh cũng vừa đi học và dạy học tại San Francisco và đã nhiều lần được mời thuyết trình tại những khóa Hội thảo về « Phương pháp dạy Toán » tại Berkeley.

Anh sẽ đi Âu châu để dự một Hội nghị Toán học ở Bruxelles, quan sát hệ thống giáo dục ở Anh trên đường trở về Việt nam.

Nghĩ rằng Nguyễn Xuân Nhựt là người đã có kinh nghiệm về dạy học và mang nhiều mộng tưởng về tương lai một nền giáo dục ở quê nhà, Bách Khoa đã mở một cuộc đàm thoại ngắn với Anh.

— BÁCH KHOA : *Anh có thể cho biết lý do lựa chọn trở về VN ?*

— NGUYỄN XUÂN NHỰT : Tôi cho đó là điều hết sức tự nhiên. Lẽ ra tôi đã trở về VN sớm hơn nếu không có vấn đề cần thêm một thời gian để hoàn tất vài công tác giáo dục. Đã từng dạy học, hiểu rõ tình trạng giáo dục của nước nhà, tôi mong có thể đóng góp trong giới hạn khả năng khi trở về làm việc tại Việt-nam.

— *Theo Anh, thực trạng sinh viên VN du học ở ngoại quốc ra sao ?*

— Đã có một hiện tượng « Brain drain » (1) không phải chỉ ở Mỹ mà ở nhiều quốc gia. Sự kiện những người sinh viên VN thành tài đã lựa chọn lưu trú ở ngoại quốc để sinh sống là điều bất lợi cho quốc gia. Đủ mọi thành phần bác sĩ, giáo sư, chuyên viên VN rất đông ở Âu

(1) L-T.S Xuất não (dịch theo ông Nguyễn Hiến Lê.)

châu nhứt là ở Pháp. Riêng ở Mỹ và Canada, con số đó ngày càng gia tăng nhất là trong khoảng mười năm trở lại đây.

— *Anh cho biết lý do ?*

— Tất nhiên mỗi người có lý do riêng mà họ cho là chánh đáng. Nhưng vẫn có thể kể tới những nguyên nhân chánh : tình trạng bất ổn ở quê nhà, vấn đề sinh kế và môi trường phát triển khả năng.

— *Anh có đề nghị nào để giải quyết ?*

— Vấn đề trước tiên là đặt ra cho người sinh viên được đi du học. Được du học trong tình trạng hiện tại của VN, dù là học bổng hay tự túc, đã là một đặc ân so với đa số sinh viên ở trong nước. Do đó, đòi hỏi và đặt điều kiện trước khi trở về đất nước có là quá đáng chăng ? Nhưng dầu sao, về phía chánh phủ cũng phải gây được « tin tưởng » nơi người sinh viên du học là khi họ trở về sẽ được xử dụng « đúng chỗ » và không có những bất công. Riêng đối với những tài năng thật xuất sắc, họ cần những phương tiện ở xứ ngoài — tức là môi trường để phát triển khả năng—nhưng không phải là không có lòng muốn về phục vụ đất nước : chánh phủ vẫn có thể mời họ về như những « visiting professors » cho một khóa hoặc một năm tại các trường Cao đẳng và Đại học. Quan niệm này nếu được áp dụng không những sẽ gây hứng khởi cho các sinh viên trong và ngoài nước mà còn giải quyết được vấn đề « phẩm và lượng » của tình trạng thiếu hụt ban giảng huấn trong khắp các Đại học Việt Nam.

— *Theo Anh nên có một chánh sách du học thế nào trong tương lai ?*

— Có lẽ nên lưu ý nhiều hơn tới việc gửi sinh viên Cao-học ra ngoại quốc, tức là những sinh viên đã qua văn bằng Cử nhân tại các Đại học VN. Họ sẽ là những du học sinh có khả năng, đã trưởng thành trong thực tại của đất nước, do đó tỉ lệ số người thành tài và trở về chắc chắn là khả quan hơn. Chánh sách đó cũng tiết kiệm được một số lớn ngoại tệ, có thể dùng để đầu tư phát triển các Đại học cần mở mang trong nước. Còn một chi tiết nữa cũng đáng được lưu ý là nên có những khóa hướng dẫn « mở cửa » cho những người sinh viên muốn du học. Và sau hết là khi họ đã ra khỏi nước, cũng nên có những theo dõi, liên lạc và giúp đỡ hơn là dùng « thủ tục » hành chánh để gây khó dễ cho họ. Điều này đòi hỏi những hoạt động đắc lực hơn về « sinh viên vụ » của các tòa Đại sứ.

— *Đã từng dạy học và nghiên cứu nhiều về Giáo dục, Anh có ý kiến gì về hiện trạng giáo dục ở VN ?*

— Từ trước đến giờ đã có quá nhiều chỉ trích về tình trạng giáo dục VN, với lý do ai cũng biết, như nặng về từ chương, chỉ có lý thuyết và óc khoa cử v.v... Phải nhận rằng giáo dục VN chịu ảnh hưởng nặng nề của nền giáo dục Pháp cũ. Trong khi chính nền giáo dục mà chúng ta mô phỏng đó đã qua nhiều giai đoạn

cải tổ, canh tân quan trọng. Tôi muốn kể ra đây như một thí dụ, hay đúng hơn một giai thoại phản ảnh quan niệm giáo dục của mỗi nước, từ lý thuyết tới thực tiễn. Đó là một người trẻ tuổi đến hãng sở kiếm việc làm. Nếu gặp chủ *Pháp*, ông sẽ hỏi anh ta có *bằng cấp gì ?* Nếu là chủ *Đức* sẽ hỏi anh ta *biết cái gì ?* Nhưng nếu là một ông chủ *Mỹ*, anh sẽ được hỏi ngay là đã *kinh nghiệm làm việc gì ?* Tôi nghĩ rằng tương lai một nền giáo dục Việt-nam sẽ không phải là một mô phỏng dễ dàng theo Pháp, Đức hay Mỹ mà phải là một thích nghi với thực tại và đòi hỏi của đất nước. Đó phải là một nền giáo dục mở cửa ra ngoài xã-hội, dọn cho đứa trẻ «*vào đời*» ngay từ học đường. Trong ý niệm đó, cải tổ giáo dục phải khởi đầu và chú trọng nhiều về Tiểu và Trung-học hơn là Đại-học.

— *Một câu hỏi chót, Anh cho biết ý kiến về việc dạy « Tân Toán học » ?*

— Việc đưa «Toán Mới» vào học đường có ý nghĩa là đưa một quan niệm mới vào việc giảng dạy Toán. Bởi sự thực không có gì đáng gọi là mới đứng về phương diện nội dung củaTân Toán học. Khác với trước đây, toán học chỉ được coi như một khí cụ với công dụng thực tiễn, ngày nay quan niệm mới về dạy toán như là một lề lối suy tưởng về những con số, sự biến thiên... Nó phát triển trí tuệ của người học, biết tập suy nghĩ hợp lý, có khả năng trừu-tượng-hóa, có óc tổng hợp và phân tích. Tôi nghĩ rằng việc đưa «Tân Toán học» vào chương trình giảng dạy là điều không thể tránh. Vấn đề chính là một sửa soạn dư luận và huấn luyện đầy đủ giáo chức để có thể thích nghi với quan niệm giảng dạy toán mới.

oOo

Ý tưởng của Anh thật nhiều không thể thâu tóm đủ trong cuộc đàm thoại ngắn ngủi này. Để hiểu rõ hơn về Nguyễn Xuân Nhựt, Bách Khoa giới thiệu thêm với độc giả, sau đây là một chương trong những tài liệu anh đã đóng góp tại Phân khoa Giáo-dục của « University of California, Berkeley » : « *Để tiến tới một nền Giáo-dục thích nghi* ».

Tiến tới
Một nền giáo dục thích nghi

• NGUYỄN XUÂN NHỰT

Về địa hạt giáo dục, vào năm 2000, sự cải đổi về cả giảng dạy lẫn trường ốc sẽ tới một mức mà hầu hết các sử gia phải mệnh danh là cuộc Cách mạng...

Giáo dục trên đường cải tổ

Đã có rất nhiều tài liệu viết về Tương lai trong khoảng mười năm qua. Đã có những cơ-chế mới được thiết lập để hoạch định và nghiên cứu, như nhóm « Viễn tượng » ở Pháp (Prospectives) nhóm « Vị lai » ở Anh (Futurists) và nhóm « Tài nguyên cho Ngày mai » ở Mỹ (Resources for the Future). Ảnh hưởng tư tưởng Teilhard de Chardin đã như một khích động hướng về tương lai tại nhiều quốc gia. Dù còn tới ngót 30 năm nữa nhưng người ta đã nhắc tới con số quyến rũ của năm 2000, của thời đại không gian khi con người đã đặt chân lên Nguyệt cầu (thực hiện Giấc mơ không thể được của Jules Verne) và không lâu nữa — có thể là trong thế hệ này, sẽ có mặt trên cả Kim tinh lẫn Hỏa tinh ! Nhưng điều quan trọng hơn cả, theo thống kê và trù liệu của các nhà khoa học, kinh tế, giáo dục, xã hội và cả triết gia — là những thay đổi lớn lao và sâu xa sẽ điều-kiện-hóa đời sống con người và bản chất xã hội trên khắp thế giới.

Riêng về địa hạt giáo dục, vào năm 2000, sự cải đổi về cả giảng dạy lẫn trường ốc sẽ tới một mức mà hầu hết các sử gia phải mệnh danh là một cuộc *Cách-mạng*. Người ta sẽ thấy trường sở không còn giống với bây giờ, hình dáng có thể là tròn, lục giác hoặc bát giác với rất ít tường ngăn cách. Vì những lý do thực tiễn, lớp học có thể biến mất để thay thế bằng những khu nghiên cứu kế hoạch, phòng thuyết trình các mô hình vũ trụ (planetaria), các thư viện phân tâm (decentralized libraries), phòng ăn mới và những khu đa dụng khác. Những tiến bộ máy móc sẽ được tận dụng với vô số các phương tiện thính thị và cả xúc giác, máy điện cơ cũng sẽ được dùng như một trợ huấn cụ .. Và sẽ chẳng còn bao lâu nữa là chấm dứt tình trạng những người học trò cùng lứa tuổi phải tới trường để cùng nghe một ông thầy ấy với cùng một bài học trong cuốn sách ấy theo một thời khắc biểu định sẵn. Người học trò sẽ được giải phóng khỏi những ràng buộc giờ giấc « nghiệt ngã » của chiếc đồng hồ treo trên tường với ôm dồm trong mỗi 45 phút nào là tân kinh tế, tân hóa học, tân toán học và đủ thứ linh tinh.

Để thay thế vào đó là một nền giáo dục không chỉ huy, với toán giảng huấn, lớp học bị xóa bỏ, chỉ còn những buổi hội thảo và các cuộc nghiên cứu độc lập với chương trình uyển chuyển. Và bằng những phương tiện phong phú về trang bị máy móc, thư viện của nhà trường người học sinh sẽ được thăng tiến theo mức độ khả năng của mình. Vai trò nhà giáo lúc đó sẽ khác xa với hình ảnh của một ông thầy cổ truyền, đứng nghiêm nghị trên bục, giảng bài trước một đám học sinh kỷ luật và chăm chú nghe. Tương lai ông ta có thể được gọi bằng một tên mới ; một «cán bộ giáo dục» hay một người «điều hòa chương trình» chẳng hạn. Và từ đó sự học thực sự trở thành một sinh hoạt «một phương thức đổi

thay trong cá tính của người học sinh giữa hai thời điểm theo một chiều hướng mong ước nào đó.» (1)

Có một điều nữa cần nói tới, là ý nghĩa của những đổi thay và phát kiến mới về giáo dục nhắm tới đối tượng những người đi học và sự học hơn là hướng tới nhà giáo và việc giảng dạy của ông ta. Chính quan niệm đó đã phản ảnh sự tiến bộ và trưởng thành trong nghề nghiệp và là một điểm son của chính giáo giới.

Để hướng tới một nền giáo dục thích nghi.

Giáo dục nhằm phát triển cá tính của con người theo cả hai mục tiêu: cá nhân và xã hội. Đâu là sự khác biệt giữa những nền giáo dục Hy Mã, Đông Tây, Thực tiễn và Lý tưởng, Bảo thủ và Tiến bộ; đó chính là sự khác biệt về quan niệm mức độ liên đới giữa cá nhân với những người khác trong cộng đồng xã hội được ràng buộc lại với nhau bởi những liên hệ về huyết thống, quốc gia, quyền lợi hoặc lý tưởng. Aristote, Platon, Khổng Tử, Rousseau, Pestalozzi, Herbart, Montessori, Dewey, Hutchins... đều chú tâm tới cứu cánh của một nền giáo dục nhưng cũng lại khác nhau sâu xa về mức độ quan niệm con người như một cá nhân trong tương quan xã hội.

Giáo dục không thể chỉ giới hạn trong một giai đoạn của đời sống, mà phải là «một phần của cả đời người». Ủy ban nghiên cứu Giáo dục Carnegie (1971) nhận định tiếp: « Xã-hội sẽ thăng tiến hơn nếu có sự hòa hợp giữa công việc và học vấn trong suốt cả đời sống.»

Căn bản về triết lý giáo dục chính là một *triết lý về đời sống*, một nền giáo dục không triết lý không kể gì tới những giá trị của đời sống là một hệ thống trong đó cả con người lẫn cuộc sống bị hy sinh và không còn cả một đứa trẻ để dạy dỗ (2). Do đó triết lý giáo dục phải là những ứng dụng các nguyên tắc căn bản của triết lý đời sống. Và mục tiêu của giáo dục sẽ không phải là tách rời mà là mật thiết liên hệ với cứu cánh của cuộc sống. Đó là một thứ kim chỉ nam cho đường hướng giáo dục từ lý thuyết đến thực hành, từ giảng dạy đến nghiên cứu.

Vậy đâu là những điều kiện thiết yếu để đạt tới mục tiêu giáo dục đó?

Trước hết phải là sự tôn trọng nhu cầu căn bản của đứa trẻ trên cả ba phương diện sinh lý, tâm lý và xã hội từ tuổi thơ tới tuổi dậy thì. Và vai trò của nhà giáo dục sẽ không thể chỉ là thụ động hay tệ hơn nữa là gây trở ngại cho sự phát triển tự nhiên của đứa trẻ. Theo quan niệm đó thì ứng dụng giáo dục phải có những thay đổi thích nghi,

---

(1) Harold E. Mitwel, «The Impending Instruction Revolution » Phi Delta Kappan, 51 : 8 (April 1970), pp. 434-439.

(2) F. De Hovre and E. Jordan, Catholicism in Education, New York : Benziger Brothers, 1934, p. 7.

phải có một khung cảnh thích hợp với mỗi đứa trẻ giúp cho nó có thể phát triển tối đa đúng với mức tăng trưởng theo từng giai đoạn của tuổi nó.

Thứ đến một nền giáo dục phải có tính cách toàn diện. Khía cạnh tâm lý phải được chú trọng trong vấn đề phát triển nhân tính. Cả sự mở mang trí thông minh cũng phụ thuộc vào những yếu tố kỹ thuật, xã hội và tình thương yêu nữa, Sự nhất trí của giáo dục phải thích hợp với sự thuần nhất của mỗi cá nhân, đó cũng là một đòi hỏi «phá vỡ» hoặc vượt qua những quan niệm về kỷ luật cứng nhắc hiện tại.

Sau nữa giáo dục phải có tính cách đào luyện chứ không phải là nhồi sọ. Kiến thức trở thành cần thiết cho suy nghĩ và sự hòa hợp nội tâm. Ngày nay quan niệm về một trí thông minh «cố định» hay bẩm sinh đã bị vượt qua bởi những phương pháp giáo dục mới. Đó cũng là một cái gì có thể học được bởi sự khám phá, bởi ứng dụng phương pháp giảng dạy quy nạp. Nhà giáo có bổn phận giúp phương tiện cho học sinh để nó có thể tự khai phá, tự tìm kiếm lấy câu trả lời, đi từ nội dung kiến thức tới cơ cấu, Quan niệm này đã được ứng dụng vào nhiều môn học, chẳng hạn yếu tính của tân toán học đưa tới cho người học sinh một khái niệm về cơ cấu toán học, một giải đáp «tại sao ?» hơn là một chuỗi những công thức và định luật phải nhớ. Cả đến việc giảng dạy sinh ngữ theo phương pháp mới đưa tới những phân tích ngôn ngữ, như phản ứng phân tích hóa học—dẫn tới những công thức giống như những phương trình đại số. (1)

Quan niệm trên dẫn tới những hậu quả về sư phạm ra sao ?

Trước hết là trên môi trường dạy dỗ. Đó phải là « một nơi cho những đứa trẻ cùng làm việc trong sự hòa hợp, thương yêu với tinh thần hợp tác và dân chủ » (2). Và bổn phận của nhà giáo là tạo một không khí thăng bằng về đời sống và cơ hội cho mọi đứa trẻ, giúp chúng biết thế nào là thành công và tiến bộ trên cả ba phương diện xã hội, tình cảm và kiến thức. Bằng cách gây một bầu khí thoải mái giữa thầy trò, với những trang bị thật đầy đủ và thể hiện sự vui tươi. Lớp học mang sinh khí của đời sống, không cô lập giả tạo mà là một mở cửa tiếp xúc với bên ngoài để đứa trẻ có dịp dần làm quen với đời sống, sửa soạn hướng đến một vai trò trong xã hội tương lai.

Thứ đến là sinh hoạt cá nhân. Lớp học sẽ được tổ chức thế nào để gây cho đứa trẻ một không khí đủ bình an, đầm ấm và có tham dự trong đó. Nó sẽ tự tổ chức lấy sinh hoạt lớp học giống như ngoài cộng

---

(1) Andrew Schiller; «The coming Revolution in Teaching English» Harper's Magazine. Oct. 1964.

(2) Luther E. Bradfield, « Democracy in the Classroom» Educational Administration and Supervision Vol. 43, Dec 1957, No 8, p. 467-470.

đồng xã hội, tự hoạch định chương trình và thực hiện những công việc hàng ngày cùng ước lượng lấy thành quả.

Theo đó thì nhà giáo sẽ được hướng dẫn bởi những quan điểm sư phạm như sau : hoạt động dưới mọi dạng thái là một cái gì rất tự nhiên ở đứa trẻ và đó chính là khởi điểm của giáo dục. Phải giúp chúng có dịp biểu lộ trên mọi lãnh vực : thể chất, ngôn ngữ, âm nhạc, nghệ thuật. Tạo dựng sự vật chính là khả năng tự sáng tạo. Nó giúp nhà giáo cơ hội hiểu hơn về mỗi đứa trẻ và do đó hướng dẫn chúng hiệu quả hơn trên đường phát triển. Một nền giáo dục đích thực đòi hỏi sự tham dự của chính cá nhân theo học. Nó dẫn tới sự cố gắng, ham muốn và thích thú của đứa trẻ. Đó cũng là một quan niệm sư phạm mới đối nghịch với quan niệm « phó mặc » và cũng không có gì gọi là «mị dân». Người viết có một tin tưởng rằng nhiệm vụ của nhà giáo là giúp cho người học sinh mau trưởng thành bằng cách nâng cao trình độ và giá trị chúng hơn là kìm hãm chúng ở tình trạng ấu trĩ. Bởi nếu chúng ta không đòi hỏi chúng tập làm những điều trong giới hạn khả năng, thì chính chúng cũng sẽ chẳng bao giờ thử làm vì nghĩ rằng chúng không thể làm.

Và sau nữa là tác phong của nhà giáo. Sẽ không còn là hình ảnh của một bậc «sư phụ» theo cái ý nghĩa cổ truyền, hoặc một người «trả bài» hay tệ hơn nữa «một cái máy ghi âm», Ông ta phải là một người hòa hợp giữa đám học trò, nhận xét giúp đỡ và hướng dẫn mọi hoạt động của chúng. Chính ông ta phải tâm niệm rằng học đường là dành cho đám trẻ nhỏ và chính sự hiểu biết tự chúng sẽ dạy dỗ chúng. Do đó những nhu cầu căn bản của người học trò phải được ông thầy biết đến và giúp đỡ, Ông giúp chúng giải tỏa những sợ hãi lo âu và gợi nơi chúng cái cảm tưởng bình an. Bởi cá tính của mỗi đứa trẻ chỉ có thể phát triển với một tinh thần tự tin, trong thiện cảm và tinh thần kỷ luật tự nguyện giữa đời sống tập thể. Có một điểm mà người viết muốn nhấn mạnh ở đây là chỉ có thể đối xử một cách vô tư và dân chủ với đám trẻ khi chính mỗi đứa được cư xử theo một cách khác. Nhà giáo phải từ bỏ mọi công thức giáo điều có thể đưa lớp học tới thụ động. Sẽ có một sự hòa hợp trong cách làm việc vừa tập thể vừa cá nhân để thích nghi với những đặc tính đòi hỏi riêng của mỗi đứa trẻ. Hiểu được giá trị giáo dục của sự thành công, nhà giáo sẽ đem lại cho mỗi đứa trẻ những cơ hội thử thách và thành đạt. Ông cũng biết loại bỏ những phương pháp giáo dục dạy cho đứa trẻ kinh nghiệm về sự thất bại bởi ông là người hiểu rõ hơn ai hết những hậu quả tác hại ra sao trên cá tính đứa trẻ và cả tương lai của nó nữa. Đây cũng là khuyết điểm của hiện trạng giáo dục nặng về thi cử ở Việt-nam, mô phỏng theo Pháp.

« Tôi chưa hề gặp một đứa trẻ

không có khả năng suy nghĩ và tham gia một sinh hoạt nào đó ở học đường nếu người ta cho nó biết trước rằng có những phần nó có thể đóng góp... Tôi chưa hề gặp một trẻ nhỏ nào nghĩ rằng nó hoàn toàn thất bại, nhưng tôi đã gặp những trường hợp đó ở những người lớn. » (1) Ý nghĩa nhận xét trên là gán trách nhiệm cho học đường đã dạy cho đứa trẻ biết thế nào là kinh nghiệm thất bại ! Nhưng điều đó cũng không có nghĩa là dung thứ cho cách làm việc nửa vời của đứa trẻ mà trái lại nhà giáo phải quan tâm giúp đỡ và theo dõi, giúp cho nó tự biết chính cách làm việc hiện tại của nó đã không đưa tới kết quả.

Quan niệm giáo dục mới cũng là sự chối bỏ phương cách ganh đua giữa những đứa trẻ mà không quan tâm gì tới đặc tính khả năng của mỗi đứa. Phương pháp sư phạm lý tưởng vẫn là tinh thần hợp tác thay cho sự cạnh tranh : sự cô lập và đối nghịch cá nhân sẽ thay thế bằng tinh thần nhóm, giữa những đứa trẻ, thầy giáo và cả phụ huynh của chúng nữa.

Đó là một triết lý giáo dục thấm nhuần tình yêu thương trẻ, cộng với sự hiểu biết và nâng đỡ chúng. Để bổ túc cho phần nhận định trên, người viết muốn được trích ra đây ít giòng của bác sĩ William Glasser trong cuốn « Không có Thất bại ở Học đường » :

« Mục đích chính của Giáo dục là đào tạo ra một mẫu người sống động, biết suy tưởng, có khả năng sáng tạo, không sợ hãi, muốn đương đầu giải quyết những vấn đề đặt ra trước cuộc sống. Dù không được tất cả nhưng anh ta cũng giải quyết được một số những vấn đề đó. Tin rằng anh có thể tạo thành công, dù cũng có lúc gặp thất bại. Bước đến thành công có thể là khó khăn nhưng anh không bỏ cuộc. Một khi anh ta biết suy nghĩ, biết liên đới với tha nhân, biết vẻ đẹp của những công trình tạo vật và con người anh ta có hy vọng sống một cuộc đời có giá trị và hạnh phúc. Giới hạn giáo dục là ở đó, phần còn lại là do chính cá nhân anh ta ».

Để đưa tới một kết luận thực tiễn, người viết muốn hướng tới những giới chức có thẩm quyền và có quan tâm tới nền giáo dục của Việt Nam.

Nỗ lực trước tiên phải là việc *tái tổ chức* tuyển mộ và huấn luyện cán bộ giáo dục ở mọi cấp. Phương pháp huấn luyện phải có tính cách tổng quát về kỹ thuật và chuyên môn, đào tạo một căn bản vững chắc về tâm lý sư phạm cả về lý thuyết và thực hành, và có nhãn quan hướng ra ngoài xã hội.

Thứ đến là sự cần thiết tổ chức những khóa tu nghiệp để nhà giáo có cơ hội «cập-nhật-hóa» những tiến bộ trong lãnh vực nghề nghiệp, đón nhận thêm những lý thuyết mới cùng

(1) William Glasser, M.D. « School Without Failure », New York, Harper and Row, Publishers, 1969.

trao đổi kinh nghiệm để cải thiện phương pháp giảng dạy. Phải giúp cho nhà giáo có những cơ hội tự tổ chức thành những nhóm nghiên cứu ngõ hầu làm phong-phú-hóa việc dạy dỗ.

Nhu cầu tự huấn luyện của nhà giáo để theo kịp tiến bộ của nghề cũng là một vấn đề «sinh tồn» nếu không muốn bị lạc hậu và đào thải. Và nếu được hơn thế nữa, nhà giáo là người có một «giấc mơ» trước thời đại. Đó là điều đáng cho chúng ta ngưỡng mộ và mong ước, bởi vì, những định-chế của con người có khuynh hướng chống lại sự đổi thay — mà định chế giáo dục, theo định nghĩa, là thành trì bảo thủ quá khứ.

Vấn đề thi cử phải được quan niệm như một phần của giáo dục, nó không thể là một trở ngại cho sự phát triển kiến thức. Và do đó những phương pháp trắc nghiệm mới được đem ra ứng dụng, đó không phải chỉ là một sự đo lường lý thuyết xuông mà là một đánh giá khả năng ứng dụng. Nó phải có tính cách hướng dẫn sự học và giúp người học sinh tiến tới thành cong.

Vấn đề trang bị kỹ thuật cũng là một cần thiết cho giáo dục học đường, (có thể so sánh nó như là những ống thí nghiệm đối với nhà hóa học) như thư viện, các dụng cụ thính thị, và những máy móc mới khác.

Trường sở cũng phải thích nghi với phương pháp giáo dục mới, phải có sự hợp tác nghiên cứu giữa các chuyên viên giáo dục và kiến trúc.

Và cũng cần phải nói thêm về giới hạn con số học sinh trong một lớp học và trong toàn trường để bảo đảm kết quả công tác giảng huấn và giữ vững tương quan bình thường giữa những cá nhân trong cộng đồng.

Kết luận

Hiển nhiên những đường hướng trên không thể thực hiện ngay toàn thể và trong một lúc. Chính kinh nghiệm về thực hành sẽ tìm ra những sai lầm và thiếu sót. Nó sẽ được trắc nghiệm lại bằng ánh sáng của thực tại.

Trở lại với thực tế của Việt nam, không dễ gì để đem ứng dụng những ý tưởng đó ở một đất nước kiệt quệ bởi hơn 25 năm chiến tranh. Chính trong khung cảnh bất an đó, giáo giới vẫn cam đảm lãnh trách nhiệm và nỗ lực cải thiện nền giáo dục hiện tại. Nhưng rồi người ta cũng tự hỏi những đầu tư về khảo cứu phương pháp giáo dục cho xứ sở và tuổi trẻ tương lai đã gọi là đủ chưa ? Hay chỉ có sự « nhập cảng » và mô phỏng không chọn lựa những phương pháp mới có thể thích hợp ở quốc gia khác nhưng không phải ở hoàn cảnh Việt nam.

Và người viết nghĩ rằng nhu cầu của nền giáo dục Việt nam sẽ không phải chỉ là xây thêm trường ốc mà là một cấp thời canh tân phương pháp giảng dậy và chương trình học vấn cùng là phục hồi giá trị của nhà giáo trong nấc thang xã hội. Đó chính là cả một thử thách !

NGUYỄN XUÂN NHỰT

Berkeley 72

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette) màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

● NGUYỄN THIẾU DŨNG

1

Văn học thời Duy Tân

Cuộc đấu tranh chống Pháp đến đầu thế kỷ 20 đã bước sang một thế trận mới. Các nhà cách mạng ý thức được tương quan lực lượng yếu kém giữa Việt Nam và Pháp đã thấy rõ nếu cứ theo chiến thuật chiến lược cũ, chỉ thúc đẩy những người con yêu của tổ quốc khẳng khái cần vương để rồi «thung dung tựu nghĩa» chứ không thay đổi được thực trạng đen tối của nước nhà. Từ ý thức đó họ đã khai sinh hai phong trào lớn: Đông Du và Duy Tân. Hai nhà lãnh tụ của phong trào đã thiết lập mặt trận văn hoá chính trị để khai dân trí nhằm chống lại kẻ xâm lăng. Cho đạt được mục tiêu đó họ đã dùng thơ văn như một lợi khí hô hào, cổ võ, thúc đẩy thanh niên dấn thân vào công cuộc cứu quốc và kiến quốc.

Về phía thực dân Pháp, họ đã thành công trong chính sách «dĩ Việt trị Việt», sử dụng bọn tay sai đắc lực như Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân, Trần Bá Lộc để dẹp tan các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Nguyễn Duy Hiệu, Mai Xuân Thưởng. Giờ đây đứng trước cao trào cách mạng của người Việt Nam, Pháp một lần nữa lại thi hành thủ đoạn «Dĩ Việt chế Việt» để triệt hạ ảnh hưởng của Đông Du và Duy Tân. Họ dùng Báo chí như một phương tiện tuyên truyền, dụ hoặc phản công mặt trận văn hoá chính trị của các nhà cách mạng. Với chủ trương đó, Đông Dương Tạp chí và Nam Phong Tạp chí chính là hai công cụ nòng cốt của thực dân.

Những sự kiện vừa nêu trên là những điều hiển nhiên của lịch sử, ai cũng thấy rõ hết. Thế mà lạ thay, trong lịch sử văn học người ta lại không chịu thừa nhận sự kiện đó, các nhà văn-học-sử chỉ phân tích giới thiệu loại văn chương tay sai của thực dân Pháp, và họ hoàn toàn bỏ quên loại văn chương chân chính của người Việt Nam. Làm như thế họ không biết rằng mình đã đứng trên quan điểm của kẻ thù, nằm trong từ trường chính trị của Pháp. Nhưng họ còn tệ hơn kẻ thù của dân tộc nữa, vì đầu sao Pháp còn ý thức được đối tượng mà họ nhắm đến: chính vì hoạt động, vì văn chương của Phong trào Đông Du, Duy Tân mà họ đã phản ứng lại bằng cách khai sinh Đông Dương và Nam Phong. Chỉ đề cập thế văn học của Nam Phong, Đông Dương, phủ nhận thế văn học của Duy Tân, Đông Du là viết văn học sử theo một chiều, là quay lưng lại với lịch sử. Hơn bất cứ thời đại nào, văn học đầu thế kỷ 20 là văn học gắn liền với chính trị, vì, chính hoàn cảnh Việt Nam, thảm trạng Việt Nam lúc bấy giờ là nguyên nhân của mọi sự phát sinh những hành động văn học. Từ, bỏ quan điểm phê phán văn học trên, chính thực tại lịch sử là từ bỏ sự

thực. Vậy đã có một thời kỳ Đông Dương. Nam phong làm chủ sinh hoạt văn học thì thế tất cũng đã có một thời kỳ Đông Du, Duy Tân nắm giữ địa vị then chốt đó.

Trước khi đi sâu vào chi tiết nhằm minh chứng cho sự hiện hữu của thời kỳ *Văn học Duy Tân* tưởng cũng cần biết qua thái độ của vài ba nhà văn học sử tiêu biểu.

THÁI ĐỘ CỦA CÁC NHÀ VĂN HỌC SỬ ĐỐI VỚI VĂN HỌC THỜI DUY TÂN.

Đọc Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm chúng ta chẳng tìm đâu ra tên của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, những người mà ai cũng biết tài văn chương của họ đâu đã nhường ai. Trong khi đó những Hoàng Cao Khải, Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh lại được trịnh trọng nhắc đến. Tại sao như thế ? Dương Quảng Hàm không phải không biết đến các nhà cách mạng Việt-Nam nhưng hình như ông cố tình không nói đến. Trong chương « Ảnh hưởng của nền văn học mới nước Tàu và nền Pháp học » ông đã chứng tỏ điều đó : « Bấy giờ các thức giả mới muốn hiểu biết cái học thuật tư tưởng của Âu Tây, bèn kẻ thì ra ngoài du học (sang Tàu, sang Nhật) kẻ thì mua các sách tân thư của Tàu để học. Thành ra các học thuyết mới của Âu Tây lại do văn Tàu truyền sang một cách gián tiếp. Rồi các nhà ấy cũng hăng hái muốn cải cách canh tân : mở trường học, lập công ty buôn bán, lại có người vận động về đường chính trị » (1). Rõ là Giáo sư Dương Quảng Hàm có những điều không tiện nói ra, vì lẽ ông đã soạn Việt Nam Văn Học Sử Yếu dưới thời Pháp thuộc nên hẳn nhiên không thể đề cao tinh thần kháng chiến anh dũng của những con người có tâm huyết với đất nước Việt Nam. Thế nên VNVHSY thiếu hẳn tinh thần độc lập và không trình bày đúng mức như yêu cầu của một cuốn Văn học sử đích thực. Nhưng dầu sao đấy cũng là những khuyết điểm có thể giải thích được. Đàng khác, không cùng một hoàn cảnh như Dương Quảng Hàm, sống trong một thời kỳ mà áp lực thực dân thật sự không còn nữa, thế mà vẫn giữ nguyên tinh thần phản động của Việt Nam Văn Học Sử Yếu ! Đó là trường hợp những cuốn Văn học sử viết sau sách của Giáo sư Dương Quảng Hàm nhưng vẫn nhắm mắt bước theo vết xe cũ của Giáo sư. Một số văn học sử gia chỉ đồ theo hay phóng đại công trình của ông chứ không có một nỗ lực nào đáng kể trong công tác xây dựng một tinh thần chủ yếu cho những biên tập của họ một khi họ đã sống trong một xã hội đã đổi khác xã hội nô lệ thời ông Dương Quảng Hàm.

Ông Phạm Thế Ngũ trong Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, quyển III, xuất bản năm 1965, viết về Văn học đầu thế kỷ 20 đã nhận xét :

---

(1) ấn bản 1972 — trang 388.

«Nếu Văn học Việt Nam hiện đại trong thời kỳ này có tính cách cốt yếu là một cuộc canh tân — hướng về Tây phương để canh cải những quan niệm và thể thức suy tư diễn tả của mình—thì sự canh tân ấy cho đến ngày tiền chiến diễn ra theo hai đợt khá rõ.

Đợt trước khởi lên khoảng năm 1907 với phong trào Duy Tân của các nhà nho cuối cùng bên cạnh những nhà Tây học đầu tiên. Song nhà nho làm việc này chỉ là một *hành động háo hức nông nổi* (1), những thành tích gây được phải kể về phía những nhà Tây học với người đi đầu là Nguyễn Văn Vĩnh mà hoạt động đã mở đường cho báo chí và xuất bản, và tư tưởng âu-hóa cấp tiến nổi bật từ báo Đăng Cổ (1907) đến báo Đông Dương (1913). Kế đến Phạm Quỳnh trong 17 năm báo Nam Phong đã cố gắng dung hòa ước vọng âu hóa với ý hướng tồn cổ còn mạnh mẽ trong công chúng bấy giờ... » (tr. 92).

Thật là sửng sốt, không biết căn cứ vào đâu ông lại nhận định lạ lùng như vậy. Sự thật đã hoàn toàn trái ngược những điều ông đã phát biểu. Để khỏi bàn cãi dông dài, ta thử lập bảng so sánh giữa hành động Âu hóa của các nhà nho trong phong trào Duy Tân với ý đồ Âu hóa của Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh mà ông Phạm Thế Ngũ cho là cấp tiến xem đàng nào nông nổi, đàng nào cấp tiến hơn.

Phong trào Duy Tân	Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh
— Đề cao Dân quyền tiến tới Dân chủ	— Đề Pháp trực tiếp cai trị (NVV). Chủ trương Quân Chủ Lập Hiến (PQ)
— Chống Pháp, không vọng ngoại, tin ở nội lực quốc dân	— Chấp nhận Bảo hộ, hoàn toàn tin ở Pháp
— Đả Phong kiến, quan lại tham nhũng	— Bài Phong, chống hủ tục (NVV) Thái độ phong kiến (PQ)
— Lập công ty, hóa dân cường quốc	— Phát triển nghề in, nghề Báo
— Dùng văn chương cổ xúy Duy Tân, Chống thực dân	— Đề cao Lãng mạn

Chỉ qua những điểm dẫn chứng tiêu biểu trên, chúng ta cũng đã thấy lập luận của ông hoàn toàn thiếu cơ sở vững chắc. Thay vì chỉ trích hạng người «ngụy duy-tân»—xem việc đô hộ của Pháp là điều «bất đắc bất nhiên» và có công đẩy cuộc cách mạng văn học đến lãng mạn — ông lại lên án những nhà Duy Tân dùng văn chương làm

(1) Người viết bài này nhấn mạnh.

lợi khí tranh đấu cho lý tưởng dân chủ tinh thần dân tộc tự quyết (1). Vì thiếu cái nhìn khách quan thiếu một quan niệm sâu sắc về lịch sử văn học nước nhà nằm trong lịch sử một dân tộc phải luôn đấu tranh để sinh tồn và tiến bộ, nên tiếc thay một quyển sách biên soạn công phu như thế lại không phản ảnh được quá trình sinh hoạt văn học chân chính của nước ta. Và cũng do đó ông Phạm Thế Ngũ đi từ bất công nầy đến bất công khác. Ông đã dành hơn 200 trang giấy trong cuốn sách dày khoảng 600 trang để nói về Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh trong khi chỉ nhắc đến Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh vỏn vẹn mấy mươi dòng. Đấy là chưa kể ông đã chẳng cần đếm xỉa đến những Trần Quí Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... Ông đã xếp Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh vào thời kỳ 1862-1907 trong khi hoạt động chính của họ lại nhằm vào hai thập niên đầu thế kỷ 20. Vẫn biết sự phân chia các thời kỳ văn học nào cũng chỉ có tính cách tương đối, nhưng mục đích chính của nó là làm nổi bật những nét chính của sinh hoạt văn học. Thế nên chúng ta chỉ có thể chấp nhận những cách phân định nào đưa ta đến gần sự thật hơn. Đặt một nhà văn vào một thời kỳ mà họ hoạt động mạnh nhất, gây được ảnh hưởng tích cực nhất là đã xác định đúng vai trò của họ đối với lịch sử văn học. Làm ngược lại chúng ta sẽ không đo lường được tầm quan trọng của nhà văn, và một đôi khi làm lu mờ cả sự nghiệp của họ. Không phải một mình ông Phạm Thế Ngũ đánh giá sai lầm văn chương các nhà cách mạng mà một số các văn học sử gia khác cũng đã hành động như vậy.

Xếp Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh vào thời kỳ 1862-1907, ông Phạm Thế Ngũ đã làm họ kém thế trước Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương. Nhưng xếp Phong trào Duy Tân và Đông Du vào thời kỳ 1931-1932 như Giáo sư Thanh Lãng cũng đã vô tình làm giảm giá sự nghiệp các nhà cách mạng vì điểm tựu thành của họ ở vào những năm 1905-1908. Theo thiển ý, chúng ta phải biệt họ riêng thành một thời kỳ : Thời kỳ Văn học Duy Tân (1904-1613) mới có thể làm nổi bật sắc thái đặc biệt của họ.

Trong số các nhà biên tập văn học sử, Giáo sư Thanh Lãng với «Bảng lược đồ Văn học Việt Nam» có lẽ là người đã giới thiệu những tài liệu văn học thời Duy Tân dồi dào nhất và Giáo sư cũng là người chớm thấy có thời kỳ văn học này nhưng sau đó ông phủ nhận ngay : « Đông Kinh

---

(1) Dường như ông Phạm Thế Ngũ thường hay sử dụng nhận định thiên lệch nầy, chẳng hạn ông đã đồng ý với Nguyễn Văn Vĩnh trong việc đả kích « bọn cách mạng Đông Du » khi viết « nói như chúng ta (ông Phạm Thế Ngũ) bây giờ, thực dân tuy hại nhưng không hại bằng phong kiến. Đi với thực dân mất độc lập nhưng... thêm (từ đây là lời ông Vĩnh) được chút tự do, hơi nếm mùi dân chủ. Kẻ bạo ngược có ăn hiếp thì *ăn hiếp được đứa dại mà thôi*, người nào khôn ngoan có học thì cũng hưởng được tự do chẳng kém chi người Lang-sa là mấy « (Q.III tr. 112)

Nghĩa Thục (1) là kết tinh của tất cả chí hướng và hành động của sĩ phu Việt Nam buổi đầu thế kỷ. Đông Kinh Nghĩa Thục là sự *đi đến thành hình* của một đường lối tư tưởng, nhất là hành động mới. Tuy nhiên nó chưa cho ta tách biệt thời kỳ này thành một thế hệ là vì, giữa các văn nghệ sĩ của thời kỳ này với những năm cuối của thế kỷ trước đều có một điểm chung quan hệ : dùng bạo động để giải phóng quốc gia». Như thế là giáo sư đã khẳng định không thể có một thời kỳ văn học có đặc tính riêng biệt : Thời kỳ Văn học Duy Tân. Bảo rằng thế hệ trước và thế hệ này có một điểm chung : *Bạo động* là căn cứ vào chính trị để xét đoán văn học. Phương chi sự gán ép này lại sai biệt hẳn sự kiện lịch sử. Chính tác giả đã tự mình sửa sai điểm ngộ nhận đó. Trang 130, Giáo sư viết : Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh lúc đầu có khác biệt nhau, nhưng dần dà lại gặp gỡ nhau để khai thông một thế hệ mới mà đường lối cảm nghĩ và hành động là khẩu hiệu : Cách mạng văn hóa phải đi trước cách mạng quân sự.

Ngay chính cụ Phan Bội Châu, một người từng chủ trương bạo động, cũng đã cho chúng ta biết khuynh hướng cụ đã thay đổi từ năm 1905 «... Các cụ chỉ lo xông pha bôn tẩu trên một con đường bạo động mà thôi. Chính tôi lúc chưa bỏ nước ra đi, cũng chỉ có tư tưởng giống y như thế, chừng sau khi ra ngoài được rộng kiến văn và nhờ người ngoài giáo huấn, tôi mới biết sự nghiệp quang phục nước nhà không sao có cơ sở cho thật vững bền thì không làm nên. Bởi vậy, một mặt tôi cổ võ thanh niên du học, một mặt muốn mở mang tư tưởng ái quốc cho toàn quốc dân, tôi bèn viết ra Tân Việt Nam kỷ niệm lục, Việt Nam sử khảo và tập Hải ngoại huyết thư nối theo...» (Ngục Trung Thư ; tr 51).

Tuy nhiên cho dầu có chủ trương hoặc có những hành vi bạo động đi nữa chúng ta vẫn thấy các nhà văn ở thời văn học Duy Tân cũng đã tự phân biệt họ với những nhà văn ở thời kỳ văn học kháng chiến trước vì chính ý thức và khuynh hướng duy tân của họ.

Vậy vấn đề thiết yếu là phải biệt Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh cùng những đồng chí của các cụ ra một thời kỳ mà chỉ có họ mới đóng vai trò tích cực và tiêu biểu. Trả cho những vị đó một tư thế xứng đáng trong một thời kỳ oai hùng của lịch sử là tiêu hủy được những bất công của lịch sử văn học đã từ lâu thờ ơ với họ, đồng thời cũng gột bỏ được tinh thần nô lệ, đầu hàng mà thực dân Pháp đã gắn sâu vào đầu óc dân bị trị trong hơn 80 năm đô hộ.

Phục hồi được địa vị của các nhà cách mạng Duy Tân trên chiếu hoa

---

(1) BLĐVHVN Q.II, tr 125. Đúng ra Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ là một bộ phận của phong trào Duy Tân,

văn học (1) là từ bỏ quan điểm kẻ xâm lăng để trở về với quan điểm *dân tộc*. Được như thế chúng ta mới có thể hoàn thành một phần nào bộ *Văn học sử* đích thực theo một quan niệm động, lấy dân tộc làm nền tảng, lấy độc lập và tiến bộ làm phương châm. Bởi viết văn học sử không phải chép lại tài liệu một cách rời rạc như sắp lại những nấm mồ theo thời gian mà là dựng lại cả một qua trình tranh đấu của dân tộc thể hiện qua ngôn ngữ. Nói cho cùng, qua văn học sử chúng ta phải tìm thấy hồn tính của dân tộc chứ không phải để tìm gặp những tờ hóa đơn ngôn ngữ...

. . . . .

NGUYỄN THIẾU DŨNG.

(1) Trong ý hướng đó chúng tôi ước mong Bộ Giáo dục sẽ sớm cải tổ chương trình Việt vă , chẳng hạn với lớp 11, học sinh đã được hướng dẫn từ tinh thần suy nhược của Trần Tế Xương sang thái độ xu phụ ủa Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh mà đoạn tuyệt hẳn với tinh thần cách mạng của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,

• NGUYỄN VĂN XUÂN

Năm mới đi viếng nhà thờ Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam

(Nguyễn-Tường-Tam, Thủ-chỉ làng Cẩm-Phô !)

Ngay từ mồng hai, mồng ba Tết, tôi đã hẹn với vài anh em vào Hội-An (1) để có cơ hội điểm qua tình hình ngưng bắn và viếng nhà thờ Nguyễn Tường, nơi có thờ ông Nhất Linh Nguyễn Tường Tam.

Nhưng rồi nhiều công việc khác chưa cho phép. Đến mãi mồng chín tháng Giêng (11-2-1973) chúng tôi mới lên đàng. Một số văn hữu đã đứng tuổi như Phan Du, Trần Gia Thoại, và các bạn trẻ Nguyễn Hạnh, Phát... Chúng tôi từ Đà-nẵng khởi hành giữa một trận mưa xuân hơi nặng hạt.

Đến Hội-An thì đã mười giờ. Chúng tôi vào nhà Ông Phạm Phú Hưu, cháu cụ Phạm Phú Thứ và cũng là một nhân sĩ tiếng tăm ở đây. Chuyến đi này, ngoài mục đích viếng nhà thờ Nhà văn Nhất Linh, thật ra còn một công tác quan trọng khác : viết một địa-phương-chí bị lục, bị khảo về Tỉnh Quảng-Nam. Việc này, tôi sẽ trình bày trong một dịp khác. Cũng xin nhắc là ông Phạm Phú Hưu hiện nay còn giữ nhiều tài liệu về Phạm Phú Thứ, nhà Duy Tân kiệt hiệt nhất của vùng Thuận Quảng.

Ông cũng là bà con thân cận của Song Thu nữ sĩ. Do lẽ đó, tôi thấy trên tường còn dán bài thơ của vị nữ sĩ tài hoa và can cường này. Có điều làm tôi ngạc nhiên là chữ *Song* (Thu), xưa nay tôi vẫn yên trí là *đôi* và tôi tưởng là bà đã đặt theo một điển tích hay kỷ niệm nào. Thì hóa ra bây giờ mới thấy rõ *Song* là *cửa sổ*. Tôi vẫn phàn nàn chữ Việt mà phiên âm bằng quốc ngữ hoàn toàn thật nguy hiểm. Bây giờ thêm một bằng cớ để tôi tự nghĩ là điều nhận xét đó không phải sai, nhất là khi người con của vị gia chủ nghe tôi bảo bà cô anh có cái tên như thế với cái nghĩa như thế thì anh ngần người vì anh cũng cứ vẫn đinh ninh như tôi...

Từ nhà ông Phạm Phú Hưu, chúng tôi sang một đôi nhà khác của các nhân sĩ có thể góp phần đắc lực cho quyển địa-phương-chí bị khảo rồi mới tìm sang nhà thờ Nguyễn Tường.

oOo

Nhà thờ chính nằm trên một đường kiệt cạnh Chùa Cầu Ba gian nhà cổ cao ráo, tuy màu sơn phết đã cũ kỹ nhưng vẫn còn đủ dáng vẻ của một từ đường thế gia. Chúng tôi chắc chắn không lầm vì thấy bức hoành lớn treo giữa nhà ghi rõ hai chữ Nguyễn Tường. Nhưng cô con

(1) Thành phố chính của tỉnh Quảng Nam, nơi xưa kia có hải cảng quan trọng nhất của Đàng Trong.

gái gia chủ — ông Nguyễn Tường Tự, đi vắng — cho biết là đây thuộc phái nhất ; ông Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thuộc phái nhì ; trước kia, nhà thờ phái nhì bị hỏng, đổ nát nên tạm đưa ảnh ông về thờ ở đây. Nhưng nay nhà thờ ấy đã làm lại nên đã lại đưa về thờ bên đó rồi.

Cô nhanh nhẹn dẫn chúng tôi đi. Tưởng rất gần, không ngờ cũng khá xa. Qua tòa Khổng miếu nguy nga mà ở vùng này ai cũng biết, chúng tôi rẽ theo một đường kiệt.

Hội-An vốn thấp lại đất thịt nên nhiều nơi nước đọng dù con mưa qua đã lâu và tôi chắc những dân cư ở đây chẳng thích gì nông nỗi nước đọng dễ dàng giữa thời xa lộ mở mang khắp xứ này. Tuy nhiên, con đường màu đỏ nhạt, đọng nước với những khu vườn vẫn gợi cho tôi nhớ ở đâu đây, trong các truyện của Thạch Lam, một cảm giác lâng lâng, dịu dàng theo bóng nắng qua các chòm lá cây, rải trên mặt đường.

Từ đường kiệt vào nhà phải qua một khu vườn. Nhìn cái nhà thờ bằng gạch lợp tôn nho nhỏ, khép nép trong khu vườn rộng, tôi sực nhớ lời anh Nguyễn Tường Tâm, con Kỹ sư Nguyễn Tường Cẩm (anh của Nhất-Linh) cho biết là xưa kia, nhà thờ này rộng lớn, nhưng qua binh lửa, bây giờ thu nhỏ lại. Tự nhiên, nhìn cái nhà thờ khiêm tốn ấy, tôi sực nhớ lời ông L.H. trước khi tôi tới đây, đã bảo :

— Ông Cụ Cố ông Nhất Linh xưa kia được phong tiết Việt (?), tới đâu đem cắm là có quyền nhận lãnh năm mẫu đất ở vùng đó. Sự đó có đúng không ? Nếu như thế thì cả khu vực mênh mông từ nhà thờ lớn ra tới đây đều nằm trong vùng sở hữu của họ Nguyễn Tường cả hay sao ? Chuyện đó, có cơ hội, tôi sẽ hỏi lại một nhân vật lão thành trong gia đình Nguyễn Tường.

Căn nhà thờ vắng vẻ, chỉ có một vị chủ nhân trên sáu mươi tuổi nhưng còn rất linh hoạt tiếp chúng tôi với một cô gái, không rõ là con hay cháu. Ông vui vẻ ra mặt khi nhận thấy người bạn cùng đi với tôi — nhà thơ Trần Gia Thoại — vốn là bạn học cũ ở Trường Hội-An và nhắc lại cho nhớ rõ :

— Trước kia, tôi tên là Nguyễn Tường Mại, sau đổi là Nguyễn Tường Mai.

Tôi thân mật đi ngay vào vấn đề :

— Chúng tôi đều không hoạt động chính trị mà chỉ hoạt động văn hóa. Chúng tôi đều không phải bạn của ông Nhất Linh, nhưng rất kính yêu ông như một nhà văn có công với đất nước và nhất là vẫn còn xúc động với cái chết cao đẹp của ông. Trước kia tôi có viết qua gia phả họ Nguyễn Tường trong số Văn đặc biệt về Hoàng Đạo (1). Nhưng bấy giờ vì đường sá không tiện cho việc đi lại, tôi chỉ có thể ghi chép theo trí nhớ rất cường ký của giáo sư Đỗ Quảng. Tôi cũng đã kiểm soát lại và biết là không sai, song thiếu

(1) Văn — Tưởng niệm Hoàng Đạo 1968.

nhiều chi tiết quan hệ, thú vị. Vả chăng, công cuộc nghiên cứu văn học ngày nay đòi hỏi không chỉ phải biết về văn phẩm mà còn cả con người, thân tộc, dòng họ, đất đai phát tích... Tôi được anh Nguyễn Tường Tâm giới thiệu cho biết là ông và ông Nguyễn Tường Doãn (ở Huế) rất thân mật với các ông Nhất Linh, Hoàng Đạo lúc sanh tiền. Vì thế, tôi hy vọng ông cho biết qua những điểm mà chúng tôi mong muốn được biết.

Ông Nguyễn Tường Mai, không chút kiểu cách, đã vui vẻ đáp ngay các câu hỏi của tôi.

— Thưa dòng họ chúng ta có phải phát từ Bình-Định với cụ Binh bộ Thượng thơ Nguyễn Tường Vân không ?

— Dòng họ Nguyễn Tường chúng tôi vốn trước kia ở huyện Tống Sơn Thanh Hóa. Bấy giờ là *Nguyễn Như* ; về sau đổi lại là *Nguyễn Văn* ; vào Bình Định rồi mới đổi là Nguyễn Tường. Cụ Nguyễn Tường Vân (1) Binh bộ Thượng thơ, Nhuận trạch hầu đã là Đệ lục thế tổ của tôi.

— Ông cho chúng tôi ghi qua các ngài trong họ Nguyễn Tường. Và chúng ta có thể bắt đầu từ cụ Binh bộ Thượng thơ.

— Cụ Nguyễn Tường Vân sinh ra tất cả năm người con trai. 1) Nguyễn Tường Vĩnh đỗ Phó bảng. Cụ học hành có tiếng, được làm Sư phó cho vua Tự Đức. Về sau, cụ vào làm Tuần vũ Định Tường rồi lập dòng họ luôn trong đó.

— Tôi nghe nói ông Hoàng Đạo trước kia làm Tham tá Lục sự ở Tòa án Pháp tại Đà-nẵng đã có lần tìm vào tới gia đình này và rồi vì lẽ gì đó, ông không muốn gặp lại ?

— Ai nói cho ông biết ? Chuyện đó chỉ có tôi biết vì chú tôi, Nguyễn Tường Long cũng chỉ cho tôi biết riêng ; tôi đoán là Tâm đã nói chuyện lại với ông.

— Chính như thế !

— Tôi nghĩ đó là việc chỉ quan hệ với gia đình chúng tôi.

— Tôi lại nghĩ khác. Hoàng Đạo đã là nhà văn của Việt Nam thì đời tư của ông cũng có liên quan với Văn học và sự tìm hiểu Văn học. Thái độ Hoàng Đạo khi thấy nhà kia giàu quá, hơi tỏ vẻ ngờ vực bà con nghèo ở xa tới liền không tiến hành việc tìm dòng họ chứng tỏ ông là người khí khái vì ông không muốn

---

(1) Nguyễn Tường Vân :

Khi trước lưu ngụ Gia Định. Lúc đầu Trung Hưng làm Chính dinh Tri bộ, năm Gia Long thứ 2 (1803) dời ra Cai bộ Quảng Nam, rồi mới nhập tịch ở đấy. Sau đó bị can nên phải giáng trật.

Năm thứ 9 (1810) thăng chức Ký lục Bình Thuận, làm lần lên Lại Bộ Hữu Tham tri lãnh Bắc Thành Hộ tào. Năm Minh Mạng nguyên niên (1820) thăng Binh Bộ Thượng thơ rồi mất, được tặng Thực thọ Thượng thơ. Ông Vân có tài văn học, chính trị, chưa thi thố hết mà mất, vua rất thương tiếc. Năm Tự Đức thứ 10 (1857) liệt thờ vào đền Hiền Lương.

Đại Nam Nhất Thống Chí Q. 5. Tỉnh Quảng Nam tr, 107 (Nha Văn Hóa 1964).

bị người ta gán cho mình câu tục ngữ « Thấy người sang bắt quàng làm họ ». Sự kiện này giúp chúng tôi hiểu thêm về tâm lý Hoàng Đạo.

— Đúng vậy. Chú tôi từ khi thấy thái độ ấy của gia đình con cháu ông Nguyễn Tường Vĩnh thì không nghĩ tới việc trở lại vào Nam tìm bà con nữa. Tuy nhiên, nhánh Nguyễn Tường này vẫn còn ở miền Nam ; chúng tôi cũng không bắt liên lạc.

Người con thứ hai của cụ Tường Vân là Tường Khuôn. Ông này là rể của Tướng Lê Công Chất hay Lê Chất (1) ở Phù Mỹ Bình-định. Ông cũng là cư sĩ, về sau chết tại Bình Định. Do lẽ đó, ở Bình Định cũng còn một nhánh họ Nguyễn Tường.

Người con thứ ba là Tường Phổ ; hai người thứ tư, thứ năm đều chết yểu, tôi không nhắc tới làm chi. Về ông Tường Phổ thì tôi cần nói rõ hơn các ông trên vì chính là ông cố của các ông Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long và chúng tôi.

Ông Tường Mai nhìn về phía bàn thờ chỉ cho chúng tôi xem bức hoành có bốn chữ viết bằng Hán tự, linh hoạt bay bướm : THỨ TRAI TIÊN SINH.

— Ông Nguyễn Tường Phổ đỗ Tiến sĩ (theo một người bạn của người viết thì ông khai khoa Tiến-sĩ tỉnh Quảng Nam, không biết có đúng không ?) có hiệu là Thứ Trai và liên-hệ với các ông Nhất Linh, Hoàng Đạo như sau :

(1) Lê Chất : 1826, huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định. Tướng Tây Sơn về theo Nguyễn Phúc Ánh. Đã từng làm Tổng trấn Bắc Thành.

NGUYỄN TƯỜNG VÂN (Binh bộ Thượng thơ)

↓

NGUYỄN TƯỜNG PHỔ (Tiến sĩ)

↓

NGUYỄN TƯỜNG TIẾP (Tri huyện Cẩm-giàng)

1	2	3	4
BÍNH (Huế)	TẬP (Hội-An)	ĐẠO (Cuồng sĩ)	NHU (hay Chiểu) (Cẩm-giàng Bắc-kỳ)

↓

THỤY, CẦM, TAM, LONG (hay Tư)
CỐ NĂM, LÂN (hay Vinh), BÁCH-

Nguyễn Tường Phổ là con bà thứ, tức là đệ nhị thứ phu nhân của ông Binh bộ Nguyễn Tường Vân. Bà họ Nguyễn Khoa, là một cự tộc ở Huế, nhiều người biết tên tuổi (và do đó, khi ông Nguyễn Khoa Tân làm Tổng đốc Quảng Nam, thường xuống thăm nhà thờ này luôn). Ông Nguyễn Tường Tiếp cũng có ba bà vợ.

● Bà lớn vẫn ở tại Cẩm Phô, Hội An và là mẹ của các ông Bính, Tập, Đạo do đó giòng Nguyễn Tường còn ở Huế và Cẩm Phô.

● Bà thứ nhì chỉ có con gái, không có con trai.

● Bà thứ ba, người Huế, gốc Quảng Nam, sinh ra ông Nhu (hay Chiếu), thân phụ của các ông Nguyễn Tường Tam, Tường Long.

oOo

— Tôi muốn hỏi thêm ông điều này cũng khá quan hệ. Không rõ lúc sinh thời, các cụ ta và các nhà văn nói trên có còn liên lạc mật thiết gì không ?

— Có chớ. Chúng tôi vẫn vào ra thường xuyên. Thời trước, núi sông ngăn cách, đi lại vô cùng bất tiện mà tôi thấy ông nội tôi (Nguyễn Tường Tập) vẫn ra tới tận ngoài ấy thăm viếng.

Khi Hoàng Đạo làm Tham tá Lục sự tại Tòa án Đà-nẵng thì ông vào ở đây với chúng tôi luôn. Trong các anh em chúng tôi, duy chỉ có tôi là tuổi suýt soát ông nên tuy là vai chú cháu (cha tôi và ông Hoàng Đạo là anh em chú bác ruột) mà chúng tôi rất thân mật nhau, vẫn ăn một mâm nằm một chiếu tại chính nơi này. Hoàng Đạo rất quen thuộc thành phố Hội An và chính ông đã cúng cho Văn miếu đây một tấm biển hiện nay vẫn còn.

— Ông muốn nói là Khổng miếu chúng tôi vừa đi qua.

— Không. Đó là Khổng miếu của tỉnh (1). Còn đây là Văn miếu của địa phương.

— Ông Hoàng Đạo lấy tư cách gì mà cúng tặng ?

— Thì chú tôi là dân Cẩm Phô, hộ tịch vẫn là Cẩm Phô mà.

— Chớ không phải Cẩm Giàng, Hải Dương à ?

— Không. Đó chỉ là trú quán. Chớ quí ông không biết là *ông Nhất Linh Nguyễn Tường Tam vẫn ăn Tiên-chỉ làng Cẩm Phô à !*

— Có sự lạ đó mà chúng tôi không ngờ. Ông Nhất Linh ăn Tiên chỉ ở làng này ?

— Thật ra, duyên do thế nào không biết vì chúng tôi không tranh dành gì việc đó. Nhưng vì ông Tam lấy hộ tịch Cẩm Phô nên phải có sự xếp đặt cho thích nghi. Nguyên bấy giờ có mộ vị nọ được thưởng Thị độc, Thị giảng Hàn lâm gì đó đòi làm Tiên chỉ. Hương chức Cẩm Phô mới không chịu. Việc đó

(1) Trước kia ở làng Thanh Chiêm, phủ Điện Bàn. Bị đốt cháy năm 1946 thời Kháng chiến. Sau mới đem về Hội An.

bàn qua, cãi lại rất lâu, không ngã ngũ ra sao cả. Sau phải đem lên quan. Tri-phủ Điện-bàn xét đơn xong, phán rằng :

— Ông kia là Thị-độc học-sĩ đối hàm, không có chi là quan trọng hết. Trong tỉnh này, phủ này có biết bao nhiêu người có địa vị đó. Còn ông Nguyễn Tường Tam đã qua tới bên Pháp, đậu Cử-nhơn, là một trong những nhân tài đầu tiên xuất dương du học của tỉnh ta, thì ông phải ăn Tiên chỉ là cố nhiên, là xứng đáng rồi. Bọn bay chỉ thưa kiện bậy bạ, không nghĩa lý chi hết.

— Đó cũng là một giai thoại lý thú.

— Tôi kể lại chỉ để xác nhận chú tôi vẫn là *dân Cẩm Phô*, Hội An. Còn ngoài Cẩm Giàng, chú tôi vẫn chỉ là dân ngụ cư. (1)

— Thế các bà nhà ta cũng vẫn có liên lạc thường xuyên với ông chớ ?

— Thì chính nhà thờ này là do chị tôi, bà Nguyễn Thị Nhị và bà Nguyễn Tường Tam hô hào xây cất lại. Nguyên trước kia, nhà thờ rộng rãi, nền nhà vẫn còn nguyên đó (ông Mai chỉ tay ra bên ngoài) nhưng trước còn lợp tranh vì ông tôi (Nguyễn Tường Tiếp, ông nội của Nhất Linh) tuy làm Tri phủ (sách vẫn hay đề là *Tri huyện* Cẩm Giàng) song nghèo lắm. Bà lớn ở lại Cẩm Phô. Các ông có thể tưởng tượng là một bà Phủ mà phải buôn từng mớ rau, mớ cải không ? Về sau, nhà thờ sửa lại khang trang hơn thì bị chiến tranh phá hoại, đổ nát cả. Bà Nguyễn Tường Tam và chị tôi kêu gọi bà con đóng góp chút ít để xây dựng lại. Chúng tôi lấy nơi đây để thờ bà cụ và ông Tam.

— Những con cháu khác vẫn thường về chơi chớ !

— Duy Lam, Nguyễn Tường Tâm... (2) cũng hay về. Tôi có gởi cho Duy Lam một bản gia-phả và chính các anh ở Đà-nẵng cũng giới thiệu với tôi là ông đã viết về gia đình chúng tôi trên Tạp chí Văn độ nọ. Bà N.Q.T., con gái chú Tường Lân, (còn có tên là Vinh tức nhà văn Thạch Lam) cũng thường về. Tết vừa rồi cũng có về cúng ở nhà thờ. Thạch Lam thuộc lớp nhỏ nên tôi ít quen bằng các ông Tam, Long (Long xưa kia cũng còn có tên là Tường Tư.)

Tôi nghĩ tới Thạch Lam, nhà văn chết yểu. Dưới ngòi bút ông nầy ra bao nhiêu màu sắc dịu dàng hiền hòa với *Nắng trong vườn*. Không biết ông có thể tưởng tượng cô con gái nhỏ ông nuôi bằng tinh hoa của *Cốm vòng*, của bánh chưng xanh nơi *Hà-nội băm sáu phố phường* bây giờ chuyên ngồi xe jeep và là phu nhân của vị Tướng Tư lệnh vùng I. *Gió*

---

(1) Trước 1932, chưa làm giấy khai sinh như ngày nay — Việc ăn Tiên chỉ này chỉ là theo lệ từng địa phương theo khoa (đỗ cao) hay hoạn (làm quan) và có thể Nguyễn Tường Tam không can thiệp vào việc này.

(2) Ông Tâm cho tôi biết là hiện những bà con họ Nguyễn Tường đang kêu gọi để xây dựng lại nhà thờ này làm nhà thờ chính cho dòng họ Nguyễn Tường phái Tường Phô.

đầu mùa ngày nay vẫn thổi qua hoa lá trong vườn vào ngày ngưng bắn, nhưng chưa xóa nhòa nổi những dấu vết loang lổ của chiến tranh hiện diện tại nơi đây.

Chủ nhân đon đả mời chúng tôi vào bàn thờ để thỏa mãn những ước vọng đầu xuân của đám người viết văn. Chúng tôi cũng vội vàng đứng lên. Khi màn bàn thờ mở rộng, tôi thấy một dãy ảnh sắp sẵn nơi cuối bàn, trên một cái bục cao, nhưng chưa thấy ảnh Nhất Linh ngay. Thói quen nhìn các tạp chí, các quyển sách, thấy ông hay đứng vào hàng đầu các văn gia, tôi cũng tìm ngay nơi đó. Nhưng tôi quên ông chỉ là một đứa con, đứa cháu trong gia đình này, địa vị ông khiêm tốn hơn nhiều lắm. Quả thế, cuối góc bên mặt, hơi khuất sau một tấm gỗ, ảnh ông to bằng tấm giấy vở học trò hiện ra ở đó cạnh một cái ảnh nhỏ của «bà cụ», tức là thân mẫu ông. Như thế, tức bà là vợ ông Nguyễn Tường Nhu, làm tham phán ở Lào, mất vào năm 1918. Bà mặc áo nhà tu, trông vẻ đạo cốt từ bi, trước kia, bà cũng di cư vào Nam, ở tại một chùa nơi Thị Nghè (Sài-gòn) và có lẽ cũng mới mất gần đây. Không thấy ảnh Hoàng Đạo, chỉ có ảnh Nhất Linh. Đây là một cái ảnh hình như tôi đã có dịp thấy rồi, Nhất Linh trông nghiêng, dáng vẻ oai nghiêm, khẳng khái nhưng cũng nhuốm một mối buồn khó tả. Ông như đang, từ chỗ bị che khuất, lặng lẽ nhìn hết những bà con và có lẽ nhìn cả giang sơn mà ông đã từng có lúc đem cả giòng máu của con tim nhiệt huyết hiến dâng, nhưng ông không được đáp ứng như lòng mong muốn và ông đã tự tìm cái chết khẳng khái *như một người Quảng Nam*. Thật ra, từ trước tới nay, tôi vẫn thấy ông và Hoàng Đạo là những người *lai*, mang trong người vừa khí huyết Quảng Nam, quê cha đất tổ, vừa khí huyết đất Hải Dương đẹp đẽ, thuần thục xa xôi. Văn chương của ông và của Hoàng Đạo, tôi vẫn thấy còn nhuốm rất nhiều sắc thái tỉnh nhà. Khi tôi đọc Đoạn Tuyệt, và sau này mỗi khi tôi nghĩ tới cô Loan tôi vẫn mỉm cười nghĩ tới câu tục ngữ « Quảng Nam hay cãi ». Loan *hay cãi* như biết bao cô gái Quảng Nam khác mà chắc đâu cô đã từng gặp mặt. Cả tư tưởng Duy Tân của ông và Hoàng Đạo, cả lối chống đối Nho giáo, quan trường, thực dân, cả lối trào phúng của Hoàng Đạo... tôi thấy các ông đều chưa thoát cái vòng quĩ đạo của chính gia đình các ông và *bổn xứ* luôn luôn quật cường và thích theo mới của các ông; chỉ tiếc các ông đến hơi chậm (1), có thể nói là quá chậm so với tư tưởng và hành động của nhóm Phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh lãnh đạo. Nhưng cái chết của Ông và của cả Hoàng Đạo đều thật đẹp. Tôi đã có lần viết quyển Hương Máu, mô tả những cái chết cao đẹp và kỳ lạ của những người Quảng Nam (2) và tôi tiếc không

(1) Xin xem số Tưởng niệm Hoàng Đạo 1968, trong đó tôi có bài nói về nhóm Tự Lực Văn Đoàn khi so sánh với Phong trào Duy Tân.

(2) Hương máu, Trường Sơn — xb 1969

được mời ông vào ngồi chung với những tiền bối chúng ta vì tôi vẫn yên trí phải dành ông cho Miền Bắc. Nhưng ông đã chết (tuy hơi tiêu cực) như một người Quảng Nam, một Hoàng Diệu, một Ông Ích Khiêm, một Trần Quí Cáp, một Nguyễn Duy Hiệu, một Châu Thượng Văn (1) v.v... Chỉ ở nơi có những người dám chết cao đẹp mới có nền văn hóa cao đẹp và cũng từ đó tạo nên một đất nước cao đẹp hùng cường. Tôi nhìn ông, tôi tự hỏi phải chăng sự hiện diện của ông tại đây là theo cái lẽ « Lá rụng về cội » hay « Cuộc trở về của đứa con đi rong ». Đời ông, bao nhiêu sóng gió. Bây giờ về đây, tìm sự yên tĩnh của tâm hồn bên bóng mẹ từ bi, tôi không biết ông thật sự yên tĩnh chưa...

Để kết thúc việc chiêm bái các nhân vật quá cố, ông Nguyễn Tường Mai nói :

— Vì mến cái cảm tình quí ông đối với chúng tôi nên tôi cũng giới thiệu luôn hai cái thần chủ đặt giữa bàn thờ. Cái thần chủ đỏ là của cụ Tiến sĩ (Nguyễn Tường Phổ) và cái đen là của mẹ ông Tiến sĩ, tức Nhuận trạch hầu thứ phu nhân. (dòng Nguyễn Khoa, vợ Thượng thơ Nguyễn Tường Vân).

oOo

Nhân cuộc thăm viếng quá gấp rút này, chúng tôi chưa có cơ hội đi sâu vào những vấn đề tình cảm, riêng tư của các nhân vật trong gia đình.

Chúng tôi chỉ có cơ hội ngắn ngủi trao đổi mấy mẩu chuyện về phương diện tính tình, văn chương... của các bậc tiền nhân trên. Phần này, trước kia tôi có đăng trong số Văn Tưởng niệm Hoàng Đạo 1968, nay xin bổ túc.

— * Nguyễn Tường Phổ là một nhà thơ. Hiện nay ông còn lưu lại tập *Thứ trai thi tập* và ông Tường Mai đang thu lại cho đầy đủ để tiến hành việc dịch thuật. Đó là phần chữ Hán, còn phần quốc ngữ chỉ còn năm sáu bài. Tôi tiếc là chưa được đọc bản chữ Hán và xin chờ cơ hội sẽ cống hiến độc giả. Tôi có được đọc mấy bài Nôm của ông Tường Phổ và tuy hết sức ít oi, gọn gàng, song tôi chắc ai đọc qua cũng thấy ngay từ thi ca đến con người (mà thi ca của ông phản ảnh rõ con người, tư tưởng, hành động) của ông.

Thứ nhất là một bài thơ trào phúng mà ông có vẻ rất rành về loại này. Bài thơ được sáng tác ngay sau khi làm xong bổn phận một thiện nam ở một ngôi chùa nào đó và chắc chắn là vào ngày đầu xuân. Ta có thể tạm đặt cái đề *Ngày Xuân ngẫu hứng :*

Ra chùa uống rượu, ăn thịt vịt,
Bẻ mai không có, ngồi gốc mít,
Ngó quanh, ngó quất không thấy ai
Địt.

Bài thơ yết hậu và là loại thơ yết hậu khá linh hoạt. Điểm đặc biệt không ai không để ý là cái tính ngông

(1) Cũng người Hội An như Ô. Nguyễn Tường Tam, tuyệt thực và chết luôn trong vụ án Phong Trào Duy Tân.

nghênh khinh bạc của tác giả khi vào chùa chỉ cốt... uống rượu, ăn thịt vịt; nó cũng tố cáo tính kém tín ngưỡng của ông và cả sự tổ chức bê bối của nhà chùa lúc bấy giờ. Rồi đến phần tố cáo cái thú khoái của một vị tiến sĩ giáo thọ (giáo chức, xem việc học trong một phủ hay huyện) không dám đánh trò *trung tiện* trước mặt ai mà phải ngó quanh, ngó quất... cho đến khi biết chắc chỉ còn mình đối diện với mình mới dám dở thú khoái ấy ra. Thật là một cái thú chưa hề thấy có nhà văn nào thành thật thổ lộ và thổ lộ chỉ bằng một tử-ngữ (thơ yết hậu) như có kèm theo cả... âm thanh !

Về bài thơ đó, ông Trường Mai còn cho biết một chi tiết lý thú : nguyên câu thơ thứ ba là Đông, Tây không thấy ai, sợ Tây (người Pháp) để ý nên phải đổi lại như trên. Sự kiện ấy cho chúng ta biết chắc bài thơ này trước kia được nhiều vị thích ngâm nga lắm.

Tinh thần hài hước của vị tiến sĩ *Giáo thọ* còn được chứng minh bằng chuyện câu đối sau đây. Ngày kia, có một ông Hàn-lâm gọi là *Nghè* Mực tới chơi. *Nghè* Mực ra câu đối cho *Giáo* Phồ :

C... nhọn như mũi *giáo*.

Tiến sĩ Phồ không ngần ngại, ăn miếng trả miếng chỉnh tề :

L... láng tợ giấy *nghè* (1).

Nguyễn Tường Phồ có tinh thần chống đối với nhà vua và quan lại tham nhũng rất mạnh, mạnh không hơn thì nhất định không thua các con cháu ông sau này. Theo ông Tường Mai thì sở dĩ ông Nguyễn Tường Phồ bị cất chức là vì lúc làm quan ở Bình Định, nhà vua ra lệnh mộ dân đi đánh giặc Miên (Căm-bu-chia), nhân dân hết sức khốn khổ, lo sợ. Ông có phản ứng mãnh liệt cho là việc đó không nên làm. Mình ở nước mình, họ ở nước họ, ai có phần người ấy, việc gì làm khổ người, khổ ta. Ông dâng sớ xin vua thu hồi sắc chỉ ấy lại và hậu quả là ông bị cất chức.

Nhưng theo ông Cử Hồ Ngận thì sở dĩ ông Phồ rút lui khỏi hoạn trường còn vì lẽ :

« Khi ông Nguyễn Tường Phồ làm Tri phủ Tuy Phước (Bình Định) về thời Thiệu Trị, nhân trong phủ hạt bị hạn và bị dịch, ông bẩm tỉnh xin tâu về vua và tư bổ chẩn cấp.

Nhưng quan tỉnh ấy sợ tâu những tai biến ấy vua buồn và không khỏi bị bộ quở nên nín thinh. Ông tức giận làm bài thơ dán trước cửa phủ rồi cáo quan về :

Báo tai (tai ương) e bộ quở,
Tâu dịch sợ vua rầu.
Giống quan như thế ấy,
Chở biết mấy ghe bầu. (2)

Ghe bầu là loại ghe chuyên chở lớn thời đó, có thể vượt biển vào

(1) Giấy đã được những khối đá hay gỗ tròn lăn qua cho láng gọi là *nghè*, tiếng thông dụng ngày xưa.

(1) Hồ Ngận : Quảng Nam xưa và nay, trg 263 — chưa xb.

Nam ra Bắc mà chở biết mấy ghe bầu thì đủ rõ tinh thần quan lại ra sao. Bài thơ này có thể gọi là giai tác về loại chống phong kiến của sĩ phu ta dù nó chỉ vỏn vẹn trong mấy câu.

Tôi không rõ cả hai thuyết trên về sự ra khỏi quan trường của Nguyễn Tường Phổ thì thuyết nào đúng. Nhưng dù sao, chắc chắn ông cũng đã là tác giả bài thơ trên. Và tôi tin chắc những ai đã hay đọc Nhất Linh, Hoàng Đạo đều phải nhận thấy không phải những nhà văn lãnh tụ Tự Lực Văn Đoàn không chịu ảnh hưởng sâu xa của giòng họ mình. Kể cả Nguyễn Tường Tam khi rút (hay giả vờ) lui khỏi chính giới lên suối Đa Mê «tu tiên» thì chưa chắc ông đã thoát khỏi tinh thần kỳ dị này của Tiến sĩ Nguyễn Tường Phổ. Ông Phổ, lúc về nhà, cũng thường sống một cách thanh thản bên hoa, rượu và hay cầu cơ để nói chuyện với tiên. Ông và bà *Hà Tiên Cô* có nhiều cơ duyên với nhau cho đến độ thời trước, các cụ cho là hai người đã « dan díu », đã « trai gái » với nhau dù một người tiên, một kẻ tục và cách nhau những mấy nghìn tuổi. Tình yêu ấy không rõ đã chấm dứt ra sao.

Gia đình ông là một trong những gia đình lừng lẫy thời trước. Sự kiện hai anh em ông cùng đỗ đạt, kẻ Phó bảng (Tường Vĩnh) người Tiến-sĩ (Tường Phổ) còn lưu lại dấu tích trong bài phú của Tiến sĩ Trần Đình Phong (thân phụ Bác sĩ Trần Đình Nam) thuở ấy làm Đốc học ở Quảng Nam, trong câu :

. . . .

Hoặc nhất gia nhi tiên hậu khoa kế đăng.

. . . .

Dịch : Hoặc bà con một nhà, tấn sĩ, phó bảng tiếp nhau đỗ (1).

Câu thứ 15 trong «Quảng Nam tỉnh phú. »

oOo

— * Nguyễn Tường Tiếp, con của Nguyễn Tường Phổ ra làm Tri huyện ở Cẩm Giàng (thường gọi là ông huyện hay ông phủ Cẩm Giàng) thuộc Hải Dương Bắc-Kỳ rồi lưu cư luôn tại huyện đó. Không rõ vì lý do gì. Gia đình này có lẽ là một loại gia đình có máu phiêu lưu (hiện nay, trên toàn quốc, nơi nào cũng có họ Nguyễn Tường rồi chăng ?)

Văn chương Nguyễn Tường Tiếp đến nay không còn lưu truyền ở Quảng Nam. Riêng ở nhà thờ, cụ Phạm Phú Thứ, Đông Bàn, còn hai câu đối. Chính tôi đã được thấy tận mắt và nhà thơ Hoài Mai hay Trúc Chi (Phạm Phú Thông) đã chỉ cho tôi xem. Tôi để ý đây là một trong số những câu đối được gia đình Phạm Phú rất quí trọng. Vì trong tộc to họ lớn này đâu có thiếu những câu đối của hàng công khanh, kể cả những kỷ niệm của Tự Đức, thế mà đôi câu đối của một viên Tri huyện vẫn chiếm địa vị tôn quí thì

(1) Quảng Nam thuộc loại đất mới thì Đại khoa chỉ mới có vào thời sau khi Gia Long thu hồi chủ quyền cho Triều Nguyễn nên bấy giờ mới có các Tiến sĩ, Phó bảng.

sự hiện diện đó ắt có một ý nghĩa. Duyên do có đôi câu đối ấy, ông Phạm Phú Hưu cháu Phạm Phú Thứ và ông Di Lão (tức ông Cử Hồ Ngận) có kể lại trong *Cổ học tinh hoa văn tập*, 1962, Quảng Nam, như sau :

...«Sau biến cố 1873 (cụ Nguyễn Tri Phương tuẫn tiết. Vùng Hải Dương, Hải Phòng còn mang nặng vết đau thương : thành quách tiêu sơ nhơn dân ly tán. Tất cả phải làm lại Thì vừa đê Vân-giang bị vỡ, tạo thêm ra cái cảnh đói rét lầm than. Đảo cát bà thì ăn cướp làm sào huyệt phá lương dân, vùng Đông-tài, Nam-sách thì giặc Lý Dương Tài quấy nhiễu. Cụ Phạm (Phú Thứ) lo ninh thiếp từ ngoại giao đến nội trị. Sau một thời gian ngắn, không những rắc rối trên đã dẹp yên mà còn mở thêm được ở Nam-Sách một cái nhàn điền rộng hai vạn một ngàn tám trăm mẫu.

«Cảm cái thành quả tốt đẹp này của cụ Phạm đã biến chuyển tai ương ra hạnh phúc, đổi đói khó ra ấm no cho dân hai tỉnh Quảng An và Hải Dương, cụ Nguyễn Tường Tiếp (ông nội nhà văn Nhất Linh) người Cẩm Phô, Hội-An, lúc bấy giờ cũng làm quan ở ngoài Bắc, có tặng cụ Phạm đôi câu đối như sau, hiện còn thờ ở nhà thờ Trúc Đường :

«Huệ chánh kỳ huân, Lục đầu giang đông hạ thiên vạn lý.

«Hùng văn lại bút, Ngũ hành sơn nam trung đệ nhất phong».

Bồ Nam dịch :

« Ân huệ hy kỳ, nghìn muôn dặm lúa xanh liêu đông Lục-đầu thủy.

« Văn chương hùng hậu, một hòn non cao ngất phía Nam Ngũ-hành sơn. »

Dịch văn xuôi :

- Nhờ chánh tích hay, từ sông Lục đầu trở xuống ruộng đất mở mang hơn ngàn vạn dặm.

- Học rộng văn hùng, ví như đỉnh núi cao chót vót trong Ngũ hành sơn.

Đọc qua hai câu đối ấy, tôi chắc ai cũng đã thấy khái quát văn tài của Nguyễn Tường Tiếp ra sao. Ông khen Phạm Phú Thứ « hùng văn lại bút », nhưng chính văn của ông cũng thật là thứ « lại bút hùng văn ». Công nghiệp Duy Tân lớn lao của Phạm Phú Thứ, tôi mong sẽ có cơ hội trình bày. Tuy nhiên, đối riêng với tỉnh Hải Dương, tỉnh của Nguyễn Tường Tiếp, Tường Tam, Tường Long thì tôi có thể nói tinh thần Duy Tân ấy đã thực hiện một cách hết sức cụ thể và to lớn như lịch sử ta từ trước (1) chưa mấy ai làm nổi để đánh thức cả sĩ phu miền Bắc choàng thức giấc mộng « văn chương tám vế say câu mơ màng » mà hùng dũng đứng lên Duy Tân đất nước. Ấy là ông đã dâng sớ xin vua cho phép được ấn hành lần đầu tiên ở Việt Nam luôn một lúc những năm bộ sách rất lạ, rất mới của một nhà nho đã từng vượt trùng dương sang nghiên cứu xã hội, văn minh

(1) Cả thời Phong trào Duy Tân 1905-1908 sau này (bao gồm Đông kinh Nghĩa thục cũng chưa làm nổi) và cho tới nay, sách dạy đi biển, khai mỏ thật ra đã có chưa ? Còn cả Vạn quốc công pháp, Đại học Luật khoa chắc đã ấn hành ?

khoa học Tây phương. Quốc triều Chánh biên toát yếu còn ghi lại :

«Năm Kỷ Mão thứ XXXII (1879) tháng 3 nhuận (...) Ngài (Tự Đức) lại nghĩ các sách Tây như sách *Bác vật tân biên* nói thiên văn, địa khí có quan hệ với phép làm lịch ; cùng các sách *Vạn quốc công pháp, Hàng hải kim châm, Khai môi yếu pháp* đều là học thiết thời vụ, khiến quan tỉnh Hải-Dương in cho nhiều mà bán, để quan lại và học trò học tập cho biết mà dùng (Đến năm thứ 34. tháng 7 nhuận, lại khiến tỉnh Hải Dương khắc in bốn bộ sách ấy ban cấp cho các trường học trong ngoài» (1).

Các sách này đã làm dư luận sôi nổi, rúng động một thời. Người ta hay nói tới các sớ của Nguyễn Trường Tộ (lý thuyết) mà quên bao nhiêu công trình duy tân *thực hành* khác rất quan trọng của Phạm Phú Thứ. Miền Bắc ý thức duy tân, phần quan trọng là nhờ các sách ấy.

Nhưng ở đây chưa phải lúc trình bày công nghiệp của Phạm tiên sinh; tôi chỉ muốn nói tới mối giao tình giữa hai họ Phạm và Nguyễn Trường. Tôi cũng muốn nói tới ảnh hưởng sâu đậm của họ Phạm đối với gia đình họ Nguyễn Tường.

Quyển *Bát vật tân biên* là quyển sách dạy các môn khoa học đầu tiên ở nước ta và sau này phong trào Duy Tân Quảng Nam của Phan Châu Trinh còn dùng như sách căn bản để hiểu khoa học Thái Tây. Cả bộ sách ấy (có tựa của Phạm Phú Thứ) tất nhiên phải có trong tủ sách họ Nguyễn Tường. Anh em ông Tường Tam, Tường Long thường vẫn phủ nhận dĩ vãng. Nhưng dĩ vãng của ký ức, tiềm thức, mấy ai phủ nhận được. Vả chăng sau này, khi ông làm chính sự thì ông lại ý thức rõ hơn ai hết về tiềm lực của *bổn xứ* của ông. Các đồng chí ông và cả con cháu ông cũng đều đã nhận thức điều này chăng ? Nhưng đó lại thuộc về địa hạt chính trị và là địa hạt tôi không hề dự biết.

oOo

Trong bài «Vài nét về giòng họ Nguyễn Tường» trong Văn (sđd) tôi đã có đoạn kết-luận mà nay tôi vẫn mượn lại để tạm kết-luận cho câu chuyện đầu Xuân. Viết về anh em Nguyễn Tường tôi chỉ «ước mong có dịp công bố cũng như được xem công bố những tài liệu hoặc giai thoại của dòng giõi cũng như của các nhà văn *Nguyễn Tường* để một nhà phê bình đứng đắn nào đó có thể dùng một cách hữu ích và linh hoạt cho một cuốn phê bình nghiêm chỉnh về các nhà văn xem như *linh hồn Tự Lực Văn Đoàn* và các tạp chí *Phong Hóa, Ngày Nay* của VĂN HỌC VIỆT-NAM TIỀN CHIẾN»

NGUYỄN VĂN XUÂN.

---

(1) Sự kiện hết sức quan hệ tới giáo dục và văn hóa như thế mà ít khi nghe nhắc tới, đủ biết nền biên khảo của ta thật sơ sài. Xin nhắc lại là sách đã *tái bản* cả bốn bộ !

● VÕ PHIẾN

GIỌNG HUẾ

Trong cuốn *Đặc khảo về dân nhạc ở Việt Nam* vừa xuất bản, nhạc sĩ Phạm Duy có nêu lên một số đặc điểm địa phương. Chẳng hạn miền Trung có nhiều điệu *hò* nhất, trong khi miền Nam nhiều điệu *lý* nhất ; *hò giã gạo* miền Quảng trị Thừa thiên có những bài hay nhất nước, trong khi *vè* miền Nghệ an Hà tĩnh lại có giá trị nhất nước; các điệu hò ở miền Tiền giang thì ngắn và giản dị, còn hò ở Hậu giang dài hơn và nhiều tính chất nghệ thuật hơn ; các điệu *hầu văn* ở miền Trung phong phú hơn mà cũng phức tạp hơn các điệu *chầu văn* ngoài miền Bắc v.v...

Những nhận xét ấy thật lý thú. Chính vì thích thú, người đọc không khỏi suy nghĩ thêm : Chỗ này hò ngắn chỗ kia hò dài và hay hơn, tại sao vậy ?

Cái « tại sao » ấy, nhạc sĩ không đề cập đến. Ít ra là chưa đề cập đến lần này, trong tác phẩm này. Ở đây chỉ trình bày sự trạng, đưa ra các đặc điểm, mà không có chuyện giải thích lý do. Trừ một trường hợp về *ca Huế*.

Thật vậy, đối với ca Huế, nhạc sĩ có một nhận xét : « nhịp điệu của ca Huế rất bình thản » ; nhạc sĩ lại có gần như một sự giải thích : « giống như nhịp sống của người dân Thuận hóa » (1). Như vậy có thể hiểu rằng ca Huế phản ảnh nhịp sống của xứ Huế, cho nên nó bình thản.

oOo

Về nhạc ngữ, Phạm Duy cho biết người Thái ở thượng du Bắc Việt dùng ngũ cung « do ré fa sol la », người Katu vùng Quảng trị — Thừa thiên dùng ngũ cung «ré fa sol la do», người Jarai ở Cao nguyên Trung Việt dùng ngũ cung có bán cung « do mi fa sol si », người Chàm dùng hai hệ thống ngũ cung v.v...

Tại sao có những khác biệt ấy ? và có một liên hệ nào chăng giữa các hệ thống ngũ cung ấy ? Nhạc sĩ không nói đến chuyện đó, trừ một trường hợp về nhạc ngữ dân ca miền Thừa thiên — Quảng trị.

Từ Bắc vào Nam, người Việt Trung du sử dụng ba hệ thống ngũ cung khác nhau. Dân ca miền Bắc, giai điệu nằm trong hệ thống ngũ cung *đúng* : do ré fa sol la ; dân ca miền Nam, trong hệ thống ngũ cung *oán* : do mi fa sol la ; còn dân ca Thừa thiên Quảng trị thì thuộc hệ thống ngũ cung *ai* : do, ré non, fa già, sol, la non.

Vì người Chàm cũng dùng ngũ cung *oán* như người Việt miền Nam, Phạm Duy giải thích rằng « có thể trong dĩ vãng, người Việt ở miền Bắc, vốn quen dùng ngũ cung đúng (...), khi Nam tiến đã bị nhạc Chàm với ngũ cung *oán* (...) quyến rũ, rồi sáng tạo ra ngũ cung *ai* (...) chăng ? » (2)

---

(1) Sách đã dẫn, trang 141.

(2) Sđd, trang 37.

Như vậy cái ngũ cung *ai* (cũng gọi là ngũ cung lớ lớ, là nơi Nam giọng *ai*) của Thừa thiên Quảng trị là một sáng tạo, một sự mới lạ trong dân nhạc Việt nam.

oOo

Cái mới này quả thật lạ, đáng suy ngẫm lắm.

Có nhiều người Bắc và Nam thường lẫn lộn người Huế với người Trung, tiếng Huế với tiếng Trung, giọng Huế với giọng Trung v.v... Nói đến ông Ngô Đình Nhu, họ bảo: «Người Trung thâm thật!», nghe đồng bào Huế xuống đường, họ phê bình: «Dân ngoài Trung bao giờ cũng hăng say cách mạng.» v.v...

Huế quả nhiên ở miền Trung nhưng không hề tiêu biểu cho miền Trung, từ giọng nói cho đến tính tình, sinh hoạt. Vả lại, không có hẳn một vùng nào có thể bảo là tiêu biểu cho cả cái miền Trung dài dằng dặc và chia cách bởi nhiều đèo nhiều ải ấy. Hoặc Nghệ Tĩnh Bình, hoặc Nam Ngãi, hoặc Bình Phú v.v..., mỗi vùng có nét đặt thù riêng, mà không có cái gì đại diện chung cho miền Trung cả.

Cái chung đó, vùng Trị Thiên (Quảng trị — Thừa thiên) càng không có. Thì cứ xem ngay vấn đề dân nhạc: Trị Thiên tách riêng, như một vùng biệt lập đối với cả nước.

Thật vậy, ngũ cung *đúng* tuy bảo rằng của miền Bắc, nhưng không hẳn là chỉ giới hạn ở Bắc Việt: *hát dặm* ở Nghệ Tịnh, *hò nhân nghĩa* ở Quảng bình cũng dùng ngũ cung đúng. Thế rồi ngũ cung *oán* tuy bảo rằng của miền Nam nhưng cũng không hẳn là giới hạn ở Nam Việt: ngay từ Quảng nam Quảng ngãi, các điệu hát điệu hò đã sử dụng hơi Nam giọng *oán*.

Thành thử ngoài Quảng trị một chút là thuộc về miền Bắc, trong Thừa thiên một tí là đã thuộc về miền Nam: chỉ riêng một khoảnh đất nhỏ dân nghèo là khoảnh Trị Thiên nọ mang một nét cá biệt (giọng *ai*).

Nhìn vào bản đồ toàn quốc, người ta sững sờ trước sự nhỏ bé của vùng địa bàn giọng *ai*. Một khoảnh tí teo như thế mà, về mặt nhạc ngữ, bỗng dưng tự tách lìa ra; không bị hai khối lớn át giọng đi, không chịu hòa đồng với khối lớn này, cũng không chịu xóa nhòa trong khối lớn kia; trải mấy trăm năm không bị thu hút về bên nào, trái lại còn làm phát triển một nền dân nhạc riêng rất phong phú. Kỳ cục chưa!

Người ta tự hỏi: vùng ấy có gì khác lạ mà lìa biệt ra vậy nhỉ?

oOo

Có gì khác lạ? Theo Phạm Duy, có cái bình thản. Theo Phan Nhật Nam, có cái thê lương, não nùng.

Hò ô là một điệu «hò làm việc», nhưng Phạm Duy đã nhận thấy ở miền Trị Thiên nó «lại rất chậm rãi, thảnh thơi» (1), «nét nhạc rất rộng rãi»; «với hai câu lục bát ngắn ngủi, người hò ô đã hát rất dài, rất chậm,

(1) Sđd, trang 69.

dùng rất nhiều tiếng đệm » (1).

Hò làm việc còn thế, huống hồ là ngâm thơ, là ru con, là hát ân tình hay ca nhạc phòng v.v... Thôi thì tha hồ « bình thản, thảnh thơi, chậm rải ! »

Giọng hát vốn từ giọng nói mà ra. Có lần nói chuyện với Phạm Duy, được nhạc sĩ cho biết giọng Huế có âm vực cạn hẹp nhất nước : những thanh cao (với dấu sắc) được hạ thấp xuống, còn những thanh thấp (với dấu huyền, dấu nặng) lại được nâng cao lên. Như vậy trong giọng nói của Trị Thiên, tiếng trầm tiếng bổng không quá cách biệt. Tất cả đều bằng bằng với nhau ; nói cách khác : lại bình thản !

Phải chăng vì vậy mà giọng Huế nghe dịu dàng, êm ái, nghe ngọt xớt ? Nhưng phải chăng chính vì vậy mà giọng Huế không thể hùng hồn, thiếu nam tính ? Phát âm mà san bằng các dấu giọng thì không thể «gồ ghề», kém oai phong...

Nhưng đó là các sở đoản của giọng Huế, Phạm Duy không tiện nói về những cái đó đâu. Ông là khách, ông chỉ tiện nói về cái hay của nó mà thôi.

oOo

Muốn nghe trình bày về một khía cạnh khác của giọng Huế, hãy nghe một người địa phương.

Phan Nhật Nam là nhà văn ở Trị Thiên, đã về thăm Trị Thiên trong «mùa hè đỏ lửa», đã nhìn tận mắt những thảm cảnh trên vùng đất quê hương: một bộ xương trẻ con trong chiếc thau nhựa bạc màu phơi giữa nắng mưa; một người đàn bà tấm tức bên quận đường Hải lăng đưa bàn tay tước từng miếng thịt, xoa trên chiếc đầu lâu của người chồng xấu số ; một chiếc xe ủi đất giữa trời nắng chang chang xúc lạo sạo những đống xương người trên đại lộ kinh hoàng v.v...

Nhà văn ôn lại những tai ương đã xảy đến cho dân chúng Trị Thiên : vụ thất thủ kinh thành thời vua Hàm Nghi, vụ Mậu Thân với những màn chôn sống gần đây, vụ mùa hè 1972 với đại lộ kinh hoàng. . Hơn nữa, theo Phan Nhật Nam, ở cả ba mặt trận lớn của năm 72, nạn nhân đa số đều là dân Trị Thiên: ở Kontum thì dân dinh điền, ở An lộc thì là dân cạo mủ cao-su cũng gốc Trị Thiên. Thậm chí tại chiến trường Bình giả năm nào, « số lớn nạn nhân cũng không ai ngoài những người dân vừa mới di cư từ Cam lộ, Khe sanh vào»...(2)

Vì đâu mà tai ương dồn xuống trên đầu người dân Trị Thiên ?

—Vì giọng Huế. Nhà văn bảo thế.

« Trên xe ra phi trường nghe câu chuyện của hai vợ chồng già quá giang ở băng sau tôi chợt khám phá ra một điều : Dân chúng Thừa thiên Quảng trị đã sửa soạn đón chờ tàn khốc qua tiếng nói. Họ không nói nhưng than vãn, kể lể, rên xiết. Nỗi oan khiên vô hình chập chùng trên mỗi âm, mỗi chữ, cách lên xuống của từng câu (2) ...«tai

(1) Sđd, trang 70.

(2) Phan Nhật Nam-*Mùa hè đỏ lửa*, trang 186, 187.

ương đã hiển hiện lên giọng nói, bất hạnh đã đặt mầm ở tiếng khóc «kè» bi ai hờn oán... (1)

Nói đã vậy, hò còn «trệ» hơn :

«Bất hạnh cũng đã có «điềm» ở giọng hò thê thiết đến rợn da khi những con thuyền chập chùng trong bóng tối lướt thướt trên sóng qua Bảng lảng, Ngô xá. La vân, La chữ, Vân trình. A...ơ... chỉ hai tiếng nhỏ con thuyền đi hết khúc sông mà âm thanh còn lộng gió...» (1) «Ai đã đứng ở bờ sông Bồ (chảy qua An lỗ, sông Thu rơi (Mỹ chánh), sông Hương nghe giọng hò cất lên từ những khoang đò khi chiều vào tối mới hiểu được vì sao có những quê hương cứ mãi mãi tàn tạ, oán hờn... Định mệnh đã xếp đặt thế». (2)

oOo

Điều «khám phá» của Phan Nhật Nam có thể đúng có thể không đúng. Dù sao, ít có nhà văn nào ở các nơi khác hay nước khác có những ý nghĩ... quá khích như vậy về giọng nói địa phương mình. Giọng Trị Thiên là một sự khác thường, ngay cả đối với người Trị Thiên!

Vả lại, ai tin ở định mệnh thì nghĩ đến tính cách tiền định của giọng Huế. Những kẻ khác có thể hiểu nhà văn muốn bảo rằng trong tiếng nói và giọng hò kia có chất chứa niềm sầu não khổ đau. Và cái đó thật không sao chối cãi được.

Khi họ làm việc, khi hát ân tình, khi hầu văn v.v... , người ta ở giữa chỗ đông đảo, đối diện với bạn bè. Nhưng đặc biệt là khi một mình với một mái chèo trên khúc sông rộng, một mình ôm đứa con thơ trong đêm khuya tịch mịch, bấy giờ người đàn bà Huế chỉ còn đối diện với lòng mình, triền miên với bầu tâm sự của mình, miệt mài với những cảm xúc của mình... Trong hai trường hợp này, điệu hò và điệu ru của xứ Huế nó kéo dài ra bất tận, nó lửng lơ, chùng chình, nó chất chứa vô vàn tình cảm nặng trĩu và u ẩn. Nó buồn thảm đến nhức nhối. (3)

Tóm lại, khi ấy nó không còn thảnh thơi và bình thản nữa. Nó cách xa cái thảnh thơi bình thản nhiều lắm lắm. Khi ấy người ta thấy giọng *ai* thê thiết hơn giọng *oán* không biết bao nhiêu lần. Bảo rằng nó hướng về cái chết thì không nên, nhưng sao sự sống lại có một khía cạnh não nùng đến thế nhỉ ? Và tại sao cái não nùng ấy dồn vào một khoảnh đất nhỏ, nơi mà cụ Trạng Trình đã chỉ cho ông Nguyễn Hoàng chọn dung thân ?

3-1973.
VÕ PHIẾN

---

(1) Sđd trang 145.

(2) Phan Nhật Nam — *Mùa hè đỏ lửa* trang 186-187.

(3) Võ Phiến. «Cá tính địa phương», tạp chí *Bách Khoa* số 208, ra ngày 1-9-1965.

Trát đòi nhân chứng

Đúng vậy, trên một tờ giấy lớn bằng cỡ nửa tờ pơ-luya mà anh nhận được, có in rõ, thật to, bốn chữ TRÁT ĐÒI NHÂN CHỨNG. Anh đọc suốt một hơi nội dung tờ trát ;

Bản chức Trần văn..., Dự thẩm Tòa Sơ thẩm... truyền lệnh cho các thừa phát lại và các nhân viên công lực được triệu dụng về việc này, đòi Dương Chí-Hiền, cư ngụ số 3 đường Phan bội Châu đúng vào ngày 20 tháng 9 năm 1972 lúc 8 giờ phải đến tại văn phòng của chúng tôi ở số 15 đường Đinh Tiên Hoàng để đích thân khai trình về những việc và những trường hợp sẽ cho biết sau. Cho người chứng hay rằng : nếu không đến hầu sẽ bị cưỡng bách bằng cách phạt tiền và hơn thế có thể bị câu thúc thân thể chiếu theo luật lệ...

Cứ theo lời lẽ này thì đây không phải là chuyện đùa. Lơ mơ là có thể bị tù như chơi. «*Câu thúc thân thể*» nói nôm na là «*ở tù*». Những mỹ từ Trung Hoa không phải chỉ dùng để làm thơ, thơ ngâm hoa vịnh nguyệt, thơ khẩu khí, thơ tự tình, thơ Đường luật như ông Quách Tấn.

Hiền hơi bàng hoàng khi tự nhiên mà Pháp luật chiếu cố đến mình. Vụ gì đây ? Như cái tên của anh đã nói rõ, anh không những ăn hiền ở lành mà anh còn là người hiền lành thái quá, hiền lành hết cỡ. Ấy vậy mà cuối cùng anh vẫn phải ra Tòa. Phiền thật.

Trước hôm ra tòa một hai ngày, Hiền loay hoay tìm trong óc xem có một nhà quen nào ở gần tòa án không để gửi xe. Đó là chuyện tối thiết. Đem xe vào sân tòa án thì không được rồi. Cảnh sát nó thổi còi bắt đem ra dựng ngoài bãi. Lỡ mất xe thì coi như phải đi bộ suốt đời. Lãnh lương tháng đem về, đề y nguyên chất đống trong hai năm cũng chưa đủ để mua nổi một chiếc Honda mới.

Anh nằm nhắm mắt hình dung những con đường Phan đình Phùng, Lý thường Kiệt và xa hơn một chút: Nguyễn công Trứ, Nguyễn bỉnh Khiêm. Như một nhân viên thuế vụ phụ trách đi phân phát thuế môn bài, anh điểm mặt từng nhà, coi thân chủ là ai, làm nghề gì. À, có tiệm La-ve của cô Hường, nhưng sợ giờ đó cô Hường đã đi làm. Có cây xăng của cô Phượng nhưng không chắc cô Phượng có mặt ở nhà. Số 1 Nguyễn công Trứ là nhà anh Sung nhưng hình như anh đi dạy học ở mãi Vạn-ninh từ đầu niên-khóa này. Mệt quá. Thôi, để rồi sáng ngày đó hãy hay, Túng quá thì đành liều gõ cửa vào những nhà mà người quen vắng mặt.

Sáng ngày hầu tòa, Hiền chịu khó mang giày cho đứng đắn. Để mấy chú Cảnh-sát nể nang một chút. Anh kêu dủ vợ con lại dặn chừng

— Nếu quá một giờ trưa mà không thấy tôi về thì mợ sai thằng Đạt chạy báo tin gấp cho anh Du,

nghị-viên Hội đồng Tỉnh. Nhà ảnh ở cái hẻm ngay trước mặt nhà hộ-sinh Hồng-Bàng. Tôi không nhớ số nhà. Vô đó hỏi thì người ta chỉ. Nếu không có ảnh thì gọi điện thoại cho anh Cao. Số điện thoại 20.034.

Vợ anh lo lắng :

— Bộ có chuyện gì nguy hiểm lắm hay sao ?

Anh lắc đầu :

— Là nói phòng xa vậy. Chớ không đến nỗi.

Xe chạy đến tòa. Quẹo qua đường Phan đình Phùng thì anh cho chạy chậm lại, mắt dáo dác nhìn sang hai mặt đường tìm một nhà quen, thì chợt :

— Kìa anh. Đi đâu đó ?

— Ủa anh, Làm gì đó ?

Làm gì thì trông qua khắc biết. Một cái máy đánh chữ đặt trên một cái bàn nhỏ trước hiên. Nhiều cái bàn máy đánh chữ như vậy ở trước nhiều cái hiên như vậy.

— Tôi đánh máy đơn từ cho người ta đó anh. Vô chơi.

Thế là yên cái vụ gởi xe.

— Xin lỗi anh cho tôi khóa trước khóa sau cái xe. Lỡ ..

— Ừ... ừ... Phải khóa cho kỹ chớ.

Hiền bước vào tòa, trình cái trát đòi cho một Thượng-sĩ Cảnh-sát ngồi ở cửa. Viên thượng-sĩ nheo mắt liếc qua rồi trịnh trọng ra lệnh.

— Ông ngồi đó đợi, Khi nào kêu tới tên thì vô.

«Đó» là một cái băng gỗ kê dọc theo mái hiên. Văn phòng còn trống chưa có nhân viên đến, cái băng cũng còn trống, chưa có ai ngồi. Chỉ lố nhố la liệt ở góc sân là những người đàn bà tay xách giỏ, tay ôm giỏ hoặc đứng hoặc ngồi ngổn ngang. Nét mặt người nào cũng có vẻ đăm chiêu, âu lo. Sau năm phút để ý lắng nghe câu chuyện trao đổi giữa họ, anh biết rằng đó là những người đi thăm nuôi thân nhân bị nằm ở nhà lao. Họ tới tòa để xin giấy phép. Cầm được giấy phép mới tới nhà lao. Mỗi tuần được đi thăm ba ngày : thứ hai, thứ tư, thứ sáu.Những cái giỏ chứa đựng thức ăn.

Các nhân viên lần lượt tới. Chức vụ lớn thì tới bằng ô tô, ô tô chạy thẳng, phanh đậu trước thềm. Rồi ô tô rối rít quay đầu, trở đuôi, đoạn phóng chạy ồn ào ra cổng, Chức vụ nhỏ thì tới bằng Honda.

Chiếc băng gỗ nơi Hiền ngồi, lần lượt có người ghé đít. Đó là những người hiện đến một cách lặng lẽ, gần như không xua động không khí. Từng chặp có một xe Dodge chở đến những người bị còng tay. Họ nhảy xuống xe một cách khó khăn bởi tay người này bị còng chung với tay người kia, và những cái tay đó như thường xuyên phải giơ lên cao. Người này gài lại khuy áo vuốt lại mái tóc thì tay người kia có kịp để giơ lên. Người kia đặt điếu thuốc lên môi rồi bật máy quẹt là tay người này càng có dịp để giơ lên hạ xuống rối rít.

Có tiếng gọi lớn từ văn phòng vang ra :

— Mai bá Ty.

Ông Thượng-sĩ lặp lại tiếng gọi :

— Mai bá Ty. Ai là Mai bá Ty. Vô mau.

Một người đàn ông nhỏ nhắn len lét bước vào. Bước vội vã hấp tấp, vấp vào bàn chân của người ngồi ở đầu băng, suýt ngã. Những người ngồi ở băng gỗ dừng hết mọi câu chuyện đang trao đổi. Giờ nghiêm trọng đang đến. Hiền thấy mình hồi hộp.

Để tự trấn an, anh đưa mắt nhìn sang cái bàn bán la-ve nước ngọt, nơi đó có mấy người đang ngồi nhấm nháp. Chị bán nước mập mạp, cánh tay hở trần nói chuyện tươi cười với người này, chuyển cái cười sang người khác, lúi húi chặt đá, vội vã mở nút chai. Rồi chị đứng chõi một chân, rồi chị nhẹ nhàng ngồi xuống, và dẫu có lúc không nói chuyện với ai hết chị cũng không quên tắt nụ cười. Thật là một người thỏa mãn sung sướng.

Nhìn quanh quất những đương-sự ngồi xung quanh mình, Hiền không thấy có một khuôn mặt nào quen hết. Nếu bị bắt làm nhân chứng thì ít nhất mình cũng phải có nhìn thấy một người nào đang làm một việc gì phi pháp. Đằng này mọi khuôn mặt đều lạ, chừng như đều mới thấy lần đầu.

Anh quay về một người trai trẻ, tóc tai lòa xòa, cổ tay bị còng, hỏi :

— Anh bị tòa gọi tới để hỏi cung ?

— Dạ. Chắc anh cùng vậy ?

— Tôi bị gọi làm nhân chứng. Nhưng tôi chẳng biết là vụ gì. Ngó quanh quất chẳng thấy ai quen hết. Hay là người ta kêu lầm ?

— Trát đòi anh về vụ số mấy?

— Hình như 360. Trát đề rõ tên tôi, địa chỉ ghi rõ là số 3 đường Phan bội Châu.

Người thanh niên «À» lên một tiếng vừa đập mạnh tay xuống đùi khiến anh thanh niên mặc sơ-mi sọc đỏ có cái tay bị còng chung la lên «Ái! Ái!»

— Vậy là em biết rồi. Anh là chủ căn nhà số 3 đường Phan bội Châu phải không ?

— Phải

— Vậy là anh cũng bị gọi cùng một vụ với em. Để em nói anh nghe. Có một «băng» ăn trộm cái xe của Ty Nông-vụ. Cảnh sát điều tra theo dõi nhiều ngày. Bao vây bắt. Nhưng bắt hụt. Có đứa nào đó khai tên Hùng. Em cũng tên Hùng. Cảnh sát đi kiếm bắt em. Em thiệt ra tên là Lưu văn Bảy tự Hùng. Đây rõ ràng có thẻ căn cước. Em đưa anh coi.

Cánh tay anh thanh niên lục lọi một cách khó khăn vào túi quần để tìm ví rồi mở ví rút thẻ căn cước. Và cánh tay của anh sơ-mi sọc đỏ lại có dịp kéo lui đẩy tới, đong đưa :

— Em bị bắt oan một tuần nay rồi. Ăn uống không vô, chỗ nằm chật chội, muỗi cắn như điên, em ăn ngủ không được, ốm nhom anh thấy không ?

Hiền gật đầu lấy lệ. Đâu đã thấy anh ta mập mạp như thế nào hồi tự do mà so sánh được với mức độ ốm o hiện tại.

— Cá nhái kho trắng chỡn, mặn chát và tanh chịu hết nổi. Một phòng hẹp giam có hơn trăm mạng. Có bữa phải ngủ ngồi. À, anh là chủ căn nhà số 3 đường Phan bội Châu đó phải không ?

Hồi nãy nhớ đã trả lời rồi, nhưng Hiền vẫn nhã nhặn:

— Phải.

— Thiệt số của em xui tận mạng. Khi không mang gông vào cổ.

Một chị cỡ ba mươi tuổi mặc áo dài lụa vàng tay nách con đứng gần đó, cất tiếng:

— Anh nói cái xe bị ăn cắp là của Ty Nông-vụ ?

— Dạ phải.

— Nói vậy thì *tui* cũng liên can tới cùng một vụ với anh. Cái xe đó còn tròng tréo nhiều chuyện ở trỏng nữa.

Chị đàn bà nói giọng Bắc nhưng lại cố ý pha thêm nhiều giọng Bình-định. Chắc là di cư về ở Bình-định— Bồng-sơn.

—... Cái xe đó nguyên là của vợ chồng *tui*. Đem cho thuê. Nhận tiền ngon lành đâu được mấy tháng. Kế mấy tháng sau bết bát. Mà người thuê là bạn quen của vợ chồng *tui* đó.

— Chị ở đâu? — một tiếng hỏi.

— *Tui* ở Qui-nhơn.

— Trát đòi ra thấu *ngoãi ?*

— Dạ *Tui* nhận trát đòi hôm kia. Hôm qua đi xe Mỹ-Quang vô đây.

— Trời ơi ! Phải bồng con nhỏ đi như vậy.

— Để *tui* nói hết đã. Mụ ta không trả tiền thuê xe nữa, lại năn nỉ mượn cái cạc-vẹc của *tui*. *Tui* nề chỗ quen lớn, đưa cho. Mụ đứng bán luôn cái xe. Sau này nghe rõ lại là mụ bán cho Ty Nông-mục, Nông-súc, Nông-lâm gì đó.

— Chị có thấy lại cái xe đó không ? Có đúng là cái xe cúa chị không.

— *Tui* mới vô tới đây hồi chiều hôm qua. Sáng nay ra toà.

Phấn khởi bởi cái không khí cởi mở giữa những người đồng cảnh ngộ, Hiền quay sang một người đàn ông, ngồi lâm li bên cạnh :

— Ông cũng được mời về vụ này?

Người đó không trả lời mà chỉ gật đầu.

Hiền phiêu lưu thêm một câu hỏi nữa:

— Ông có biết gì thêm nội vụ?

Câu trả lời miễn cưỡng :

— Thì mình biết gì khai nấy.

Vừa lúc đó có tiếng gọi :

— Dương Chí-Hiền.

Ông Thượng sĩ lặp lại :

— Dương Chí-Hiền. Mời vô.

Ông Lục sự mặt mũi nhơ nhã, sơ-mizét thẳng nếp, khiến anh yên tâm.

Sau khi lễ độ mời ngồi, ông lôi ra nhiều tờ giấy. Cây bút nguyên tử trên tay.

— Ông khai tên.

— Dạ, Dương Chí-Hiền.

— Nghề nghiệp.

— Bánh gạo.

— Căn nhà số 3 Phan bội Châu ông ở hay cho ai thuê ?

— Tôi cho ông Lê văn Quảng thuê một nửa.

Cho thuê từ bao lâu ?

Hiền lầm nhầm tính :

— Dạ, được năm tháng.

Cây bút nguyên tử ghi thật mau những lời khai.

— Ông có biết rõ tên người thuê là Lê văn Quảng ?

— Tôi không có coi thẻ căn cước của ông ta. Tôi biết tên Lê văn Quảng là do những bức thư gửi đến cho ông ta và gửi về địa chỉ tôi nhờ chuyển dùm.

— Tháng 8 ông ta vẫn còn thuê nhà ông ?

— Dạ, vẫn còn. Đến mồng 8 tháng 9 ồng mới trả lại nhà.

— Ông có biết Ngô đức Chơn ? không ?

— Không.

— Có biết Phùng Tường không ?

— Không.

— Có biết Nguyễn văn Minh không ?

— Không.

Trong khi ông lục-sự loay hoay viết, Hiền ngẫm nghĩ mà buồn cười cho mình. Cứ trả lời như một cái máy. Thực tế thì ngoài những cái tên lạ hoắc như Ngô đức Chơn, Phùng Tường mà chàng thực tình chưa hề nghe tới, còn thì Nguyễn văn Minh là một cái tên nghe quá quen thuộc, dễ thường mình đã nghe gọi đến 5-7 lần trong đời mình. Ấy vậy mà mình cũng trả lời gấp là «Không» cho được việc. Giá ông Lục-sự minh định thêm Nguyễn văn Minh thợ sửa đồng hồ, Nguyễn văn Minh Hạ-sĩ, Nguyễn văn Minh du đãng, Nguyễn văn Minh tuổi cỡ 18, Nguyễn văn Minh chột một con mắt v.v... thì có phải mình dễ trả lời không ? May mà mình có tò mò tìm biết rằng đây là một vụ ăn trộm xe nên mình an tâm rằng trong vòng giao thiệp quen biết xa gần với mình không có một Nguyễn văn Minh nào đủ đởm lược cỡ đó.

— Ông biết Lưu văn Bảy không ?

— Tôi biết trước đây mười lăm phút. Ở nơi cái băng gỗ ngồi chờ. Ông Lục-sự quay sang viên Cảnh-sát :

— Ra kêu Lưu văn Bảy vô.

Khi Lưu văn Bảy rón rén lại gần, ông Lục sự chỉ vào anh ta và hỏi Hiền:

— Đây có phải là Lê văn Quảng không ?

— Hoàn toàn không,

— Ông ký vào tờ cung. Ký chỗ này và chỗ này. Rồi ông ra ngồi ngoài đó đợi.

Gió lao xao lật xuôi lật ngược những lá của cây sao đứng cạnh bực thềm. Một con chim nhỏ không biết từ đâu lạc loài bay đến đậu trên thân cây hoa sứ ở gần bờ thành, hát ríu rít mấy tiếng rồi vỗ cánh bay đi.

Những người ngồi đợi nơi băng gỗ lần lượt đi vào phòng Lục-sự rồi trở ra ngồi lại nơi băng gỗ. Ông Lục-sự ôm một cặp giấy tờ nghiêm chỉnh đi vào phòng ông Dự-thẩm.

Mười một giờ bốn lăm. Những cô thư ký nghiến đế giày lách cách trên sân xi-măng đi lại chiếc Honda của họ. Xe rồ máy rồi xe chạy, chiếc này nối tiếp chiếc kia.

Một người thư-ký trẻ tuổi hiện ra giữa khung cửa :

— Bà con ai đã được hỏi cung sáng này, xin mời ba giờ chiều trở lại.

oOo

Buổi chiều vắng khách hơn buổi mai. Mặt trời dọi thẳng vào băng gỗ nên Hiền ra ngồi ở thềm giếng, gần cái bàn bán la-ve nước ngọt, nơi không khí cởi mở rộn ràng. Không có anh Lưu văn Bảy tự Hùng bị còng tay. Thiếu mất nhiều người buổi sáng. Người đàn bà áo vàng nách con tới. Hiền hỏi :

— Chị người Bắc ?

— Dạ.

— Sao pha tiếng Bình-định ?

Chị cười bẽn lẽn :

— Dạ tại lấy chồng Qui-nhơn.

Đợi các nhân viên lục tục tới. Đợi... không biết cái gì mà ông Lục-sự hồi sáng bảo đợi. Rốt cuộc đến bốn giờ rưỡi người thư-ký lại hiện ra giữa khung cửa :

— Thôi, bà con có thể về được.

oOo

Một tháng sau lại một cái Trát đòi nhân chứng tới tay Hiền. Cũng vụ số 360, Cũng 8 giờ sáng. Lần này thì anh có vẻ thành thạo và nhẫn nại. Không còn tò mò và xúc động vì chuyện xe tới xe lui, người còng tay và người đi lại thong thả. Chỉ có ngạc nhiên là sao không thấy những khuôn mặt quen lúc trước ra hầu tòa như anh. Cái băng gỗ vẫn được lắp đầy người ngồi nhưng mà họ nói những chuyện khác. Chuyện lùa bắt những người biên số đề, biên số chốt, chuyện xét sổ gia-đình lượm đào binh và trốn quân dịch, chuyện khám bắt ổ buôn lậu cần-sa và ma-túy.

Đợi đến mười một giờ vẫn không thấy ai đoái hoài hỏi tới mình. Chợt người thư-ký hiện ra giữa cửa rồi đi lại gần Hiền :

— Ông có thể về. Hôm nay nhân chứng đến không đủ.

oOo

Hăm tám ngày sau, có một cái trát đòi thứ ba. Trời ơi, cứ kêu đòi cái kiểu này thì còn làm ăn gì được ? Mưa đổ ào ào, mưa ngập phố phường thế mà phải lội mưa đề đi làm bổn phận không có dính dáng gì đến mình hết. Thà là mình có phạm lỗi cho cam. Ít nhất người phạm lỗi cũng

còn được thỏa thích hứng thú khi nó đang phạm lỗi. Cái cực hình chỉ là hậu quả đến sau. Đằng này...

Hiền lại ngồi ở nơi cái băng cũ, ngay chỗ ngồi cũ. Xung quanh anh, người và vật diễn hành gần y như những buổi mai cũ. Chỉ có thêm mưa rơi làm hấp tấp những dáng đi, những dáng chạy.

Anh Lưu văn Bảy tự Hùng lần này đến tòa khỏi bị còng tay. Có một người giám-thị đi kèm. Hiền đưa ra một nhận xét để thay tiếng chào :

— Lần này anh thong thả hơn lần trước. Tay khỏi bị...

— Dạ mấy ồng tin em ngay thiệt, mấy ồng...

Ai cũng muốn tránh nhắc đến cái còng.

— Lần này có bắt thêm được ai không ?

— Em không rõ, À, có cái ông tên Dũng. Ngồi ở chỗ bàn la-ve nước ngọt kia. Kỳ trước có đòi ông làm nhân chứng, anh không nhớ à ? Sau đó bị bắt giam. Cái ông mập mập bụng to ngồi kia là ông Phó trưởng-ban an-ninh. Còn bà kia... Ủa chị Ba, chị Ba cũng ra tòa bữa nay sao ?

Người đàn bà được gọi là chị Ba ngồi ở giữa một cái băng gỗ tương tự, đặt cách đó chừng năm thước. Nghe tiếng gọi của Lưu văn Bảy, chị đứng dậy đi len lỏi giữa đám quần chúng thăm nuôi ngồi la liệt dưới sàn xi-măng.

Lưu văn Bảy kề tai Hiền nói nhỏ :

— *Chỉ* làm... (tiếng nói nhỏ quá Hiền không nghe rõ)... Anh chồng ngồi kề đó. Người đàn bà đến gần. Tuổi chừng bốn lăm, bắt đầu sồ sề. Khuôn mặt chủ tiệm phở. Có thể là chủ rạp hát cũng được. Thời đại mới mà.

— Mày bị bắt về vụ gì vậy ?

— Dạ, em bị kẹt vô cái vụ ăn cắp xe đó chị.

— À, tao biết rồi. Tao cũng kẹt vụ đó. Đ. m., có thằng chó cũng ngồi đó.

«Thằng chó» là ông chồng hay là người mà Lưu văn Bảy vừa nói là Phó trưởng ban an-ninh ? Hay một người nào khác ? Vậy thì người đàn bà này đóng vai chánh tà, trung ninh thế nào ? Bậy quá, lúc nãy không nghe rõ chị ta làm nghề gì. Nhưng cứ theo cái điệu nói đó mà suy thì chị khó lòng mà trăm phần lương thiện. Chà, hôm nay ra phòng Dự-thẩm đều là những người có vẻ nặng ký. Mà sao không thấy có ông Lê văn Quảng là người mà Luật pháp có vẻ muốn đòi ? Chết ! Lỡ bắt không ra hắn, người ta đem giam mình để tra khảo ?

— Dương Chí-Hiền ! Mời Dương Chí-Hiền vô.

Hiền chậm chạp bước. Anh còn đủ bình tĩnh để nhận thấy rằng người Lục-sự quả có cái dáng dấp dễ mến.

— Ông đã được hỏi cung lần trước rồi ?

— Dạ.

— Ông có biết Thái khắc Dũng không ?

— Dạ không.

— Thôi, ông ký vô đây.... vô đây nữa.

Ông Lục-sự chỉ tay vội vàng như sắp phải đón tiếp ai, sắp phải làm một loại công việc nào khác.

— Thưa ông...

Ông Lục-sự ngẩng mặt lên.

— Về vụ này, tôi bị đòi tới ba lần rồi. Công việc làm ăn...

— Á, lần này rồi thôi. Lần chót.

— Cám ơn ông.

Đó là lời cám ơn chân tình mà ông Lục-sự vội vã cúi xuống tờ cung không kịp nhận thấy.

oOo

Tin Hiền phải ra tòa, dù chỉ trong ba buổi sáng và với một nội dung diễn tiến hiền lành như vậy, đã đến tai các bạn quen. Anh Lê quang Giao, bạn từ hồi còn là sói con hướng đạo, vừa nói vừa vung tay :

— Có vậy mà anh đã than. Ở Phan-thiết mà đi làm nhân chứng tại tòa án Phan-thiết, như vậy đã có gì gọi là khổ ?

— Không khổ nhưng bê trễ công ăn việc làm của mình.

— Chẳng hơn có lần tôi ở Phan-thiết mà phải đi xuống tận tòa án Cần-thơ để làm nhân chứng. Mà không phải đi một lần hay ba lần như anh. Đi tới năm lần. Anh hãy tính tiền xe cộ, tiền ăn, tiền thuê khách sạn. Mà nào Chính phủ có hoàn trả tiền chi phí hoặc bắt bị cáo phải hoàn trả lại cho mình ?

Cô Minh Lang, viện trưởng viện uốn tóc REX :

— Phải chớ, anh đi hầu tòa như vậy là phải... Tòa án được mặc cho cái áo uy quyền để bắt mọi công dân phải tôn trọng quyền Tư pháp. Em nhớ có lần dự một phiên tòa. Ông Chánh án từ cửa bước vào phòng xử. Mọi người có mặt trong phòng đều đứng dậy. Có một người cứ ngồi. Ông lên trên bục cao, tiến lại bàn rồi ra lệnh cho nhân viên Cảnh sát xuống điệu dẫn người đó đi.

— Đi đâu ?

— Em cũng chẳng biết.

Anh Lê Nguyệt Cầm, Trung tá Quân cảnh thêm phần luật pháp phổ thông :

— Pháp luật dành cho anh nhiều bất ngờ nữa, nhiều lắm. Anh là người lương thiện chớ sao, nhưng đặt trường hợp có đám cháy dữ dội mà anh chỉ đứng nhìn không chạy chữa giúp : Cảnh sát có thể mời anh. Có người ngộ nạn và xe anh láng quáng gần đó. Người ta yêu cầu anh chở gấp dùm nạn nhân tới Bệnh viện để cấp cứu. Anh từ chối : Cảnh sát có thể mời anh. Thằng cháu họ anh đi lính và đào ngũ lúc nào, anh không hề biết. Nó ghé thăm anh, ở nhà anh chơi ít hôm. Cảnh sát hành quân, xét sổ gia đình, xét giấy tờ của người cháu, lòi tội đào ngũ. Anh cũng được ân cần mời ra tòa. Vì tội tán trợ đào binh.

Chỉ mới nếm vài món bất ngờ, Hiền đã thấy thấm mệt. Té ra muốn sống yên ổn giữa cuộc đời không phải dễ. Không phải chỉ cần ăn ở rất hiền là đủ để Trời Phật ban cho mọi thứ Hạnh phúc bình ổn như cha anh đã nghĩ, khi mở sách Minh tâm Bảo giám ra tìm chữ đặt tên cho anh.

VÕ HỒNG

Giã từ em, vĩnh biệt

Chiếc xe dừng lại ngoài ngõ. Phải đi qua một con hẻm dài mới tới nhà nàng. Chàng đậu xe nép vào bên vệ tường căn biệt thự có những chùm hoa antigone lơi lả giữa đám lá xanh. Đâu đây, mùi hoa dạ lan cay n ng.

Chàng kéo thắng tay và trả cần về số không nhưng vẫn để máy chạy. Hy vọng cuộc giã từ sẽ chóng vánh sau đó chàng chỉ việc rồ máy là có thể phóng xe đi ngay. Buổi chiều hai người đã ngồi ở Thủ-Đức uống nước hàng giờ. Trong cái vắng lặng trải dài trên mầu xanh khu vườn trong quán Con Nai Vàng Ngơ Ngác, họ đã bằng lòng xa nhau. Chàng bảo chàng bảo chàng bị cúm mấy bữa nay để tránh ngồi cạnh nàng. Buổi trưa trước khi tới đón nàng, chàng đã đi ăn chả cá Sơn-Hải với thật nhiều mắm tôm. Một cái cớ chính để chàng đòi ngồi đối diện nàng, cách một tấm bàn vuông. Nhờ ngồi thế mà cả buổi chiều chàng đã tránh được mọi cử chỉ yêu đương thân mật mà nàng muốn. Trong một khung cảnh thật êm đềm thơ mộng chỉ có hai người, hai kẻ đã từng yêu nhau mà chàng tránh được cả việc cầm tay nàng là điều đặc biệt. Một cố gắng để nàng khỏi xúc cảm, có thể thay đổi ý-kiến.

Và bây giờ. Nàng khẽ xoay người lại, giơ tay. Nhìn chàng.

— Thôi, em về nghe.

— Ừ, em về.

Chàng xiết chặt tay nàng. Nói bằng một giọng trầm trầm, u uất như cổ họng vừa bị tắc nghẹn vì cơn xúc động chia ly.

Chàng nghĩ thế là xong. Buổi chiều hai người đã thỏa-thuận và đồng ý xa nhau. Nhưng nàng chưa buông tay chàng. Trái lại nàng còn dùng tay trái ấp lên. Nàng hơi cúi xuống để nhìn qua kính xe mờ bụi đất, mảnh trăng heo hút, thật cô đơn. Rồi nàng xích lại gần, ghé sát vào mặt chàng, đôi mắt khép hờ, và đôi môi hé nhỏ.

Chàng nhích sang bên trái một chút.

— Anh đang bị cúm. Em có thể bị lây.

— Thì đã sao ? Khi đau em sẽ nhớ tới anh.

Nàng luồn tay qua ôm lưng chàng. Gục đầu vào vai chàng. Vòng tay ôm cứng như tay bạch tuộc không rời dù đến chết. Chàng không cựa quậy nổi. Mà cũng không còn chỗ đâu mà nhích ra xa được nữa. Đành ngồi im chịu trận. Để tiêu phí thì giờ chàng với tay táy máy nghịch chiếc cần đèn xe. Pha, côte, lantern, tối thui. Lantern, côte, pha. Con đường mời tám giờ mà đã vắng ngắt. Ánh trăng mờ nhạt, cheo leo, chàng đếm thầm từ một, hai, ba, bốn, năm... Chàng nghĩ chắc đến số 15 thì nàng sẽ thôi. Nhưng rồi chàng đếm nhầm đến số 25 mà vai chàng vẫn còn nặng chĩu. Những ngón tay nàng vẫn tiếp tục vờn trên lưng chàng. Chàng không thèm đếm tiếp.

— Hứa với em là anh sẽ không tới tìm em nữa.

— Anh sẽ cố.

— Em muốn anh thề anh sẽ không tìm gặp em.

— Anh thề.

— Nhưng rồi anh sẽ không giữ lời phải không ?

— Không có đâu.

Nàng dụi tóc vào cổ chàng. Vương vướng. Không biết nàng dùng nước hoa gì. Cho đến nay chàng không hề biết. Chàng chưa bao giờ hỏi nàng. Chàng bỗng thấy mùi dạ lý thơm nồng nồng, hăng hắc. Chàng vẫn thích mùi hương hoa bưởi thoang thoảng và mùi tóc con gái gội đầu bằng bồ kết với cối chanh. Bỗng nhiên chàng nghĩ tới những người bạn trung học cũ đã đi lính. Đã chết có Hưng, Cương, Trường. Đang ở An-Lộc là Tâm, Diễm. Chỉ có mình.

Nhìn kính chiếu hậu chàng thấy có dấu đèn chớp chớp. Vòng tay nàng chưa nới lỏng. Vai chàng bức đầu tê. Chàng khôngthểquay lại để xemchuyện gì. Chàng với tay bật đèn hiệu xe đậu. Rồi miên man chàng nhớ tới mấy câu thơ của Trịnh-Cung «Thời-gian nơi đây. Bây giờ anh vui. Một linh hồn rỗi. Tình yêu xứ này. Một lần yêu thương. Một đời bão nổi. Giã từ giã từ...»

— Anh có yêu em không?

— Em còn phải hỏi điều đó ư?

— Nhưng anh cứ nói yêu em đi.

— Anh yêu em.

— Anh nhắc lại một lần nữa đi.

— Anh yêu em

— Thế sao anh không hôn em?

Chàng cúi xuống. Môi chàng đậu hờ trên môi nàng. Chàng nghĩ ngày mai sẽ phải đi dự Hội-Thảo về Kinh-tế tại Cao-Đẳng Quốc-Phòng hai ngày. Sáng thứ tư còn phải cho Sinh-Viên thi ra trường. Lại còn cả phần kết luận bài phúc-trình về tình hình công kỹ-nghệ Việt-Nam chàng hứa đưa cho Hinh sáng mai. Tối nay có lẽ phải thức đến hai giờ đêm mất. Chàng cảm thấy miệng nhạt và khô. Môi chàng lạnh như đang ngậm một viên đá cuội. Rồi chàng bỗng rùng mình, nhớ tới những con đỉa chàng gặp hồi nhỏ đi hướng đạo ở trong rừng.

Chàng ước thầm. Mình sẵn sàng chết trước số sáu tháng nếu lúc nầy tự nhiên nàng bỗng biến đi như một gái liêu trai. Nếu lúc nầy chàng được tự do phóng xe chạy ngoài xa-lộ một mình.

Chàng rời môi nàng. Rút thuốc lá châm hút. Tay chàng mân mê chiếc bật lửa. Chàng tránh không ôm vai nàng. Chỉ làm cho nàng thêm xúc động và yếu đuối. Không ích gì, chàng khẽ giơ tay liếc nhìn đồng hồ. Rồi thở dài. Như là chàng rất đau xót là sắp phải từ giã nàng.

— Nếu tối nay anh không có hẹn ăn cơm khách thì mình còn được ít giờ nữa với nhau.

— Anh không bỏ được à ?

— Không tiện. Vì tiệc có sắp chỗ và anh đã chót nhận lời từ lâu.

Để nàng quên chuyện xin chàng bỏ bữa hẹn viện cớ đã trễ giờ, chàng nâng mặt nàng lên, nhìn thẳng vào mặt nàng bằng cặp mắt mù sương và buồn dười dượi. Chàng nói giọng nghèn nghẹn :

— Em nhất định bỏ anh bây giờ sao ?

Nàng không trả lời. Đôi mắt tránh mắt chàng. Thả vào hư không. Thấy vậy chàng nói tiếp :

— Có thể tưởng tượng được rằng lúc này chúng mình còn ngồi bên nhau mà chỉ một phút nữa đây em đã bỏ đi rồi, và chúng mình sẽ không bao giờ còn nhau nữa.

Nàng thoáng nhìn chàng vẻ hờn dỗi.

— Anh chỉ có thể nghĩ được bấy nhiêu chuyện thôi ư ?

Chàng khẽ nhún vai. Im lặng. Thấy không nên nói gì thêm là hơn. Chàng châm điếu thuốc thứ hai. Hai người ngồi cạnh nhau không nói. Chàng nghĩ tới mấy câu thơ Lý-Bạch chàng mới dịch đêm qua nhưng còn chưa vừa ý « Xử thế nhược đại mộng. Hồ vi lao kỳ sinh. Sở dĩ chung nhật túy. Dồi nhiên ngọa tiền doanh ». — « Ở trên đời giống như ở trong giấc mộng lớn. Làm chi cho cuộc sống vất vả khó nhọc ? Vì thế suốt ngày ta say sưa, nằm ngủ tràn trước hiên ». Phải nghĩ dịch lại cho có văn điệu hẳn hoi mới được. Chàng nghĩ thầm. Mình không có tài văn chương.

— Thôi nhé.

Nàng ngập ngừng.

Tay nàng đặt lên chốt cửa xe. Nhưng lưỡng lự chưa mở. Nàng biết nàng chưa muốn xa chàng. Nàng thực sự chưa muốn dứt khoát. Nàng đau đớn vì chuyện hai người phải xa nhau. Người đàn ông chắc cũng biết điều đó. Chàng biết nàng đang buồn ghê gớm. Chàng biết chàng có thể làm dịu cơn đau của nàng bằng một cử chỉ âu-yếm, một lời nói yêu thương vào những phút chia ly này. Nhưng chàng không đủ can đảm để làm chuyện đó. Hay chàng không muốn cũng nên. Nguyên cái chuyện nàng cứ dùng dằng từ nãy đến giờ, đã làm chàng khó chịu. Lúc này chàng thấy chàng chỉ còn đủ kiên nhẫn ngồi đó đợi nàng ra khỏi xe thay vì đạp nàng xuống đường. Chàng tự nhủ : Gắng một chút nữa thôi. Một chúi nữa cho êm đẹp mọi chuyện. Là xong.

Nàng nói : — Cho em xin điếu thuốc.

Chàng đặt lên môi nàng điếu thuốc chàng đang hút dở gần hết. Nàng lắc đầu rút một điếu nguyên trong bao trên thành xe. Chàng bật lửa châm thuốc cho nàng. Tay run run. Chàng giận lắm, tưởng như có thể xiết nghẹt cổ nàng bằng tay không lúc này. Một điếu thuốc nguyên thì đến đời nào mới xong. Nhưng chàng cố dằn lòng. Ráng một

chút nữa thôi. Hút hết điếu thuốc, thì phải xong. Chàng đăm đăm nhìn vào đốm lửa đỏ trên môi nàng. Chờ cho ngọn than dài thêm, cho điếu thuốc ngắn dần. Đốm lửa đỏ hình như không nhúc nhích. Chàng lại nóng ruột. Chàng miên man nghĩ tới những tiệm ăn tây chàng đã thử ở Saigon. La Cave, l'Admiral, La Mona Lisa, The Fourchette, Guillaume, Les Gaulois...

Rồi chàng nghĩ nhảy sang những tiệm ăn Tàu trong Chợ lớn.

— Chắc chắn là anh sẽ không điện thoại cho em chứ ?

— Nếu đó là điều em muốn.

— Anh xa em vì quá yêu em phải không?

— Anh đã nói thế với em rồi mà. Đó là nỗi khổ tâm của anh.

— Tình yêu của chúng ta không phải là một cuộc tình qua đường phải không anh?

— Tại sao em có thể hỏi anh câu đó. Tình yêu anh dành cho em làm sao bì được.

— Nhưng chắc chắn anh có nhiều mối tình qua đường lắm phải không ? Bao nhiêu tất cả anh ?

— Không nhiều lắm đâu. Nhưng cuộc tình với em khác hẳn.

— Có phải vì anh không muốn làm em khổ ?

— Em đã biết rồ là..,

— Vì anh không muốn em phải bỏ gia-đình vì anh, để theo anh ?

— Đó là lý do duy-nhất...

— Vì thế anh xa em phải không ?

— Anh còn biết làm gì khác hơn. Em thử nói anh nghe coi.

Điếu thuốc đã cháy tới phần bấc trắng, Lụi dần. Sau khi quay ngoắt lại hôn chàng vội vã, nàng xoay người mở cửa xe bước ra. Trước khi nàng ra hẳn ngoài, chàng thấy chiếc gáy nàng trắng ngần như sữa đọng. Trong một giây chàng thấy luyến tiếc. Chỉ một giây. Rồi thôi. Chàng quên hẳn nàng. Chàng thấy nhẹ nhõm. Một niềm hân hoan của tự do, hết trách nhiệm, hết bị quấy rầy, len lỏi qua từng tế bào thân thể. Reo mừng. Chàng thấy lâng lâng một niềm thoát giải. Chỉ một phút nữa chàng sẽ phóng xe chạy ra ngoài xa-lộ. Chàng sẽ hát to để chỉ nghe thấy giọng mình. Chàng sẽ xuống hết kính xe để cho gió thì thầm bên tai. Chàng sẽ không còn phải bận tâm nghĩ câu trả lời hay tìm cách âu yếm như khi có nàng bên cạnh.

Chàng cúi đầu nhìn ra. Nàng hãy còn đứng trên vỉa hè, bên cạnh xe. Nàng mở ví lục lọi như tìm kiếm vật gì. Rồi nàng quay lại mở cửa xe nhặt cặp kính màu để quên trên kẹt đệm xe. Nàng đeo kính. Chiếc kính tròn to che hết nửa khuôn mặt nàng. Tại sao con gái lại thích đeo những cặp kính to như thế được. Lần đầu tiên chàng thấy cặp kính nàng thật lố bịch. Trước kia chàng không để ý.

— Một ngày nào đó, dù có là mười năm sau, nếu tình cờ chúng mình gặp nhau chúng mình vẫn còn thân nhau như thế này anh nhé,

— Chắc chắn rồi em.

Chàng đạp thắng số, và sang số 1. Bật đèn côte.

— Chúng mình vẫn coi nhau như bạn anh nhé.

— Chúng mình sẽ vẫn coi nhau như bạn.

Chàng cho xe vọt nhanh. Con đường trước mặt chưa bao giờ thênh thanh đến thế. Chàng nhấn thêm ga. Tay ấn băng nhạc. Tiếng hát Andy, Williams. « Born free, free as the wind blows, free as the grass grows...

DU LY

(10-1972)

Phóng tác *Goodbyen For ever and ever and ever* của Kathinsky

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÁNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	BanMêThuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vĩnh Bình : 24 Gia-Long Vĩnh-Bình	ĐT : 092
—	Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vĩnh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

— 17% mỗi năm : nếu không dự xổ-số
— 13% mỗi năm : nếu có dự xổ-số
— 4% mỗi năm : để xổ-số
— Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
— Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

— Từ 14% đến 28%.

HOA - LƯ *311 Thành Thái Saigon 5 sẽ phát hành tháng 4-73*

DỊCH HỌC NHẬP MÔN

của ĐỖ ĐÌNH TUÂN

HÀ ĐỒ, LẠC THƯ, BÁT QUÁI, 64 QUẺ KÉP

Y DỊCH : Dịch với y học Đông phương.

HÁN TỰ GIẢN DỊ : Gồm tất cả những chữ Hán, viết tắt thông dụng ngày nay.

Giá 280đ. *Bưu phiếu đề Bà VŨ THỊ MỜI*

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ

C_D_PP_B2_B6_B12

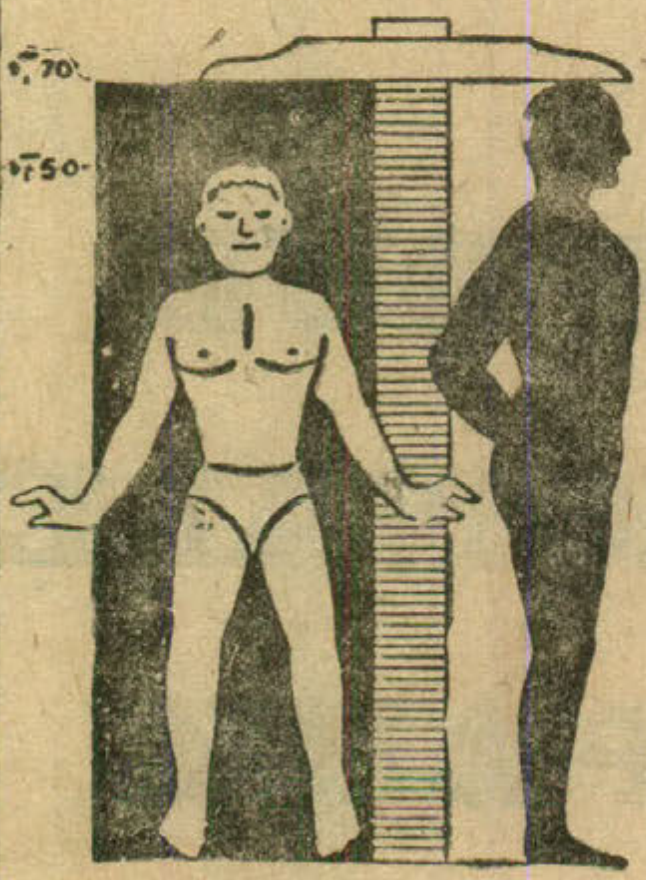

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ.

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

Hong chút tình xưa

Thơ ĐỖ-CHU-THĂNG

Chiều công tác anh qua trường em học
Trường em vui, ba dãy, học trò đông
Anh ghé dịp chung một giờ sinh hoạt
Trời tháng hai nắng tạt bức song hồng

Này màu phấn màu gỗ bàn và màu mắt
Màu quen quen và màu của thương thương
Năm năm trước anh cũng thầy dạy học
Từng nghiêng lòng đắm đuối những văn chương

Em đâu biết. Nay ra người lính trận
Bước vào phòng mang nặng súng trên vai
Bẽn lẽn em nhìn, má anh màu cháy nắng
Rồi nhủ thầm : thân phận trẻ hôm nay

Chiều công tác anh qua trường em học
Trường em xinh, cô giáo cũng đang xinh
Cô tươi cười nhường anh một giờ dạy
Nói cùng em chuyện ngưng bắn hòa bình

Em ngẩng nhìn chăm chăm làn mắt biếc
Đâu phải lời anh, anh hiểu em rồi...
Anh muốn nói chi những đề tài cằn cỗi
Muốn nói cùng em câu chuyện vui vui

Chuyện Kim-Trọng dò sang vườn Thúy
Chuyện Tam-Nguyên làm thơ Cua chơi trăng
Chuyện Uy-Viễn mê nàng Đào Hiệu
Chuyện Tản-Đà bán áo viết lăng nhăng

Anh thèm quá, biết bao giờ trở lại
Trường ngày xưa thôi cơm áo hành quân
Trên bục gỗ anh tìm hương ngày cũ
Nơi trang bài tuổi đợi giấc mơ xuân

Chiều công tác anh qua trường em học
Trường em vui, ba dãy, học trò ngoan
Như hong ấm món tình xưa đã nguội
Trời tháng hai gay gắt nắng hung vàng.

Tưởng niệm PHAN PHỤNG THẠCH

Phan Phụng Thạch
(1942-1973)

L.T.S. Anh Phan Phụng Thạch, một nhà thơ trẻ ở Quảng Trị, từng cộng tác với Bách-Khoa từ nhiều năm nay, đã từ trần sáng thứ bảy 24-2-1973 tại Đà-Nẵng.

Anh Phan Phụng Thạch, tên thật là Phan-Ngọc-Thạch, sinh năm 1942 tại Quảng Trị. Bắt đầu đăng thơ trên các tạp chí *Văn, Bách Khoa, Nghệ Thuật* từ năm 1964. Dạy học, viết báo (ký tên Phan Thu Hạ). Chủ trương nhà xuất bản *Hạnh nhơn*. Tác phẩm đã in: *Lưu bút mùa Hạ* (1972) Tác phẩm chưa in: *Mơ hồ sương khói, Những bài thơ tình của tuổi ba mươi*... Hiện là Giáo sư, Quản thủ Thư viện Trung học Nguyễn Hoàng Quảng Trị (LTB ghi).

Trong một lá thư của một nhà thơ ở Đà Nẵng gửi cho Bách Khoa, anh cho biết : «Theo lời thân nhân của Phan Phụng Thạch thì anh bị bệnh hoại huyết từ nhiều năm nay. Đã có một thời gian anh vào chữa trị tại Saigon. Đến 1968 anh trở về Quảng Trị dạy học và làm thơ. Dù biết rằng đang mắc phải chứng bệnh rất khó chữa, nhưng thơ anh vẫn bát ngát niềm bao dung. Anh ít khi thương xót lo lắng cho mình, hầu như trong thơ anh, anh chỉ ưu tư lo lắng cho quê hương, đất nước, nhất là cho thế hệ trẻ, cho riêng học trò, những con chim non đang đập cánh giữa một bầu trời lửa đạn.

«Từ ngày theo gia đình, (anh chưa có gia đình riêng, hiện sống với bà mẹ, chị và một người em trai ở trong quân đội), theo trường học vào tỵ nạn ở Đà Nẵng, sức khỏe của anh đã sút kém nhiều. Bạn bè trông thấy, ai cũng lo lắng cho anh.

«Tháng 10-1972 anh lại trở vào bệnh viện Đức ở Đà-Nẵng. Trước đó, anh đã có một cố gắng phi thường là một mình lo chạy in tập thơ *Lưu bút mùa Hạ* (Phải chăng đó là một cố gắng đầy ý nghĩa để lưu bút... cho đời, trước khi từ biệt anh em ?). Sau một thời gian chữa trị, anh cảm thấy khỏe và trở về nhà. Anh đã có thể mời anh em đến uống rượu trong một buổi họp mặt tại Trại 5 Non Nước, và sau đó, đi dự một buổi đọc thơ với các thân hữu. Nhưng đó chỉ là những cố gắng phi thường của một tâm hồn quá bao dung mà không thắng nổi định mệnh. Những ngày cuối tháng 2/73, Phan Phụng Thạch trở lại bệnh viện lần cuối cùng. Sáng thứ bảy 24-2-1973 anh trở về trại định cư Non Nước trong một chiếc xe bệnh viện đóng kín. Ở đó, giữa bãi cát trắng mênh mông, trong tiếng sóng cuồng nộ, đồng bào anh, học trò anh, nheo nhóc, tang thương trong những cái chòi gỗ, đang đón anh.

«Đáng buồn cho anh Phan Phụng Thạch là anh đã không thể được an nghỉ tại Quảng-trị, nơi anh đã chào đời, nơi đã nuôi anh làm thơ..,»

Để tưởng niệm nhà thơ trẻ của Quảng-Trị, Bách-Khoa cho đăng liên tiếp sau đây mấy bài thơ trong tập di cảo của Phan Phụng Thạch.

Nắng Hạ tình phai

Lòng ta đó như sân trường nắng hạ
Có các em chân nhỏ bước tung tăng
Nếu ngày mai thầy trò người mỗi ngả
Ta chia lòng theo muôn hướng xa xăm

Ta đâu ngỡ thời gian trôi mau quá
Nên ngỡ ngàng khi nghe tiếng ve ca
Hỡi các em! Buổi học chiều êm ả
Có bâng khuâng tưởng nhớ một quê nhà ?

Ôi ta muốn cúi hôn từng mái tóc
Gởi tấm lòng cho lớp tuổi thơ ngây
Mai ta đi đường xuôi hay lối ngược
Vẫn nhớ hoài hình ảnh buổi hôm nay.

Thôi từ giã — Một lời cho tất cả
Chín mươi ngày xa cách chẳng là bao
Nhưng e rằng tình sẽ tàn trong hạ
Và khi về sẽ đứng giữa mòn hao.

(*«Lưu bút mùa hạ» Hạnh-Nhơn xuất bản 1972*)

Bài Thơ làm khi say rượu

Gởi Lê Lợi, Trần văn Lữ và Hà Mẫn Luyện để nhớ buổi tối uống rượu ở Trại 5 Non Nước

Buổi tối tiêu sầu — chai rượu đắng
Tri âm ! Này hãy uống cho say
Lỡ mai có chết—không ân hận
Vì đã ngồi chung một chiếu này.

Thằng bạn chưa già mà tóc bạc
Bụng đầy Kinh Lễ với Kinh Thư
Chuyện đời hư ảo, xin mày gác
Không lẽ mày là Ngũ-Tử-Tư ?

Hay mày muốn làm một Nhan-Hồi
Thôi ! Hãy vì nhau uống mềm môi
Đã biết đời người cơn gió thoảng
Thì mau, kẻo rượu sẽ bay hơi.

Bên ta có cả người Lê-Lợi
Hình như chưa biết một lần say
Đêm nay cũng thấy lòng như mới
Cất tiếng cười vang giọng ngất ngây.

Còn nữa, thằng kia sao mày khóc ?
Nhớ em hay buồn nghĩa thầy trò ?
Nếu đã chọn lầm nghề dạy học
Hãy xem tình ấy cũng như tro

Xem ta hơn nửa đời lưu lạc
Bắt chước Tú-Xương với Tản-Đà
Ta cũng có người yêu bội bạc
Mà có bao giờ ta nói ra ?

Còn nốt chút này xin cạn hết
Say mèm sẽ ngủ suốt đêm nay
Uống đi ! Nếu lỡ mai ta chết
Thì cứ coi là chiếc lá bay.

(10-72)

Bàng bạc tình quê

Gởi L.T. Mai, quả tim của ta.

Có phải rừng dương đã hết xanh?
Và như phương ấy khói xây thành ?
Thương quả tóc em chiều gió lộng
Sợi nhớ sợi buồn trong nắng hanh.

Bây giờ đã giữa thu rồi nhỉ !
Lá rụng vàng trên những ngả đường
Ta biết mắt em sầu cô lý
Lòng ta cũng vọng một quê hương.

Ta muốn hồn ta thành chút nắng
Cho em sưởi ấm những buồn thương
Tình quê bàng bạc chiều mây trắng
Thôi nhé ! Chờ xong một chiến trường ..

Rồi mai trở lại khung trời cũ
Chân dẫm lên trên gạch cổ-thành
Giữa những hoang tàn ta sẽ nhủ
Dù sao còn cỏ mọc xanh xanh.

(Malteser Hospital 11-72)

Làm Thơ và Tuyên dương Văn nghiệp

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương trả lời cuộc phỏng vấn truyền thanh của đài Tiếng nói Tự do (phát thanh đêm Giao thừa năm Quí Sửu.)

Câu hỏi 1 — *Xin giáo-sư tự giới thiệu quý danh.*

Câu hỏi 2 — *Ngoài việc dạy học, giáo sư đã « làm thơ » như thế nào ?*

Câu hỏi 3 — *Thi-sĩ vừa được trao giải Tuyên-dương Văn-nghiệp, yêu cầu thi-sĩ cho biết rõ hơn về giải này, vì đây mới là lần đầu tiên ở Việt-Nam có 1 giải Tuyên-dương như vậy.*

Câu hỏi 4 — *Xin thi-sĩ cho biết đã ấn hành những thi-tập nào, kể cả những thi-tập in tại Hà-nội hay ở ngoại quốc.*

Câu hỏi 5 — *Thi-sĩ ưa cuốn nào nhất ?*

Câu hỏi 6 — *Sang năm, Quý-Sửu, thi-sĩ có những dự tính nào ?*

Câu hỏi 7 — *Thi-sĩ có nhắn gửi gì cho đồng bào ngoài Bắc không ?*

Câu hỏi 8 — *Cảm-tưởng của Thi-sĩ ra sao, về giải Tuyên dương Văn-nghiệp mà Thi-sĩ vừa mới lãnh ?*

NHỮNG CÂU TRẢ LỜI CỦA VŨ HOÀNG CHƯƠNG

1 — Tôi mang họ Vũ-Hoàng và được cha mẹ đặt tên là Chương. Như vậy tôi là Vũ-Hoàng-Chương. Đó cũng là 3 chữ tôi dùng làm bút-danh ngay từ ấn-phẩm thứ nhất : tập *Thơ Say* ra đời năm 1940 tại Hà-nội.

2 — Việc chính-yếu của tôi là « làm thơ » ; còn việc dạy học chỉ là phụ-thuộc. Từ giữa năm 1972, tôi chỉ còn dạy 3 giờ một tuần, lớp 11 trường Trung-học Chu-văn-An, Sàigòn. Đến như việc «làm thơ» nó như thế nào ư ? Giản dị lắm. Tôi có cảm hứng là bắt đầu kiến trúc bài thơ. Thường khi 1 tuần là xong nhưng cũng có trường hợp lâu cả tháng như bài *Lửa Từ Bi* (1963) hay chỉ 1 ngày đã hoàn tất rồi, thí dụ bài *Thôi Hết Băn Khoăn* (1961). Thơ làm xong thì cho đăng báo. Tôi hợp tác thường xuyên với các tạp chí văn học, như VĂN, BÁCH-KHOA... và các nhà xuất bản lớn như Lửa Thiêng, An-Tiêm, Nam Chi, Khai-Trí, Nguyễn Đình Vượng. Riêng nhà Lửa Thiêng, từ 1970 đến nay đã ấn hành của tôi 3 tập thơ : *Ngồi quán, Đời vắng em rồi say với ai, Rừng phong* (tái bản) và đang ấn

hành tập Kịch-thơ *Cô gái Ma* và tập hồi ký *Ta Đã Làm Chi Đời Ta*. Mà Nguyễn Đình Vượng thì đã in tập thơ *Cành Mai Trắng Mộng*, tái bản tập thơ *Say* và tập Kịch thơ *Vân Muội*. Quanh năm tôi bận rộn chỉ riêng về việc đăng thơ, in thơ. Đôi khi đăng đàn diễn thuyết, cũng về thơ nữa. Rồi chuyện dịch thơ của mình sang tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Anh, cũng mất công trình lắm. Các thi sĩ ngoại quốc dịch thơ tôi sang ngôn ngữ nước họ đều liên lạc với tôi thường xuyên, để dịch không phản lại tác giả. Thí dụ nữ sĩ Simone Kuhnen ở Bỉ thi sĩ Kosmas Ziegler ở Áo, nữ sĩ Edvige Gorini ở La-mã v.v... Thư đi từ lại cũng đủ mệt rồi. Còn làm việc gì khác ngoài Thơ được! Còn thì giờ đâu dạy học cho có nhiều tiền ! Bởi vậy tôi đã nói «làm thơ» đối với tôi là việc chính yếu mặc dầu đó là 1 cái *nghiệp* chứ phải là 1 *nghề* !

3— Mặc dầu văn nghiệp của tôi vừa được tuyên dương tôi cũng không biết gì về giải này rõ hơn hoặc nhiều hơn bất cứ ai. Lý do dễ hiểu là trong giải này không có sự «trực tiếp» tham dự của văn nhân. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn-hóa chỉ căn cứ vào dư luận của văn giới để quyết định ai lãnh giải.

Riêng phần tôi, tôi chỉ biết rằng Trung tâm Văn bút VN và Tạp chí Bách Khoa là 2 cơ quan đã giới thiệu tôi với Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, cả hai đều là cơ quan tư nhân mặc dầu TTVBVN là 1 chi nhánh quốc gia của Hội Văn bút quốc tế.

Lẽ dĩ nhiên 2 cơ qnan này đã cố gắng thâu thập mọi tài liệu về văn nghiệp tôi để chứng minh lời giới thiệu. Điều ấy đã khiến tôi xúc động vô cùng, xúc động gấp nhiều lần hơn khi được tin «trúng giải» và khi được trao giải. Thật thế, tôi đã từng là 1 sáng lập viên của TTVBVN từ 1957, từng là Chủ tịch liên tiếp trong 4 năm (từ 1964 đến 1968). Còn như Tạp chí Bách Khoa thì Tòa soạn lúc nào cũng coi tôi như bạn thân, và sẵn sàng đăng tải bất cứ bài nào nào của tôi, kể cả thơ chữ Nho, thơ ngâm vịnh, tùy bút, hồi ký v.v...

4— Nhiều lắm. Nhớ sao hết được. Đại khái có 2 tập thơ, 1 tập Kịch thơ in tại Hà-nội trước 1945, 1 tập thơ in tại Việt Bắc khoảng 1947, 1 tập thơ in tại Sàigòn trước hiệp định Genève 1954, và chừng 15 tập khác ở Sàigòn sau đó.

Tập thơ in gần đây nhất là tập « *Đời Vắng Em Rồi Say Với Ai* », mới xuất bản giữa năm 1971.

Ngoài ra phải kể 3 tập thơ có bản dịch Pháp-ngữ đối chiếu, 1 tập có bản Anh-ngữ ; đều in tại Sàigòn. Và 1 tập dịch Đức-ngữ, xuất bản tại Hamburg từ 1966, do nhà Hoffmann und Campe. Tập này không in nguyên-tác chữ Việt, nghĩa là không có đối chiếu.

5 — Tập nào cũng ưa chứ ! Nhưng có có lẽ tôi thích nhất tập « *Rừng Phong* » (1954) vì khi phát hành tập ấy khoảng đầu năm tại Sàigòn, tác giả của nó đang ở Hà nội và chưa có ý định nào về chuyện vào Nam. Thế mà chỉ 6 tháng sau tập-thơ và người-thơ đã xum họp. Quả nhiên «Rừng Phong» đã báo hiệu một biến chuyển lớn trong kiếp này của Vũ-Hoàng-Chương.

6— Cũng nhiều lắm. Nhưng thôi, hãy còn là dự tính thì nói ra làm chi ! Có điều chắc chắn là tôi vẫn « làm thơ » như đã làm từ nhiều năm, từ nhiều kiếp.

7— Nếu có thể nhắn gửi đượcthì còn nói gì nữa. Vìđốivớimộtthi-nhân, đồng bào của hắn (ở bất cứ miền nào) cũng cần thiết như hơi thở, như nước uống ; người ngoại quốc rất có thể hiểu văn xuôi Việt-Nam qua các bản dịch, nhưng chỉ người V N mới hiểu trọn vẹn thơ VN, hiểu bằng rung cảm, bằng tiềm-thức bằng linh-khí của giống nòi...

Trở lại câu hỏi thâu hẹp vào «đồng bào miền Bắc hiện nay» mà quý đài vừa đặt ra, và đặt với ı tầm quan trọng đặc biệt, tôi có thể trả lời như sau:

Tôi mong mỏi cho đồng bào tôi ở ngoài ấy còn giữ mãi hồn Thơ, và có nhiều cơ hội xem thơ, đọc thơ, ngâm thơ, làm thơ, để lắng mình vào giòng cảm-hứng Thơ, bất chấp mọi biến thiên lịch-sử. Tôi thiết tha mong mỏi và truyền thông điều ấy, vì tôi tin rằng bản chất của Thơ là hòa-hài, bản thể của Thơ là nhất-quán. Chúng ta cùng yêu Thơ, sống chết vì Thơ, ấy là gọi Hòa-bình đến thật sự, ấy là đưa Thống-nhất lại gần kề. Tổ tiên chúng ta chẳng đã làm thơ, ngâm thơ suốt mấy ngàn năm dựng nước đấy ư ? Trong lều tranh, ngoài nương khoai ruộng lúa, bên khung cửi nong tằm, và cả trên mũi thuyền, trên lưng ngựa ! Còn như nỗi nhớ niềm thương trong bấy lâu, cũng như giữa phút giây này, thiết tưởng hồ Kiếm, sông Hồng đã hiểu tôi qua vần điệu, và đang bắt gặp trên làn sóng âm thanh.

8— Ai cũng biết rằng giải Tuyên-dương Văn-nghiệp đầu tiên này đã do phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hoá tổ chức một phần lớn dư luận tham dự việc đề cử người lãnh giải và giải đã do Phó Tổng-Thống VNCH vừa trao.

Nhưng đối với riêng tôi, Vũ-Hoàng-Chương đã vừa được một người đẹp tuyên dương, người đẹp có tên là THƠ, hay NÀNG-THƠ, như thế gian thường gọi.

Vâng, đúng thế! Dân tộc VN là một dân tộc thi nhân ; ai cũng yêu thơ và làm thơ cả. Bắt đầu phải là Thơ, rồi muốn viết truyện ngắn truyện dài hay kịch-bản chi chi, thì sau đó đã ! Các văn-hữu của tôi kịch-tác-gia hay tiểu-thuyết-gia, phê-bình-gia ở bên này hay bên kia dòng sông, đều có thể xác nhận với tôi điều đó.

Nghĩa là toàn thể làng văn VN đều coi NÀNG THƠ như người tình thứ nhất. Lẽ dĩ nhiên cũng rất nhiều văn hữu, dầu muốn dầu không, đã phụ tình bỏ rơi Nàng Thơ để theo đuổi cái nghiệp viết truyện hay viết kịch.

Riêng-Vũ-Hoàng Chương, hơn 30 năm nay, vẫn thủy chung như nhất, vẫn chỉ có một người tình, vẫn từng giây từng phút lên đường, để rung động giữa *vạn biến* một trái tim *bất biến*.

Người-đẹp nào mà không phải « tuyên-dương », huống hồ THƠ lại là « người-đẹp của những người đẹp ».

oOo

Tuy nhiên, nếu chỉ là chuyện giữa Nàng Thơ và Vũ-Hoàng-Chương thì hà tất phải đợi đến hôm nay, trên thềm Tết Quý-Sửu nầy ! Thời gian tuyên dương hẳn phải mang một ý nghĩa gì chứ.

Phải chăng một điềm báo Hòa-bình đang đi tới, đang nhích lại gần. Vì lẽ THƠ là sứ-giả, đồng thời cũng là hóa-thân của HÒA-BÌNH. Người yêu chung thủy của THƠ được tuyên dương, ấy là HÒA-BÌNH phải đến với dân tộc hẳn.

Trong niềm hy vọng lớn lao này, tôi chợt thấy vinh hạnh cho hẳn vô cùng. Và tin rằng hẳn không thể không xúc động mãnh liệt.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

thuốc ho viên

PECTAL FORT

trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

Nhân dịp húy nhật lần thứ 4 cố thi sĩ Đô g-Hồ

Bính Ngọ đào tiên ửng bách niên

Quỳnh Lâm xuân sắc túy tiên đào

Tặng Tuyết muội muội

Chuyện nhớ năm sinh Bính-Ngọ-hiên (1)
Năm mừng hoa giáp hội đào tiên
Sáu mươi năm trải vòng hoa giáp
Một tấm lòng say mộng thánh hiền
Có ít có nhiều thôi cũng đủ
Dầu thua dầu được cũng là duyên
Gia đình đầm ấm vui con cháu
Vui với Nàng Thơ hẹn bách niên

ĐÔNG HỒ

Đầu Xuân Bính Ngọ

Quí Sửu trường sầu đoạn bách niên

Hoà vọng Hương-linh ĐÔNG HỒ *Ngô-huynh*

Hướng lạc sao trời Tân-nguyệt-hiên(2)
Ngậm ngùi hoa giáp chuyện đào tiên
Bốn xuân chờ mộng chia đường lạnh
Nửa mái còn trăng dỗi bạn hiền
Đã chẳng bạch đầu ngâm tuyệt khúc
Thì đem hồng kiếp hẹn không duyên
Anh ơi ! Máu Lệ hòa thay mực
Chép chữ : mang mang hận bách niên

MỘNG TUYẾT Thất tiểu muội

Đầu xuan Quí Sửu

Cảm Ứng

(Hoạ nguyên vận bài Bính Ngọ của Đông Hồ)

Sóng gió ngừng đây Tý-Ngọ hiên (3)
Giang long tịch mịch đối Hà tiên
Nước Hồ Đông chợt khơi dòng thẳm
Mưa núi Tây thêm quạnh nẻo hiền
Ấn cũ in trăng mờ lợt ánh
Bút ai quét thỏ ngậm ngùi duyên (4)
Cũng may còn đóa mai vàng nhắc
Lá thiếp nào xanh đến vạn niên?

Xuân Quí Sửu, ngoài tiết nguyên tiêu

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

1 — Bính Ngọ hiên : thành ngữ này tuy có sẵn trong cuốn Tự Phán của cụ Phan Bội-Châu, nhưng cũng chỉ do nhà cách mạng đặt ra để ghi nhớ nơi hội họp với cụ Phan Châu-Trinh ở Đông-kinh năm Bính Ngọ 1906. Điểm cốt yếu là ghi nhớ thời gian. Vậy ở câu thơ nầy của Đông Hồ tác giả cũng chỉ nhắm điểm đó. Ngoài ra còn có thể gợi đến phong trào Đông-du, tác giả ra đời lúc phong trào ấy đang thịnh hành. (lời chua của Vũ Hoàng Chương).

2.— Tân Nguyệt hiên : tức là Mái Trăng non. Bên hiên khuê lâu của Mộng Tuyết nhìn ra một góc trời, thường cứ thượng tuần tháng giêng, từ độ mồng bốn trở đi là hiện ra một mảnh trăng non và một ngôi sao mọc bên dưới. Do đó dấu hiệu của Mái Trăng non ghi lại hiện tượng đó. Chừ đây mảnh trăng còn trơ mà ngôi sao đã lạc hướng.

3.— Tý Ngọ hiên : tức là hiên Bắc-Nam.

4.— Quét thỏ : Thuở sinh tiền Thi sĩ Đông Hồ (1) rất thích chơi chữ viết. Đã sưu tầm nhiều liễn đối của các nhà danh bút cổ kim. Người thường say sưa ngắm từng nét tung hoành của nét thảo chân phương, của nét triện lệ cho là độc đáo hơn xem tranh, càng nhìn càng thấy biến hóa, ảo diệu vô cùng.

---

(1) *Hiện Gia định Đông Hồ có thành lập trường Tư thục với danh hiệu Trung tiểu học Tư thục Đông Hồ đường Nguyễnvăn Thoại Gia định.*

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương từng đến thắp nén nhang cho người bạn cũ, đã bắt gặp mấy bức tứ bình với nét thảo của nhà danh bút Phùng Quốc Tài rất tài tình. Thi sĩ khám độc được mấy câu đầu lấy làm xứng ý :

Thiếu niên thượng nhân hiệu Hoài Tố
Thảo thư thiên hạ xưng độc bộ
Mặc trì phi xuất Bắc minh ngư
Bút phong tảo tận Tây sơn thổ

lược dịch :

Tuổi trẻ nhà tu hiệu Hoài Tố
Chữ viết được người xưng độc bộ
Ao nghiên khuấy động cá Bắc khơi
Ngòi lông quét sạch non Tây thổ

« Thi vương » họ Vũ ngày nay cũng có biệt hiệu là Hoài Tố, một hai khi cũng mặc áo màu dà như thầy tu, cũng có nét chữ ngang tàng được bè bạn xưng là độc bộ (sáng kiến riêng một mình một lối). Có điều là ngày xưa Hoài Tố thượng nhân dùng ngọn bút lông quét hết thỏ ở non Tây (ý nói đem hết lông thỏ kết làm ngọn bút). Ngày nay Hoài Tố thượng nhân họ Vũ có nét viết đặc biệt bằng ngọn tăm, như vậy là thi nhân đã *quét thỏ* bằng Tây-sơn-trúc đó. (lời chua của Mộng Tuyết)

TIN MỪNG

Được hồng thiệp trễ báo tin ngày 16-03-1973.

Chị :

TRẦN THỊ NGỌC

vâng lệnh Song Thân kết duyên cùng anh :

HÀ VĂN THẠCH

Thân tình cầu chúc anh chị NGỌC-THẠCH *nghìn năm tin yêu hạnh phúc.*

Nhóm Giáo-sư Sử Địa Trung-học Nguyễn-Trung-Trực : SỬ • LIÊN • BÌNH • THÁI • MÙI • HUỆ.

Ăn Tết xong mời bạn lại đọc :

- **SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN**
  Giản-Chi *và* Nguyễn-Hiến-Lê *dịch, chú thích và giới thiệu.*

- **CHIẾN QUỐC SÁCH**
  Giản-Chi *và* Nguyễn-Hiến-Lê *dịch, chú thích và giới thiệu.*

- **GÓP NHẶT CÁT ĐÁ**
  Thiền sư Muju — Đỗ Đình-Đồng *dịch*

- **BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ**
  Will *và* Ariel Durant — Nguyễn-Hiến Lê *và* Trần Lương-Ngọc *dịch.*

- **BIỆN CHỨNG PHÁP LÀ GÌ ?**
  của Trần-Thái-Đỉnh do Văn Mới xuất bản Lá Bối phát hành.

Muốn liên lạc các nhà sách sòng phẳng về tiền bạc ở các tỉnh sau đây :

Quảng-Ngãi	Quảng-Tín	Kontum	Pleiku
Bình-Tuy	Phước-Tuy	Long-An	Ban-Mê-Thuột
Sa-Đéc	Bạc-Liêu	Rạch-Giá	Bình-Dương
Kiến-Phong			

Thư về Ông VÕ-THẮNG-TIẾT

Lô O, 121, Chúng-cư Minh-Mạng Saigon 10

Thời sự thế giới

• TỪ TRÌ

Trong những tuần vừa qua bạo lực đã đánh dấu đời sống chính trị thế giới. Trước hết là vụ thảm sát các nhà ngoại giao Mỹ và Bỉ tại Khartoum. Sau đó là vụ khủng bố của phe Công-giáo Ái-nhĩ-lan ở ngay chính Luân-đôn. Tại Pháp cuộc bầu cử đã mang lại cho phe De Gaulle cầm quyền một thắng lợi tuy nhỏ nhưng cũng đủ để phe này ngồi lại chính quyền thêm 5 năm nữa.

Vụ thảm sát tại Khartoum :

Một lần nữa quân cảm tử Palestine thuộc tổ chức khủng bố « Tháng 9 đen » lại làm một việc chấn động cả dư luận thế giới. Và lần này nạn nhân là hai nhà ngoại-giao Mỹ và một nhà ngoại-giao Bỉ.

Ngày 1-3-73 vừa qua nhân dịp ông George Curtis Moore, 47 tuổi, xử-lý thường-vụ tòa Đại-sứ Hoa-kỳ tại Khartoum (Thủ-đô nước Soudan, ở phía Nam Ai-cập), ra đi và ông Cléo Noel, 54 tuổi, tân Đại-sứ Hoa-kỳ vừa tới nhậm chức, Đại-sứ của nước Arabie Seoudite, với tư cách là niên-trưởng Ngoại-giao đoàn, đã tổ chức một cuộc tiếp tân để tiễn biệt. Vì ông Moore là một chuyên gia về vấn-đề Ả-rập và đồng thời cũng là một con người tính tình vui vẻ dễ thương nên các giới-chức ngoại-giao đã đến dự cuộc tiếp tân tại tư dinh của Đại-sứ Ả-rập Seoudite đông đủ.

Vào khoảng 7 giờ tối, sau khi Ngoại-giao-đoàn trao tặng ông Moore một chiếc khay bạc để kỷ-niệm và quan khách bắt đầu ra về thì bỗng nhiên có 2 chiếc Land-Rover tới trước cửa Tòa Đại-sứ Ả-rập Seoudite. Từ trên xe, một toán cảm-tử-quân nhảy xuống, một tên nhào vào chiếm chiếc xe của ông Moore và 7 tên khác dùng súng tự động nã vào quan khách. Người ta nghe thấy tiếng viên Xử-lý thường-vụ Hòa-lan kêu thất thanh : « Chạy mau, chạy mau không thì chết ! ».

Đại-sứ Nga và Đại-sứ Anh chạy trốn kịp, trong khi Đại-sứ Pháp trèo qua một bức tường cao 2 thước thoát ra ngoài và Khâm-mạng Tòa Thánh La-mã cũng chạy qua cửa hậu thoát kịp.

Duy có vị tân Đại-sứ Mỹ Noel và Xử-lý thường-vụ Bỉ Guy thì bị trúng đạn vào chân nên chạy không kịp. Cả hai ông cùng với ông Moore và một số quan khách khác bị quân khủng bố dồn vào phòng khách canh gác cẩn mật. Sau đó quân khủng bố đi lục soát khắp Tòa Đại-sứ để truy lùng các nhà Ngoại-giao còn lẩn trốn và họ bắt Đại-sứ Hung-gia-lợi và Đại-sứ Nam-tư còn nằm trên mái nhà.

Quân khủng bố xưng danh là nhóm « Tháng 9 đen » và tuyên bố chỉ bắt giữ Đại-diện ngoại-giao của những nước không có cảm tình với Phong-trào giải-phóng Palestine. Vì vậy sau khi lựa chọn, họ chỉ giữ lại hai Đại-diện Ngoại-giao Mỹ, Xử-lý thường-vụ Bỉ (vì họ tưởng ông này là người Do-thái), Đại-sứ Arabie Seoudite và Đại-sứ Jordanie. Còn những người

khác, kể cả vợ con Đại-sứ Arabie Seoudite, đều được trả tự do.

Chính phủ Soudan đã phản ứng lại mạnh mẽ. Tổng Thống Soudan là Tướng Jaafar Numeiry đã triệu tập một phiên họp Hội-đồng Nộp-các bất thường để tìm cách ứng phó. Sau khi Chính-phủ Soudan hứa sẽ không tấn công Tòa Đại-sứ Arabie Seoudite, quân khủng bố bắt đầu thương-thuyết với Chính-phủ Soudan. Họ ra điều kiện là Hoa-kỳ sẽ thả Sirhan. Sirhan là tên tử tù đã ám sát cố Thượng Nghị-sĩ Robert Kennedy. Jordanie phải thả 16 người Palestine bị bắt vì tội âm mưu lật đổ Quốc-vương Hussein. Đức phải thả hai tên tội phạm, Palestine và Do-thái phải thả tất cả các nữ tù nhân Palestine. Nếu các yêu sách này không được thỏa mãn thì họ sẽ hành quyết ngay 2 nhà ngoại-giao Mỹ.

Sau 24 giờ đồng hồ không một quốc-gia nào chịu thỏa mãn những yêu-sách trên nên đến 9 giờ 39 đêm hôm sau 2 nhà ngoại-giao Mỹ và nhà ngoại-giao Bỉ bị một loạt súng hạ sát.

Đại-sứ Đức hú vía, vì đến phút chót ông bận việc không dự được cuộc tiếp tân của Đại-sứ Arabie Seoudite nên thoát nạn. Chính phủ Soudan ra lệnh cho quân khủng bố phải đầu hàng. Và sau đó Tổng Thống Numeiry của Soudan ra trước Vô-tuyến truyền-hình lớn tiếng tố cáo không những Phong-trào giải phóng Palestine mà còn lên án Đại-tá Kaddafi, Quốc-trưởng Lybie, là đã tiếp tay với quân khủng bố để làm rối loạn trật tự quốc-tế. Ông tuyên bố : « Đối với quân khủng bố, không phải chỉ có tháng 9 mới đen tối. Tôi sẽ dùng mọi biện pháp để tương lai họ ngày nào cũng bị đen tối. »

Soudan là một nước Ả-rập đã đoạn tuyệt với những người Ả-rập Palestine. Đó là một sự-kiện mới mẻ trong thái độ của chính người Ả rập trước Phong-trào giải phóng Palestine. Arabie Seoudite cũng giận dữ không kém vì chính Tòa Đại-sứ của nước này đã bị dùng làm nơi thảm sát, nên Quốc-vương Fayçal đã ra lệnh cúp viện trợ cho Phong-trào Palestine.

Càng dùng võ lực, Phong-trào giải phóng Palestine càng bị mất cảm tình của các nước trên thế giới.

Cuộc bầu-cử Quốc-hội tại Pháp

Cuộc bầu cử Quốc-hội Pháp đã diễn ra trong hai ngày Chủ nhật 4 và 11-3 vừa qua. Đây là một cuộc bầu cử hết sức gây cấn vì đảng De Gaulle cầm quyền từ 15 năm qua đã bị đe dọa mất đa số.

Liên-minh tả-phái của hai ông François Mitterand và Marchais qui tụ 2 đảng Xã-hội và Cộng-sản, đã lợi-dụng những vụ lạm-quyền và tham-nhũng của phe De Gaulle để bôi xấu chính-thể của phe này. Phe chống De Gaulle chủ trương gia tăng mức lương tối thiểu từ 900 quan lên tới 1.100 quan và đòi hạ tuổi hưu trí từ 55 xuống 60 tuổi. Hai đề-nghị này đã lôi cuốn dân chúng — nhất là giới lao động —

rất nhiều. Ông Mitterand cho rằng nước Pháp giàu nhưng dân Pháp nghèo vì chính phủ đã chi tiêu quá nhiều.

Nhưng các ứng-cử-viên đối-lập lại không được hấp dẫn lắm vì ngoài 2 điểm đáng chú ý nói trên, tả phái không có một đường lối rõ rệt. Ông Mitterand muốn một chính-sách không xã-hội mà cũng chẳng cộng-sản. Ông chỉ muốn thực hiện một nền Dân-chủ kinh-tế có nghĩa là thợ thuyền được tham gia vào việc quản-trị xí-nghiệp và được chia phần lời của xí-nghiệp, thì phe De Gaulle cũng đã thực hiện từ lâu rồi. Nếu Dân-chủ kinh-tế có nghĩa là nâng cao mức sống của người nghèo thì đó cũng là điều mà De Gaulle và Đảng của ông đã cố gắng làm từ nhiều năm qua.

Vì vậy tả phái chỉ có cách là chỉ trích đường lối độc-tài của phe De Gaulle mà thôi. Nhưng khi phe De Gaulle lên cầm quyền từ năm 1958 tới nay, người ta đã làm đủ mọi cách để dân chúng không chú ý tới chính-trị nữa. Ngày nay người dân Pháp chỉ muốn trao cho một nhóm người nhiệm vụ lo liệu cho họ, để họ rảnh rang kiếm tiền mua xe hơi, tủ lạnh, cuối tuần về miền quê nghỉ ngơi mà thôi. Vì vậy mà các luận-điệu của phe tả không gây được tiếng vang nào.

Hơn nữa ông Pompidou, Tổng-Thống Pháp, lại còn cảnh cáo dân Pháp là dù tả phái thắng thì ông cũng không chọn một nhân vật nào của phe này làm Thủ-tướng. Như vậy với một Tổng-Thống thuộc phe De Gaulle và một đa số thuộc tả phái, guồng máy chính-quyền Pháp sẽ bị kẹt.

Ngày 4-3 khi đi bỏ phiếu, cử-tri đã dồn 42% số phiếu cho phe tả và 35% cho phe De Gaulle. Nhưng theo luật bầu-cử Pháp, muốn đắc cử ở vòng đầu người ta cần phải có đa số tuyệt đối, nên con số đắc-cử chỉ lên tới 60 người. Vào vòng nhì thì chỉ cần lượm được nhiều phiếu nhất là đủ. Do đó ngày 11-3 khi dân chúng đi bầu vòng nhì thì các ứng-cử-viên liên kết với nhau để nhường phiếu cho nhau. Các ứng-cử-viên phe De Gaulle vào vòng nhì đã thắng. Vì vậy phe De Gaulle vẫn nắm được đa-số tại Quốc hội. Tuy nhiên trong nhiệm-kỳ này, phe De Gaulle bị mất 139 ghế nên chỉ nắm chính quyền nhờ có khoảng 12 ghế trội hơn phe đối lập.

Để đi tới kết quả này Tổng-Thống Pompidou đã không ngần ngại vi-phạm luật bầu-cử. 18 giờ đồng hồ sau khi cuộc cổ động bầu-cử chấm dứt, ông Pompidou đã bỏ địa-vị trọng tài của một vị Tổng-Thống mà nhảy xuống võ đài, đọc một bài diễn-văn, cảnh cáo dân Pháp là họ đang lựa chọn một chế-độ tự-do và một tình-trạng hỗn loạn của Tả phái. Hành động của ông Pompidou đã bị các người đối lập đả kích kịch liệt nhưng dù sao nó cũng cứu Pháp khỏi một cuộc khủng hoảng chế-độ.

Khủng bố ở Luân-đôn

Để giải quyết vấn đề tranh chấp giữa hai cộng đồng Công-giáo và Tin-

lành ở Bắc Ái-nhĩ-lan, chính phủ Anh đã quyết định tổ chức một cuộc trưng-cầu dân-ý để hỏi dân chúng vùng này xem họ muốn ở lại Cộng-đồng Anh hay muốn được sát nhập vào nước Cộng-hòa Ái-nhĩ-lan ở miền Nam. Vì số dân Tin-lành đông gấp đôi dân Công-giáo nên người ta biết trước là thế nào dân chúng Bắc Ái cũng sẽ quyết định ở lại trong Cộng-đồng Vương-quốc Thống-nhất Anh.

Nhưng dân Công-giáo nhất định không chấp nhận biện-pháp này. Đúng ngày bầu cử, Tổ-chức khủng bố Quân đội Cộng-hòa Ái-nhĩ-lan, (I.R.A) quyết định mở một mặt trận ngay giữa thủ-đô Luân-đôn. Một loạt bom và chất nổ đã nổ rầm trời tại thủ-đô Anh khiến cho thành phố này bị rung chuyển, khói lửa mù trời, một số cao ốc bị sập, gạch ngói ngổn ngang.

Đối với người dân Anh trầm tĩnh, đây là lần đầu tiên từ khi chiến tranh Thế-giới thứ hai chấm dứt, người ta mới phải chứng kiến một cảnh thịt nát xương rơi này. Kết quả là 1 người chết và 243 người bị thương.

Kết quả cuộc trưng-cầu dân-ý cũng hùng hồn không kém. Những người chủ trương ở lại trong Cộng-đồng Anh đã thắng lợi với tỷ-lệ 100 chống 1. Nhưng người Công-giáo đã tẩy chay cuộc trưng-cầu dân-ý này nên cuộc bỏ phiếu cũng chẳng có ý nghĩa gì. Vì vậy mà cuộc trưng-cầu dân-ý không những không mang lại một giải pháp nào tại Bắc Ái-nhĩ-lan mà lại còn du nhập bạo động sang chính nước Anh nữa.

TƯ MINH

Đã phát hành khắp nước :

CUỘC ĐÍNH HÔN TẠI ZURICH

- Nguyên bản Đức ngữ của nữ văn sĩ Đức BARBARA NOAK, một Quỳnh Dao của Tây phương.
- Một truyện tình đẹp và thơ mộng như mùa xuân.
- Đọc để thấy mình đang yêu, đã yêu và sẽ yêu.

TRIỀU LINH — QUỲNH LAN dịch

QUẾ SƠN xuất bản — NAM CƯỜNG tổng phát hành

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Truy-niệm Đông-Hồ

Lễ kỷ-niệm húy nhật đệ tứ chu niên Cố thi-sĩ Đông-Hồ (ngày 25-3) năm nay sẽ được tổ chức rất trọng thể tại Saigon, dưới sự yểm trợ của Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa và Bộ Giáo dục. Việc tổ chức được trao cho Trung tâm Văn bút V.N., Ban Truy niệm Cố thi-sĩ Đông Hồ và nhóm môn đệ Tư thục Trung Tiểu học Đông Hồ (Gia-định).

Trước hết một cuộc triển lãm về tranh ảnh, họa phẩm, di bút, các tác phẩm của Đông Hồ, các tác phẩm về Đông Hồ v.v... được tổ chức tại phòng triển lãm Thư-viện Quốc-gia Saigon từ 10 giờ sáng ngày 24-3-73 đến ngày 30-3-73, dưới sự hướng dẫn của Nữ sĩ Mộng Tuyết và toàn ban tổ chức.

Hôm sau, 10 giờ sáng Chủ nhật 25-3-1973, một buổi « Hội thoại truy niệm cố thi sĩ Đông-Hồ », lại được tổ chức tại Trụ sở của Trung tâm Văn bút Việt Nam ở Saigon. Các diễn giả gồm có các nhà văn nhà thơ : Thanh Lãng, Vũ Hoàng Chương, Vi Huyền Đắc, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Văn Sâm, Bình Nguyên Lộc, Đào Đăng Vỹ, Sơn Nam, Phạm Việt Tuyền.

Cũng ngày này (25-3) từ 19 giờ đến 21 giờ 30, một buổi trình diễn Văn-nghệ, dưới quyền điều khiển của thi sĩ Kiên Giang Hà Huy Hà, được tổ chức tại sân trường Trung Tiểu học Đông Hồ (ở 162 ABCDEFG đường Nguyễn Văn Thoại, Gia-định). Tham dự buổi trình diễn này có các ban Văn nghệ : Mây Tần, Thu Cúc, Hội Việt Mỹ Phượng Vân, trường Sương Nguyệt Anh, trường Quốc gia Thương mại. Ông Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa sẽ Chủ tọa cuộc triển lãm cũng như buổi trình diễn Văn nghệ nói trên.

Giúp đời để quên khổ

Trong cuốn *15 gương phụ nữ*(1)— nguyên tác của Bà Marianne Monestier, Nguyễn Hiến Lê trích và lược dịch — khi đề cập đến cuộc đời và sự nghiệp của Pearl Buck, một trong 6 nữ sĩ ở phần ba cuốn sách, dịch giả đã nêu lên về Bà là tấm gương « giúp đời để quên khổ ». Nữ sĩ vang danh quốc tế, dùng tác quyền của mình để giúp đời mà quên nỗi khổ của riêng mình, đã từ trần ngày 6-3-1973 vừa qua tại Hoa-kỳ.

Pearl sinh năm 1892 tại Hillsboro, ở tiểu bang Tây Virginie, Hoa-kỳ, là con thứ 6 của nhà truyền giáo Sydenstricker. Chào đời được 3 tháng, Pearl đã được cha mẹ đưa sang Trung Hoa, rồi lớn lên đi học với các bạn Trung Hoa, sau này lấy chồng — ông John Lessing Buck, kỹ sư canh nông — cũng lại cùng chồng sang truyền giáo (đạo Tin lành) ở Trung Hoa. Sống quá nửa tuổi đời ở Trung Hoa — trên 40 năm — nên các tác phẩm của Pearl Buck hầu hết đều viết về xã hội và đất nước Trung Hoa với lòng thiết tha thương

(1) Tri Đăng xuất bản, 1973.

mến như một quê hương thứ hai của Bà.

Bài báo đầu tiên của Bà trên một tạp chí Hoa-kỳ vào năm 1923 và tiểu thuyết đầu tay của Bà— « *Gió Đông, Gió Tây* » — cũng xuất bản vào năm 1923. Sau đó trong mấy chục năm trời Bà viết liên tiếp khoảng 80 cuốn vừa tiểu thuyết vừa tân tuyện, tùy bút v.v. Tới cuốn thứ 2 : *Đất lành* (The Good Earth 1931) Bà đã được độc giả hoan nghênh nhiệt liệt. Sách của Bà được dịch ra rất nhiều thứ tiếng. Riêng tại Việt-nam cũng đã có dịch các cuốn : *Gió Đông Gió Tây, Đất lành, Những người con trai Vương Long* (The sons), *Từ Hi Thái hậu, Dưới bóng Vạn lý v.v.*

Pearl Buck được giải Pulitzer—một giải về báo chí của Hoa-kỳ — Năm 1932 và giải Nobel về Văn chương năm 1938.

Nỗi khổ tâm riêng của Bà là sinh được một con gái thi em này trí khôn lại rất kém phát triển, chữa chạy mãi mà vẫn không có kết quả gì khả quan. Bà lại không sinh nở được nữa nên gia đình phải tan rã.

Điều đặc biệt là bà đã dành tác quyền của mình để dựng những trung tâm lấy tên là *Welcome House* để nuôi các trẻ mồ côi, nhất là trẻ con lai Mỹ bị bỏ rơi. Trung tâm này được dựng lên tại Hoa-kỳ cùng những ở nơi nào có chiến tranh và có lính Mỹ tham chiến : Đại hàn, Nhật bản và ngay cả ở Việt Nam nữa.

Sau khi bà Pearl Buck từ trần, Tổng Thống Nixon đã tuyên dương bà như một nhà văn có công gây được sự thông cảm và thân tình giữa hai dân tộc Mỹ và Trung Hoa. Tác phẩm cuối cùng, trước khi nhắm mắt của Bà, là *Đất Hồng* (The Red Earth) mô tả con cháu các nông trong *Đất lành* mấy chục năm sau. Bách-Khoa số tới sẽ có một bài đầy đủ về cuộc đời và sự nghiệp của Bà.

Dĩa nhạc thứ 2 của Trần Quang Hải.

Năm 1971, Bách Khoa đã có dịp giới thiệu nhạc sĩ Trần Quang Hải, — trưởng nam Giáo sư Trần Văn Khê — khi dĩa nhạc thứ nhứt về đàn tranh của anh ra đời tại Paris. Năm nay một dĩa nhạc thứ 2 khổ lớn, mang tên là *Tiếng hát Sông Hương* (Le Chant de la Rivère des Parfums) lại được ra đời tại Paris do 2 nhạc sĩ Việt là Trần Quang Hải đàn tranh, Trương Tăng đàn độc huyền, độc tấu hoặc hợp tấu các bản sau đây : Xòe Thái, Lưu Thủy Trường, Cây Trúc Xinh (Quan họ), Bình Bán, Ru Con (Miền Nam), Lưu Thủy Kim Tiền, Tiếng hát Sông Hương (Trần Quang Hải sáng tác), Ảo thanh (Trần Quang Hải tạo những âm thanh kỳ ảo bằng 2 chiếc muỗng canh), Hò Miền Nam, Vọng Cổ, Hái Hoa, Hát Ru (Miền Bắc)...

Tiếng đàn tranh, đàn cò, và đàn độc huyền điêu luyện của 2 nhạc sĩ Việt, đã từng trình tấu tại các nước ngoài, lại thêm kỹ thuật thâu thanh tuyệt hảo của hãng dĩa, làm cho người nghe thật thích thú.

Người ta được biết Trương Tăng là nhạc sĩ đã có nhiều sáng tác cho dương cầm, cho đàn tranh và độc huyền và lại là tác giả của một vở nhạc kịch mang tên là Dạ Hương. Anh sinh tại Miền Trung năm 1936,

chuyên về đàn tranh và đàn độc huyền, đã từng trình tấu nhiều lần trên đài truyền hình Pháp.

Trần Quang Hải — sinh năm 1944 tại Miền Nam — cũng như Trương Tăng đã học về nhạc Đông phương với Giáo sư Trần văn Khê tại Trung tâm Nghiên cứu Nhạc Đông phương ở Paris. Nhạc sĩ Trần Quang Hải đã sử dụng được nhạc khí của nhiều nước Đông phương như Ấn-độ, Ba-tư, Trung-hoa v.v... Nhạc khí Việt-nam thì anh chuyên về đàn tranh, đàn cò, và sênh tiền. Anh còn tinh luyện kỹ thuật tạo âm thanh bằng 2 cái muỗng canh, rất được thính giả nước ngoài chú ý.

Từ năm 1966 anh đã trình tấu và thuyết trình ở các Nhà Văn hóa, các Đại học tại nhiều nước Âu Châu về nhạc Đông phương và trình tấu trên đài truyền thanh, truyền hình Pháp, Đức, Bỉ, Anh, Đan-mạch, Ý, Thụy-sĩ, Ba-tư.

Từ năm 1970, 1971 và nhất là năm 1972 anh đã tham dự rất nhiều Đại-nhạc-hội quốc-tế tổ chức tại Pháp hay các nước khác. Nhạc sĩ Trần-Quang-Hải hiện dạy đàn tranh tại Trung tâm Nghiên cứu nhạc Đông phương ở Paris.

THU THỦY

Đã phát hành :

HỒI KÝ 41 NĂM LÀM BÁO

của HỒ HỮU TƯỜNG

BẠCH TẦN

Truyện dài của TỪ VU

Bản dịch : VI HUYỀN ĐẮC

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Cadao mới phát hành

— MỐI TÌNH CỦA CHÀNG NHẠC SĨ
của Herman Hesse — Vũ Đằng dịch

— GIÁO DỤC VÀ Ý NGHĨA CUỘC SỐNG
của Krishnamurti — Hoài Khanh dịch

(*Sách in lần thứ hai theo hai lời yêu cầu của một số thân hữu*)

TỦ SÁCH NHÀ THƠ VÀ TIẾNG THƠ (*sắp phát hành*)

— TÔ ĐÔNG PHA, NHỮNG PHƯƠNG TRỜI VIỄN MỘNG Tuệ Sỹ viết.

— NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, TIẾNG THƠ BẤT KHUẤT Hoài Khanh viết.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.